

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin
cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần
mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai**

Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.¹

¹ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng phục vụ quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tại khoản 3 Điều 164 Luật Đất đai và nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của các cơ sở dữ liệu thành phần cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai: địa chính; điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thống kê, kiểm kê đất đai; cơ sở dữ liệu khác liên quan đến đất đai tại khoản 3 Điều 165 Luật Đất đai.

Nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật về đất đai và nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành và được kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để khai thác sử dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương; Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; công chức địa chính ở xã, phường, thị trấn.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dữ liệu đất đai* là thông tin đất đai ở dạng số, bao gồm dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính và dữ liệu đất đai phi cấu trúc.

2. *Dữ liệu không gian đất đai* bao gồm dữ liệu không gian đất đai nền và dữ liệu không gian đất đai chuyên đề về: địa chính; điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thống kê, kiểm kê đất đai; dữ liệu khác liên quan đến đất đai.

3. *Dữ liệu thuộc tính đất đai* bao gồm dữ liệu thuộc tính có cấu trúc về: địa

liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đất đai;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai.”

chính; điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thống kê, kiểm kê đất đai; dữ liệu khác liên quan đến đất đai.

4. *Dữ liệu đất đai phi cấu trúc* là những dữ liệu không tuân theo một cấu trúc hay mô hình dữ liệu cụ thể, bao gồm các tập tin pdf, tập tin văn bản, tập tin ảnh, tập tin đồ họa và các dạng dữ liệu phi cấu trúc khác về: địa chính; điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thống kê, kiểm kê đất đai; dữ liệu khác liên quan đến đất đai.

5. *Siêu dữ liệu đất đai* là các thông tin mô tả về dữ liệu đất đai.

6. *Cấu trúc dữ liệu* là cách tổ chức và lưu trữ dữ liệu trên máy tính theo hệ thống để sử dụng dữ liệu hiệu quả.

7. *Kiểu thông tin của dữ liệu* là tên, kiểu giá trị và độ dài trường thông tin của dữ liệu.

8. *XML (eXtensible Markup Language - ngôn ngữ đánh dấu mở rộng)* là một định dạng chuẩn để mã hóa dữ liệu phục vụ trao đổi dữ liệu.

9. *GML (Geography Markup Language - ngôn ngữ đánh dấu địa lý mở rộng)* là một định dạng chuẩn để mã hóa dữ liệu không gian phục vụ trao đổi dữ liệu.

10. *JSON (JavaScript Object Notation - kiểu dữ liệu trao đổi)* là một định dạng dữ liệu dựa trên văn bản được mã hóa để phục vụ trao đổi dữ liệu.

11. *GeoJSON (Geographic JavaScript Object Notation - kiểu dữ liệu trao đổi các đối tượng địa lý)* là một định dạng chuẩn để mã hóa các cấu trúc dữ liệu địa lý phục vụ trao đổi dữ liệu.

Chương II

NỘI DUNG, CẤU TRÚC, KIỂU THÔNG TIN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐẤT ĐAI

Điều 4. Mô hình dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Thành phần cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 165 của Luật Đất đai được thiết kế theo mô hình dữ liệu gồm: dữ liệu không gian đất đai, dữ liệu thuộc tính đất đai, dữ liệu đất đai phi cấu trúc và siêu dữ liệu đất đai.

Điều 5. Nội dung dữ liệu không gian đất đai

Dữ liệu không gian đất đai bao gồm dữ liệu không gian đất đai nền và dữ liệu không gian đất đai chuyên đề.

1. Nội dung dữ liệu không gian đất đai nền:

a) Dữ liệu không gian điểm không chế đo đạc gồm: lớp dữ liệu điểm tọa độ; lớp dữ liệu điểm độ cao;

b) Dữ liệu không gian biên giới, địa giới gồm: lớp dữ liệu mốc biên giới, địa

giới; lớp dữ liệu đường biên giới; lớp đường địa giới hành chính cấp tỉnh;² lớp dữ liệu đường địa giới hành chính cấp xã; lớp dữ liệu địa phận hành chính cấp tỉnh;³ lớp dữ liệu địa phận hành chính cấp xã;

c) Dữ liệu không gian thủy hệ gồm: lớp dữ liệu thủy hệ dạng đường; lớp dữ liệu thủy hệ dạng vùng; lớp dữ liệu đường mép nước;

d) Dữ liệu không gian giao thông gồm: lớp dữ liệu tìm đường; lớp dữ liệu giao thông dạng vùng; lớp dữ liệu giao thông dạng đường; lớp dữ liệu mặt đường giao thông;

đ) Dữ liệu không gian địa danh và ghi chú gồm: lớp dữ liệu điểm địa danh; lớp dữ liệu điểm ghi chú.

2. Nội dung dữ liệu không gian đất đai chuyên đề:

a) Dữ liệu không gian địa chính gồm: lớp dữ liệu thửa đất; lớp dữ liệu thửa đất định vị dạng vùng; lớp dữ liệu thửa đất định vị dạng điểm; lớp dữ liệu tài sản gắn liền với đất; lớp dữ liệu đường chỉ giới hành lang an toàn bảo vệ công trình; lớp dữ liệu mốc giới hành lang an toàn bảo vệ công trình; lớp dữ liệu đường chỉ giới quy hoạch; lớp dữ liệu mốc giới quy hoạch;

b) Dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất gồm: nhóm lớp dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước; nhóm lớp dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh;

c) Dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm: nhóm lớp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; nhóm lớp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; nhóm lớp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã⁴;

d) Dữ liệu không gian giá đất gồm: lớp dữ liệu vùng giá trị; lớp dữ liệu thửa đất chuẩn; lớp dữ liệu thửa đất cụ thể;

đ) Dữ liệu không gian thống kê, kiểm kê đất đai gồm: nhóm lớp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cả nước, vùng kinh tế - xã hội; nhóm lớp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp tỉnh;⁵ nhóm lớp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã;

e) Dữ liệu không gian của dữ liệu khác liên quan đến đất đai gồm: nhóm lớp dữ liệu kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính; lớp dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất; nhóm lớp dữ liệu tổng hợp về giá đất.

Điều 6. Nội dung dữ liệu thuộc tính đất đai

Nội dung dữ liệu thuộc tính đất đai bao gồm dữ liệu về: địa chính; điều tra,

² Cụm từ “lớp dữ liệu đường địa giới hành chính cấp huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³ Cụm từ “lớp dữ liệu địa phận hành chính cấp huyện;” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴ Cụm từ “cấp huyện” được thay thế bởi cụm từ “cấp xã” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁵ Cụm từ “nhóm lớp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp huyện;” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thống kê, kiểm kê đất đai; dữ liệu khác liên quan đến đất đai.

1. Dữ liệu thuộc tính địa chính gồm: nhóm dữ liệu về thửa đất; nhóm dữ liệu về người quản lý, sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất; nhóm dữ liệu về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; nhóm dữ liệu về biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất; nhóm dữ liệu về hồ sơ địa chính; nhóm dữ liệu về thông tin ngăn chặn quyền.

2. Dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất gồm: nhóm dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước; nhóm dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.

3. Dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm: nhóm dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; nhóm dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; nhóm dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã⁶.

4. Dữ liệu thuộc tính giá đất gồm: dữ liệu về quyết định giá đất; dữ liệu về bảng giá đất; dữ liệu về giá thửa đất; dữ liệu về thửa đất chuẩn; dữ liệu về thửa đất cụ thể.

5. Dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai gồm: nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cả nước, vùng kinh tế - xã hội; nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp tỉnh;⁷ nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã; nhóm dữ liệu kiểm kê đất đai chuyên đề.

6. Dữ liệu thuộc tính của dữ liệu khác liên quan đến đất đai gồm: dữ liệu hồ sơ đất đai tại trung ương; nhóm dữ liệu về thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính; dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất; dữ liệu về tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam; dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, huỷ; dữ liệu tổng hợp về giá đất.

Điều 7. Nội dung dữ liệu đất đai phi cấu trúc

Nội dung dữ liệu đất đai phi cấu trúc bao gồm các tập tin pdf, tập tin văn bản, tập tin ảnh, tập tin đồ họa và các dạng dữ liệu phi cấu trúc khác của: tài liệu về địa chính; tài liệu về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; tài liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tài liệu về giá đất; tài liệu về thống kê, kiểm kê đất đai; tài liệu về hồ sơ đất đai tại trung ương.

Điều 8. Nội dung siêu dữ liệu đất đai

1. Siêu dữ liệu đất đai gồm các thông tin mô tả về dữ liệu của các nội dung

⁶ Cụm từ “cấp huyện” được thay thế bởi cụm từ “cấp xã” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷ Cụm từ “nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp huyện;” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

dữ liệu đất đai quy định tại các Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Thông tư này.

2. Siêu dữ liệu đất đai gồm: nhóm thông tin chung về siêu dữ liệu đất đai; nhóm thông tin mô tả hệ quy chiếu tọa độ; nhóm thông tin mô tả dữ liệu đất đai; nhóm thông tin mô tả chất lượng dữ liệu đất đai; nhóm thông tin mô tả phương thức chia sẻ dữ liệu đất đai.

3. Thông tin mô tả chất lượng dữ liệu đất đai xác định theo tài liệu, hồ sơ đất đai được sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu và được cập nhật khi chất lượng dữ liệu có thay đổi.

Điều 9. Cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Cấu trúc, kiểu thông tin của các dữ liệu, tài liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tại các Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Hệ quy chiếu không gian và thời gian áp dụng cho dữ liệu quốc gia về đất đai

1. Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia, hệ độ cao quốc gia áp dụng cho dữ liệu không gian đất đai được thực hiện theo quy định Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000.

a) Đối với dữ liệu không gian cấp quốc gia sử dụng lưới chiếu hình nón đồng góc với hai vĩ tuyến chuẩn 11^0 và 21^0 , kinh tuyến trung ương 108^0 cho toàn lãnh thổ Việt Nam;

b) Đối với dữ liệu không gian cấp vùng sử dụng cơ sở toán học lưới chiếu hình trụ ngang đồng góc với múi chiếu 6^0 , có hệ số điều chỉnh tỷ lệ biến dạng chiều dài $k_0 = 0,9996$;

c) Đối với dữ liệu không gian các cấp còn lại sử dụng lưới chiếu hình trụ ngang đồng góc với múi chiếu 3^0 có hệ số điều chỉnh tỷ lệ biến dạng chiều dài $k_0 = 0,9999$, kinh tuyến trục của⁸ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Hệ quy chiếu thời gian: ngày, tháng, năm theo Dương lịch; giờ, phút, giây theo múi giờ UTC + 07:00 (Coordinated Universal Time).

Điều 11. Trình bày, hiển thị cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

1. Dữ liệu thuộc tính đất đai được trình bày, hiển thị theo quy định của pháp luật đất đai về: địa chính; điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thống kê, kiểm kê đất đai.

2. Dữ liệu không gian đất đai được trình bày, hiển thị theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

⁸ Từ “tỉnh” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 12. Định dạng trong trao đổi, chia sẻ dữ liệu đất đai và siêu dữ liệu đất đai

1. Chuẩn định dạng dữ liệu sử dụng trong trao đổi, chia sẻ dữ liệu đất đai
 - a) Đối với dữ liệu không gian đất đai áp dụng theo ngôn ngữ định dạng GML hoặc định dạng GeoJSON;
 - b) Đối với dữ liệu thuộc tính đất đai áp dụng theo ngôn ngữ định dạng mở rộng XML hoặc định dạng JSON;
 - c) Đối với dữ liệu đất đai phi cấu trúc thì giữ nguyên theo định dạng lưu trữ dữ liệu khi trao đổi dữ liệu.
2. Chuẩn định dạng siêu dữ liệu sử dụng trong trao đổi, chia sẻ siêu dữ liệu đất đai được áp dụng theo ngôn ngữ định dạng mở rộng XML hoặc định dạng JSON.
3. Dữ liệu đất đai và siêu dữ liệu đất đai được trao đổi, chia sẻ dưới dạng tệp dữ liệu thông qua các dịch vụ trao đổi, chia sẻ dữ liệu hoặc các thiết bị lưu trữ.
4. Định dạng trao đổi, chia sẻ dữ liệu cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.
5. Định dạng trong trao đổi, chia sẻ dữ liệu đất đai và siêu dữ liệu đất đai được quy định chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

YÊU CẦU KỸ THUẬT VỀ PHẦN MỀM ỨNG DỤNG CỦA HỆ THỐNG THÔNG TIN QUỐC GIA VỀ ĐẤT ĐAI

Điều 13. Yêu cầu kỹ thuật chung của phần mềm

Phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai phải đáp ứng các yêu cầu chung về kỹ thuật như sau:

1. Đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.
2. Phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.
3. Đáp ứng yêu cầu về tính sẵn sàng với giao thức liên mạng trên Internet IPv6 (*Internet protocol version 6*).
4. Đáp ứng yêu cầu triển khai trên điện toán đám mây.

Điều 14. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật công nghệ, quy mô triển khai và hiệu năng phần mềm

Phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai phải đáp

ứng các yêu cầu về giải pháp kỹ thuật công nghệ, quy mô triển khai và hiệu năng như sau:

1. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật công nghệ
 - a) Tương thích với hạ tầng công nghệ thông tin;
 - b) Có cam kết, hỗ trợ từ các tổ chức cung cấp nền tảng phát triển ứng dụng, dịch vụ;
 - c) Đáp ứng về giải pháp truy cập và dịch vụ phân phối dữ liệu;
 - d) Đáp ứng về giải pháp chia sẻ, tích hợp.
2. Yêu cầu về quy mô triển khai
 - a) Đáp ứng quy mô triển khai trên phạm vi toàn quốc;
 - b) Đáp ứng phục vụ cho các nhóm người dùng khác nhau trong quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.
3. Yêu cầu về hiệu năng
 - a) Đáp ứng các yêu cầu về thời gian xử lý;
 - b) Đáp ứng yêu cầu về số lượng người dùng truy cập đồng thời vào hệ thống.
4. Yêu cầu chi tiết về giải pháp kỹ thuật công nghệ, quy mô triển khai và hiệu năng phần mềm được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Yêu cầu về chức năng phần mềm

Phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai phải đáp ứng các yêu cầu về chức năng như sau:

1. Yêu cầu các chức năng quản trị hệ thống và cơ sở dữ liệu
 - a) Quản lý, giám sát, cấp tài khoản và phân quyền cho các nhóm người dùng; sao lưu, phục hồi dữ liệu; quản lý, thống kê tình hình truy cập hệ thống, khai thác thông tin đất đai của người sử dụng;
 - b) Quản lý, giám sát về kết nối, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin khác;
 - c) Đáp ứng yêu cầu về thiết kế nội dung, cấu trúc của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;
 - d) Đáp ứng yêu cầu về trao đổi, kế thừa các kết quả xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của các địa phương.
2. Yêu cầu các chức năng quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai của trung ương
 - a) Đáp ứng yêu cầu về tin học hóa và quản lý quy trình luân chuyển hồ sơ theo quy định thủ tục hành chính về đất đai;

b) Đáp ứng yêu cầu về quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai do trung ương quản lý;

c) Đáp ứng yêu cầu về tổng hợp, báo cáo hỗ trợ ra quyết định từ cơ sở dữ liệu đất đai do trung ương quản lý.

3. Yêu cầu các chức năng về nghiệp vụ đất đai tại địa phương

a) Đáp ứng yêu cầu về tin học hóa các quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển hồ sơ theo quy định thủ tục hành chính về đất đai;

b) Đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai do địa phương quản lý;

c) Đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ quản lý đất đai của địa phương;

d) Đáp ứng yêu cầu về tổng hợp, báo cáo hỗ trợ ra quyết định từ cơ sở dữ liệu đất đai do địa phương quản lý;

đ) Đáp ứng yêu cầu về kết nối, đồng bộ, tích hợp dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

4. Yêu cầu các chức năng về trao đổi, chia sẻ thông tin dữ liệu đất đai

a) Đáp ứng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁹;

b) Đáp ứng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh;

c) Đáp ứng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ quan thuế;

d) Đáp ứng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

đ) Đáp ứng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật;

e) Đáp ứng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra và cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

g) Đáp ứng kết nối, chia sẻ dữ liệu khi địa phương thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

h) Đáp ứng kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành.

5. Yêu cầu về chức năng hỗ trợ người dùng

a) Ghi nhận phản hồi của người dùng và trợ giúp trực tuyến từ phần mềm;

b) Cập nhật bản vá lỗi kỹ thuật tự động.

⁹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

6. Yêu cầu chi tiết về chức năng phần mềm được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Yêu cầu về an toàn thông tin

1. Phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai phải đáp ứng các yêu cầu an toàn thông tin về: xác thực; kiểm soát truy cập; nhật ký hệ thống; an toàn ứng dụng và mã nguồn; bảo mật thông tin liên lạc; sao lưu dự phòng.

2. Yêu cầu chi tiết về an toàn thông tin được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với cơ sở dữ liệu đất đai đã xây dựng mà chưa phù hợp về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin được quy định tại Thông tư này thì phải rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Đối với phần mềm ứng dụng quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương mà chưa đảm bảo theo các yêu cầu kỹ thuật được quy định tại Điều 13; điểm a, điểm c và điểm d khoản 1 và khoản 3 Điều 14; điểm a, điểm c khoản 1, khoản 3, điểm b, điểm c và điểm d khoản 4 Điều 15 của Thông tư này thì phải hoàn thiện, nâng cấp phần mềm trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

2. Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai.

Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện¹⁰

1. Cục Quản lý đất đai¹¹ có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

¹⁰ Điều 12 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, quy định như sau:

“Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục Quản lý đất đai có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm triển khai việc thực hiện Thông tư này ở địa phương. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Quản lý đất đai) để xem xét, quyết định./.”

¹¹ Cụm từ “Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai” được thay thế bởi cụm từ “Cục Quản lý đất đai” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phổ biến, chỉ đạo, thực hiện Thông tư này.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường¹² có trách nhiệm triển khai việc thực hiện Thông tư này ở địa phương.

Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹³ để xem xét, quyết định/.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Bộ NN&MT (để đăng tải);
- Các đơn vị thuộc Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, QLĐĐ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Minh Ngân

¹² Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹³ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Phụ lục I: Cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.
2. Phụ lục II: Trình bày, hiển thị dữ liệu không gian đất đai.
3. Phụ lục III: Định dạng trong trao đổi, chia sẻ dữ liệu đất đai và siêu dữ liệu đất đai.
4. Phụ lục IV: Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật, công nghệ, quy mô triển khai và hiệu năng phần mềm.
5. Phụ lục V: Yêu cầu về chức năng phần mềm.
6. Phụ lục VI: Yêu cầu về an toàn thông tin.

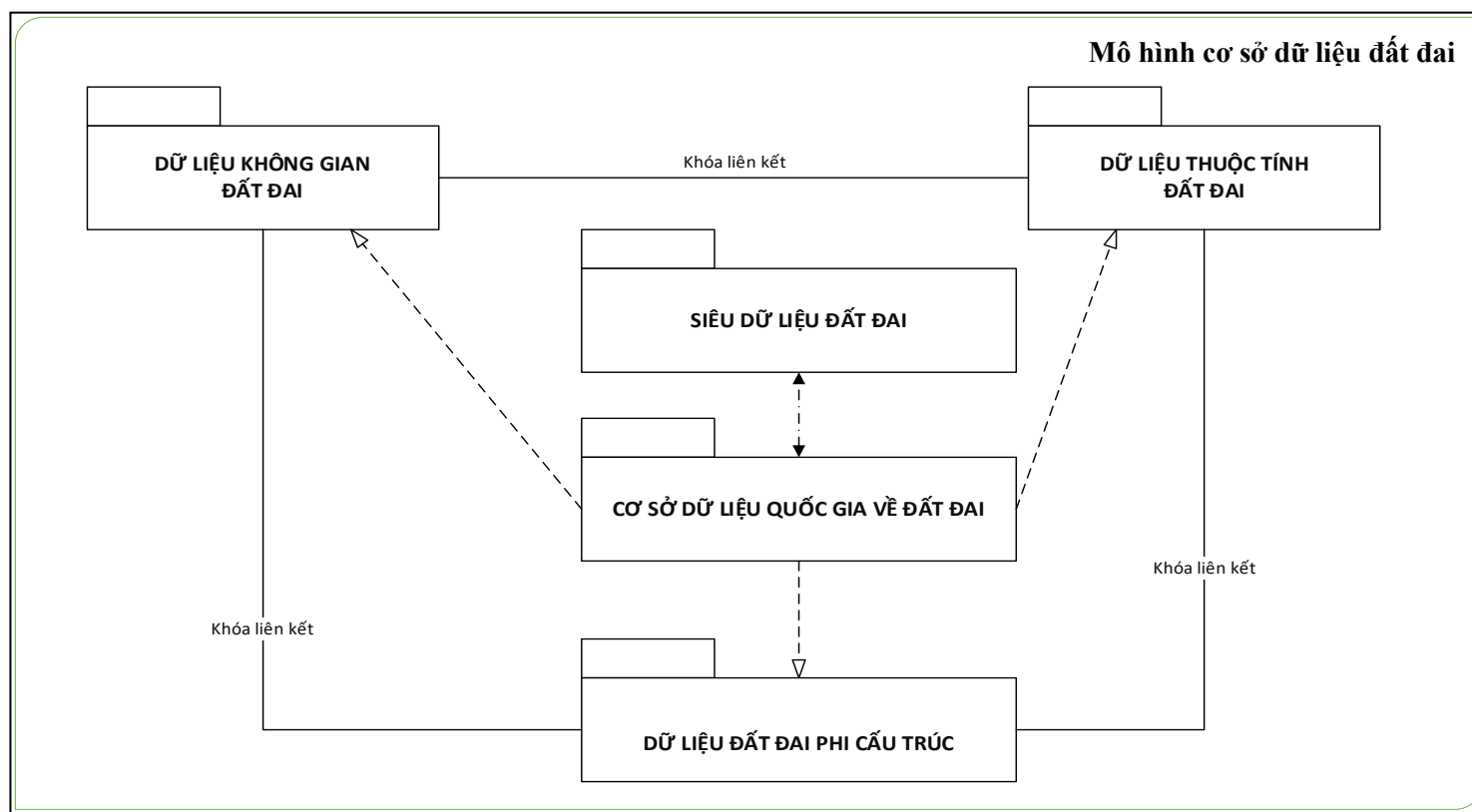
PHỤ LỤC I

CẤU TRÚC, KIỂU THÔNG TIN CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐẤT ĐAI

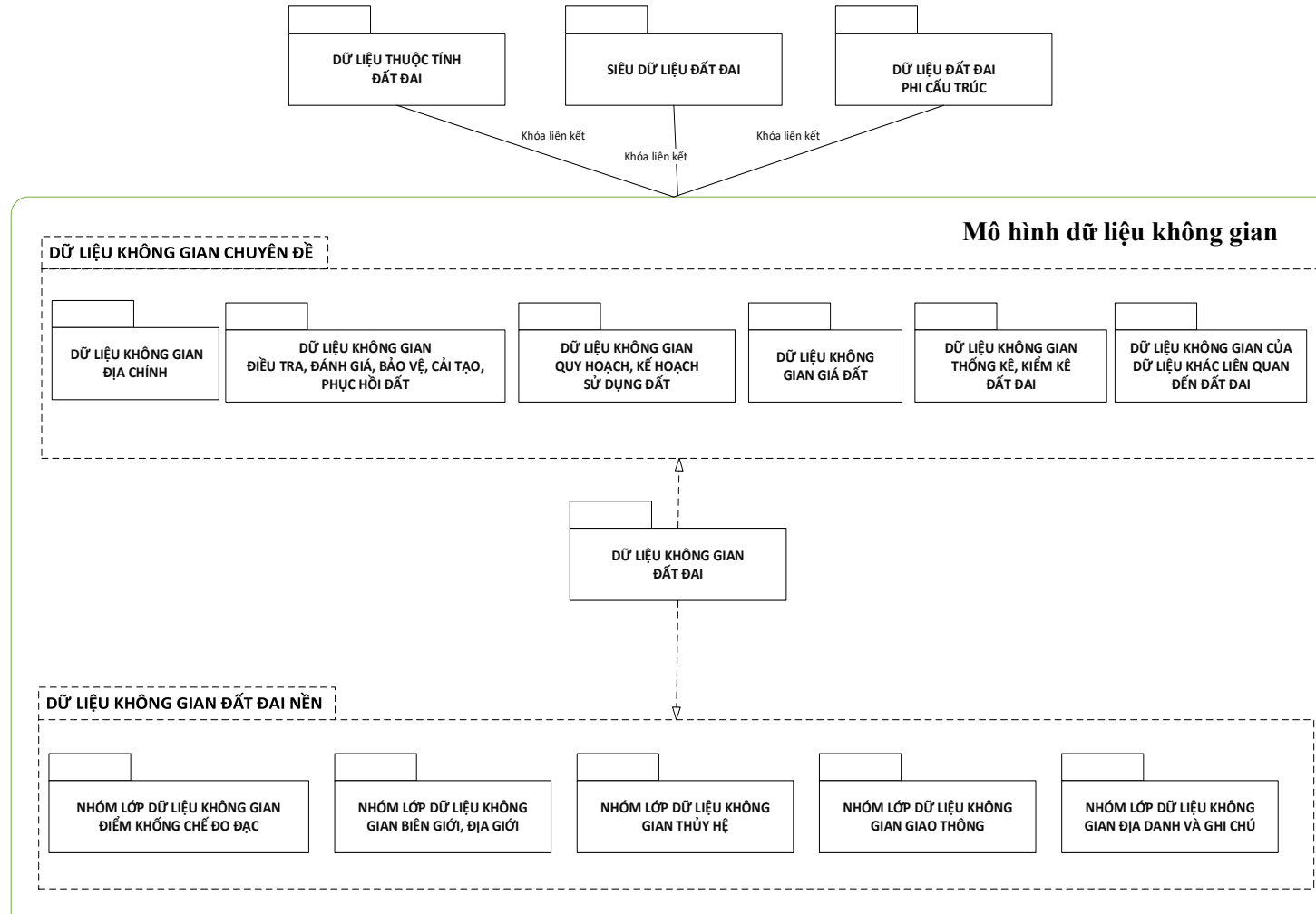
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. Mô hình cơ sở dữ liệu đất đai

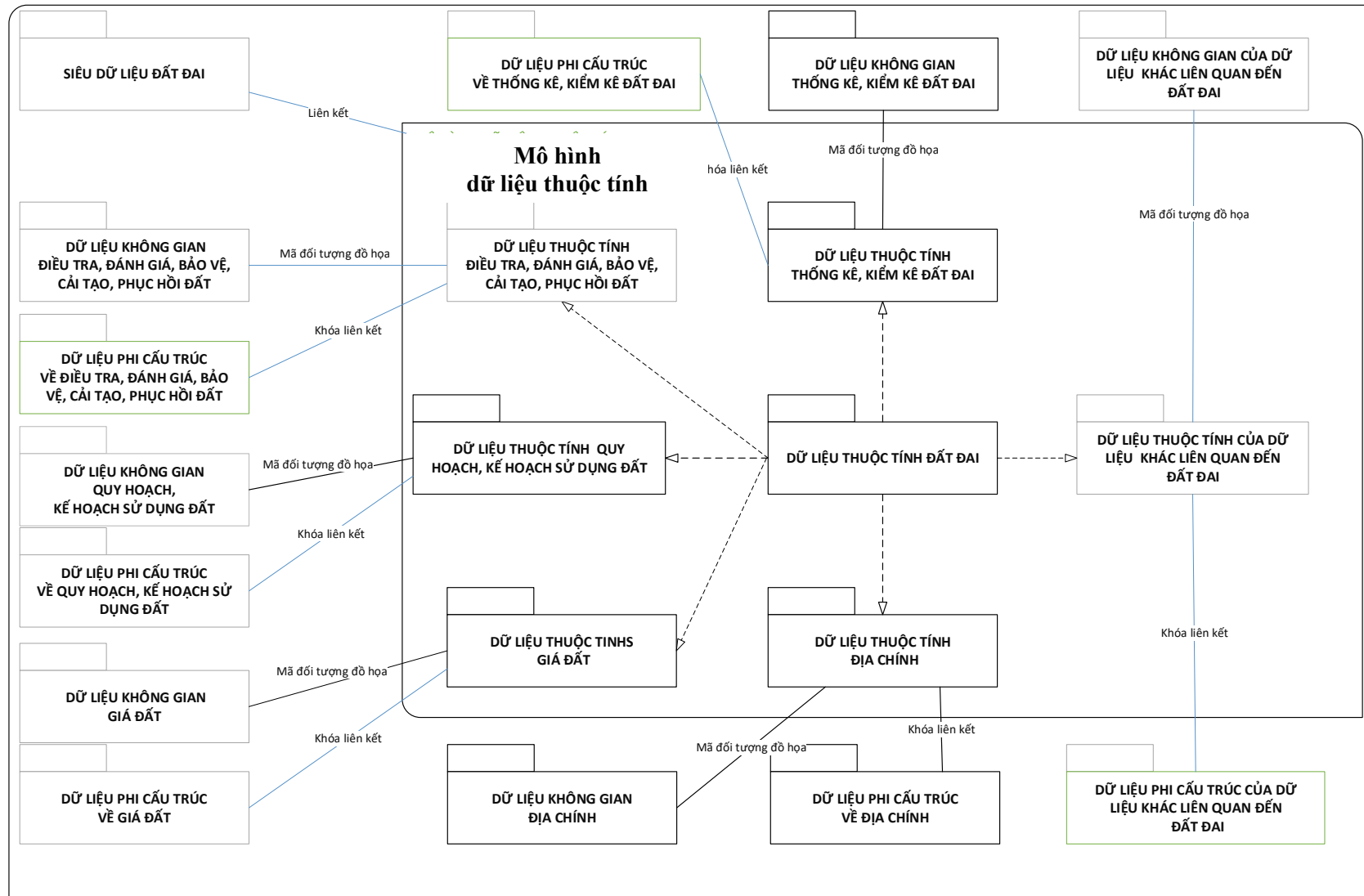
1. Mô hình tổng quát



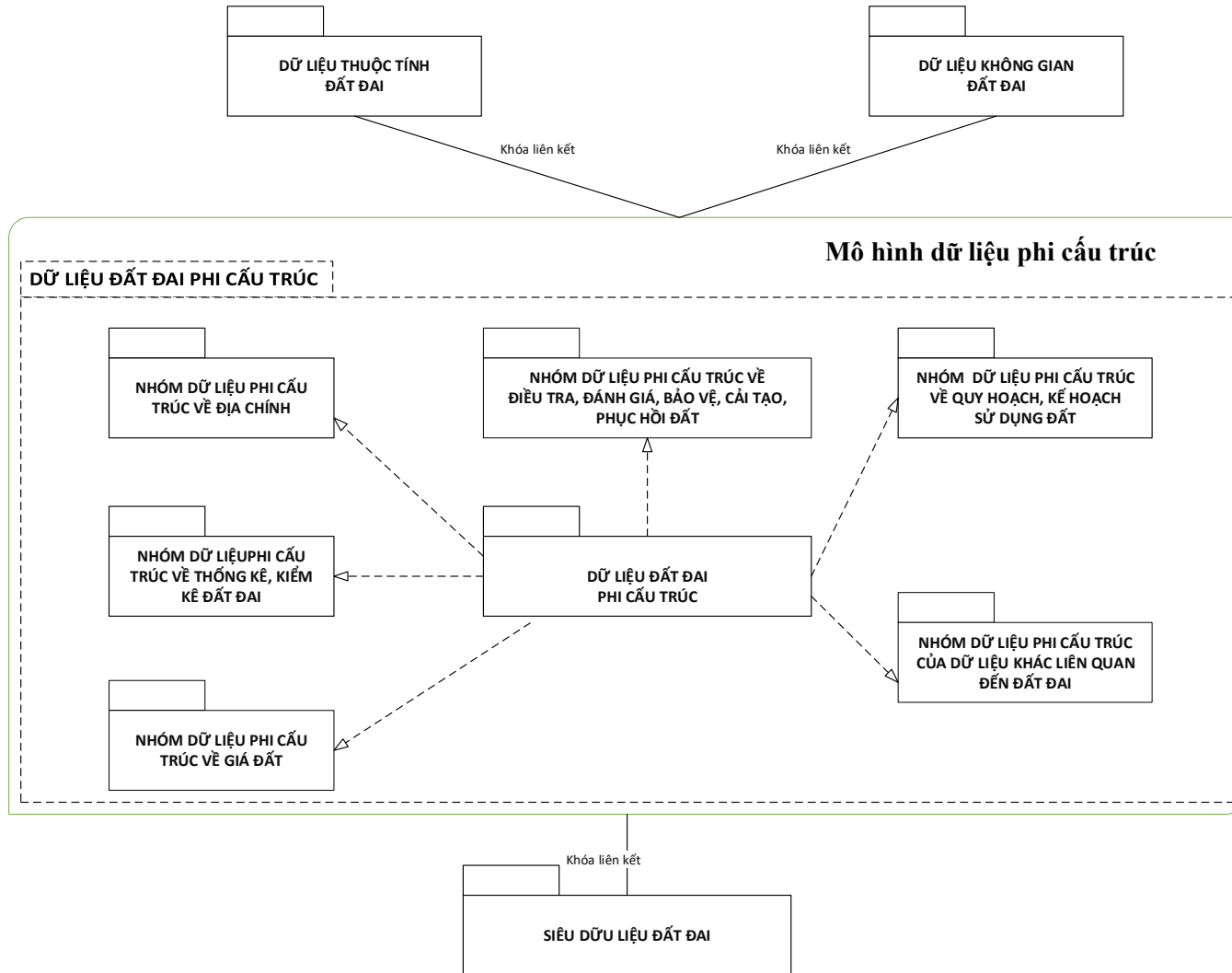
2. Mô hình dữ liệu không gian đất đai



3. Mô hình dữ liệu thuộc tính đất đai



4. Mô hình dữ liệu đất đai phi cấu trúc



II. Cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu đất đai

1. Dữ liệu danh mục, bảng mã

1.1. Loại điểm tọa độ

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiDiemToaDo

Mã	Mã Địa lý	Giá trị
1	BC05	Điểm thiên văn
2	BC02	Điểm tọa độ quốc gia
3	BC06	Điểm địa chính cơ sở
4	BC07	Điểm địa chính
5	BC08	Điểm không chế

1.2. Loại điểm độ cao

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiDiemDoCao

Mã	Mã Địa lý	Giá trị
1	BA01	Độ cao quốc gia
2	BA05	Độ cao kỹ thuật có chôn mốc

1.3. Loại mốc

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiMoc

Mã	Giá trị
1	Mốc chôn
2	Mốc gấn
3	Khác

1.4. Loại cấp hạng

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiCapHang

Mã	Giá trị
1	Cấp 0
2	Hạng I

Mã	Giá trị
3	Hạng II
4	Hạng III
5	Hạng IV

1.5. Loại mốc biên giới, địa giới

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiMocBienGioiDiaGioi

Mã	Mã Địa lý	Giá trị
1	SHD	Mốc biên giới
2	AD08	Mốc địa giới hành chính cấp tỉnh
3	AD07	Mốc địa giới hành chính cấp huyện
4	AD06	Mốc địa giới hành chính cấp xã

1.6. Loại thủy hệ

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiThuyHe

Mã	Mã Địa lý	Giá trị
1	KL01	Sông, ngòi, kênh, rạch, suối
2	CB03	Mặt nước chuyên dùng
3	GE08	Đường giới hạn chân đê
4	KG03	Đập
5	KG02	Cống thủy lợi

1.7. Loại đường

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiDuong

Mã	Mã Địa lý	Giá trị
1	GK08	Đường bộ
2	GL08	Đường sắt
3	GG05	Cầu

1.8. Phân cấp đường giao thông

Tên bảng dữ liệu: DM_PhanCapDuongGiaoThong

Mã	Mã Địa lý	Giá trị
1	GK01	Đường Quốc lộ
2	GK02	Đường Tỉnh
3	GK03	Đường Huyện
4	GK04	Đường Xã
5	GK05	Đường cao tốc
6	GK06	Đường đô thị
7	GK09	Đường chuyên dùng
8	GL01	Đường sắt Quốc gia
9	GL03	Đường sắt đô thị
10	GL02	Đường sắt chuyên dùng
11	GG05	Cầu các loại

1.9. Loại địa danh

Tên bảng dữ liệu: LoaiDiaDanh

Mã	Giá trị
DC	Dân cư
SV	Sơn văn
TV	Thủy văn
KX	Kinh tế, văn hóa, xã hội

1.10. Loại tài liệu đo đạc địa chính

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiTaiLieuDoDacDiaChinh

Mã	Giá trị
1	Bản đồ địa chính (VN2000)
2	Bản đồ địa chính (HN72)
3	Bản đồ 299/TTg

Mã	Giá trị
4	Sơ đồ trích đo địa chính
5	Tài liệu đo đạc khác (Tùy thuộc vào tình hình quản lý đo đạc thực tế tại địa phương để bổ sung chi tiết loại tài liệu đo đạc vào danh mục)

1.11. Loại hình đo đạc lập bản đồ địa chính

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiHinhDoDacBanDoDiaChinh

Mã	Giá trị
1	Đo đạc mới bản đồ địa chính
2	Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính
3	Đo đạc bổ sung bản đồ địa chính
4	Đo vẽ lại bản đồ địa chính
5	Trích đo địa chính

1.12. Loại tài sản gắn liền với đất

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiTaiSanGanLienVoiDat

Mã	Giá trị
1	Nhà ở riêng lẻ
2	Khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp
3	Nhà chung cư
4	Căn hộ
5	Hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ
6	Công trình xây dựng
7	Công trình ngầm
8	Hạng mục của công trình xây dựng
9	Rừng sản xuất là rừng trồng
10	Cây lâu năm

Ghi chú: Loại tài sản gắn liền với đất là “Rừng sản xuất là rừng trồng”, “Cây lâu năm” chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 1/8/2024.

1.13. Loại trạng thái đăng ký cấp giấy chứng nhận

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiTrangThaiDangKyCapGCN

Mã	Giá trị
1	Chưa đăng ký
2	Đã đăng ký, chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận
3	Đã đăng ký, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận
4	Đã đăng ký, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận
5	Đã cấp giấy chứng nhận

1.14. Loại quy hoạch

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiQuyHoach

Mã	Giá trị
1	Quy hoạch sử dụng đất
2	Quy hoạch xây dựng
3	Quy hoạch giao thông
4	Quy hoạch khác có liên quan

1.15. Loại hành lang an toàn bảo vệ

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiHanhLangAnToanBaoVe

Mã	Giá trị
1	Hành lang bảo vệ sông
2	Hành lang bảo vệ đê điều
3	Hành lang bảo vệ cầu
4	Hành lang bảo vệ nguồn nước
5	Hành lang an toàn ống cấp nước
6	Hành lang an toàn đường sắt

7	Hành lang an toàn đường bộ
8	Hành lang an toàn lưới điện
9	Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện
10	Đất xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn
11	Hành lang an toàn bảo vệ khác

1.16. Loại giấy tờ tùy thân

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiGiayToTuyThan

Mã	Giá trị
1	Giấy khai sinh
2	Chứng minh nhân dân (dữ liệu về Chứng minh nhân dân chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/01/2025)
3	Giấy chứng minh sỹ quan quân đội nhân dân Việt Nam
4	Giấy chứng minh công an nhân dân
5	Căn cước công dân
6	Hộ chiếu
7	Sổ hộ khẩu (dữ liệu về Sổ hộ khẩu chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
8	Các loại giấy tờ tùy thân khác
9	Thẻ căn cước
10	Mã định danh cá nhân

1.17. Đối tượng sử dụng, quản lý đất

Tên bảng dữ liệu: DM_DoiTuongSuDungQuanLy

Mã	Giá trị
GDC	Hộ gia đình, cá nhân trong nước (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
TCC	Tổ chức trong nước
TKT	Tổ chức kinh tế (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “tổ chức kinh tế trong nước”)

Mã	Giá trị
TCN	Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Cơ quan, đơn vị của Nhà nước”)
TSN	Đơn vị sự nghiệp công lập (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Tổ chức sự nghiệp công lập”)
TKH	Tổ chức khác (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Tổ chức trong nước khác”)
NNG	Tổ chức nước ngoài (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
TVN	Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài”)
TNG	Tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
CNN	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài”)
CDS	Cộng đồng dân cư (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo”)
UBQ	Ủy ban nhân dân cấp xã (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
TPQ	Tổ chức phát triển quỹ đất (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
TKQ	Cộng đồng dân cư và tổ chức khác được giao quản lý đất (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
CDQ	Cộng đồng dân cư được giao quản lý
CNC	Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam
CNV	Cá nhân trong nước
NGV	Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài
TTG	Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
TXH	Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp
TCQ	Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân được giao quản lý đất
TSQ	Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý đất
KTQ	Tổ chức kinh tế được giao quản lý đất

1.18. Danh mục về nguồn gốc sử dụng đất

Tên bảng dữ liệu: DM_NguồnGốcSửDụngĐất

Mã	Giá trị
----	---------

Mã	Giá trị
CNQ-CTT	Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất
CNQ-KTT	Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất
DT-THN	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
DT-TML	Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần
DG-CTT	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
DG-KTT	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
DG-QL	Nhà nước giao đất để quản lý
DT-KCN	Thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao
DT-KCN-THN	Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao
DT-KCN-TML	Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao
NCQ	Nhận chuyển quyền do giải quyết tranh chấp đất
NCQ	Nhận chuyển quyền do trúng đấu giá đất
NCQ	Nhận chuyển quyền do xử lý nợ thế chấp đất
NCQ	Nhận chuyển quyền do giải quyết khiếu nại hoặc tố cáo
NCQ	Nhận chuyển quyền do thực hiện quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân
NCQ	Nhận chuyển quyền do thực hiện quyết định thi hành án
NCQ	Nhận chuyển đổi đất
NCQ	Nhận chuyển nhượng đất
NCQ	Nhận thừa kế đất
NCQ	Nhận tặng cho đất

1.19. Loại đất

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiDat

Mã	Giá trị
----	---------

Mã	Giá trị
NNP	Nhóm đất nông nghiệp
CHN	Đất trồng cây hằng năm
LUA	Đất trồng lúa
LUC	Đất chuyên trồng lúa
LUK	Đất trồng lúa còn lại
LUN	Đất trồng lúa nương (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
BHK	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
NHK	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
HNK	Đất trồng cây hằng năm khác
CLN	Đất trồng cây lâu năm
LNP	Đất lâm nghiệp
RDD	Đất rừng đặc dụng
RPH	Đất rừng phòng hộ
RSX	Đất rừng sản xuất
RSN	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên
NTS	Đất nuôi trồng thủy sản
CNT	Đất chăn nuôi tập trung
LMU	Đất làm muối
NKH	Đất nông nghiệp khác
PNN	Nhóm đất phi nông nghiệp
OTC	Đất ở
ONT	Đất ở tại nông thôn
ODT	Đất ở tại đô thị
TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
DTS	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)

Mã	Giá trị
CQA	Đất quốc phòng, an ninh
CQP	Đất quốc phòng
CAN	Đất an ninh
DSN	Đất xây dựng công trình sự nghiệp
DVH	Đất xây dựng cơ sở văn hóa
DXH	Đất xây dựng cơ sở xã hội (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội”)
DYT	Đất xây dựng cơ sở y tế
DGD	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo
DTT	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao
DKH	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ
DMT	Đất xây dựng cơ sở môi trường
DKT	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn
DNG	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao
DSK	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác
CSK	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp
SCC	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp
SKK	Đất khu công nghiệp
SKT	Đất khu chế xuất (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
SKX	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
SKN	Đất cụm công nghiệp
SCT	Đất khu công nghệ thông tin tập trung
TMD	Đất thương mại, dịch vụ
SKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
SKS	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
CCC	Đất sử dụng vào mục đích công cộng

Mã	Giá trị
DGT	Đất công trình giao thông
DTL	Đất công trình thủy lợi
DDT	Đất có di tích lịch sử - văn hóa (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
DDL	Đất có danh lam thắng cảnh (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
DCT	Đất công trình cấp nước, thoát nước
DPC	Đất công trình phòng, chống thiên tai
DDD	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên
DRA	Đất công trình xử lý chất thải (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Đất bãi thải, xử lý chất thải”)
DCK	Đất công trình công cộng khác (Chỉ áp dụng với các dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024)
DNL	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Đất công trình năng lượng”)
DBV	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin. (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Đất công trình bưu chính, viễn thông”)
DCH	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Đất chợ”)
DKV	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Đất khu vui chơi, giải trí công cộng”)
TON	Đất tôn giáo (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Đất cơ sở tôn giáo”)
TIN	Đất tín ngưỡng (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Đất cơ sở tín ngưỡng”)
NTD	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng”)
TVC	Đất có mặt nước chuyên dùng
MNC	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Đất có mặt nước chuyên dùng”)
SON	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối (Dữ liệu hình thành trước ngày 01/8/2024 có giá trị thu nhận là “Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối”)
PNK	Đất phi nông nghiệp khác

Mã	Giá trị
CSD	Nhóm đất chưa sử dụng
CGT	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê
BCS	Đất bằng chưa sử dụng
DCS	Đất đồi núi chưa sử dụng
NCS	Núi đá không có rừng cây
MCS	Đất có mặt nước chưa sử dụng

1.20. Loại khu chức năng cấp tỉnh

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiKhuChucNangCapTinh

Mã	Giá trị
KCN	Đất khu công nghệ cao
KKT	Đất khu kinh tế
KDT	Đất đô thị
KNN	Khu sản xuất nông nghiệp
KLN	Khu lâm nghiệp
KDL	Khu du lịch
KBT	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
KPC	Khu phát triển công nghiệp
DTC	Khu đô thị
KTM	Khu thương mại, dịch vụ
DNT	Khu dân cư nông thôn

1.21. Loại khu chức năng cấp huyện

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiKhuChucNangCapHuyen

Mã	Giá trị
KCN	Đất khu công nghệ cao

KKT	Đất khu kinh tế
KDT	Đất đô thị
KNN	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)
KLN	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)
KDL	Khu du lịch
KBT	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
KPC	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)
DTC	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)
KTM	Khu thương mại, dịch vụ
KDV	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ
DNT	Khu dân cư nông thôn
KON	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

1.22. Loại khu vực tổng hợp

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiKhuVucTongHop

Mã	Giá trị
DNT	Đất khu dân cư nông thôn
DTD	Đất đô thị
CNC	Đất khu công nghệ cao
KKT	Đất khu kinh tế
KBT	Đất khu bảo tồn thiên nhiên
KĐD	Đất cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học
MVB	Đất có mặt nước ven biển

1.23. Hạng mục công trình dự án quy hoạch

Tên bảng dữ liệu: DM_HangMucCongTrinhDuAn

Mã	Giá trị
CTI	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Mã	Giá trị
QPA	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh
KTX	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
QHQ	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất
TCP	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất
CLA	Các công trình, dự án còn lại
HDN	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất
CMD	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất
KSK	Các khu vực sử dụng đất khác
CQG	Công trình, dự án cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh (thành phố)
CCT	Các công trình cấp tỉnh
TXD	Công trình, dự án đã xác định
TKH	Các công trình, dự án khác

1.24. Danh mục chỉ tiêu phân bổ quy hoạch

Tên bảng dữ liệu: DM_ChiTieuPhanBoQuyHoach

Mã	Giá trị
PB	Loại đất được cấp trên phân bổ
XD	Loại đất được cấp dưới xác định
BS	Loại đất được cấp dưới xác định và bổ sung

1.25. Danh mục về mục đích định giá đất

Tên bảng dữ liệu: DM_MucDichDinhGia

Mã	Giá trị
1	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
2	Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê
3	Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

4	Xác định giá khởi điểm để đấu giá
5	Tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cho phép chuyển hình thức sử dụng đất
6	Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

1.26. Danh mục loại tài liệu điều tra đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiTaiLieuDieuTra

Mã	Giá trị
1	Tập bản mô tả kết quả, điều tra rà soát ranh giới khoanh đất
2	Tập ảnh cảnh quan, ảnh mặt cắt phẫu diện
3	Tập bản tả phẫu diện đất
4	Phiếu lấy mẫu đất
5	Kết quả phân tích mẫu đất
6	Báo cáo tổng hợp chất lượng đất
7	Bộ biểu thống kê kết quả chất lượng đất
8	Quyết định phê duyệt kết quả chất lượng đất
9	Phiếu điều tra tình hình sử dụng đất và tiềm năng đất đai
10	Báo cáo tổng hợp tiềm năng đất đai
11	Bộ biểu thống kê kết quả tiềm năng đất đai
12	Quyết định phê duyệt kết quả tiềm năng đất đai
13	Báo cáo tổng hợp thoái hóa đất
14	Bộ biểu thống kê kết quả thoái hóa đất
15	Quyết định phê duyệt kết quả thoái hóa đất
16	Báo cáo tổng hợp ô nhiễm đất
17	Bộ biểu thống kê kết quả ô nhiễm đất
18	Quyết định phê duyệt kết quả ô nhiễm đất

Mã	Giá trị
19	Tập bản mô tả cảnh quan khu vực quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất
20	Tập ảnh cảnh quan, ảnh vị trí và ảnh lấy mẫu điểm quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất
21	Báo cáo kết quả quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất
22	Bộ biểu thống kê kết quả quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất
23	Quyết định phê duyệt kết quả quan trắc, giám sát tài nguyên đất
24	Báo cáo tổng hợp bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất
25	Bộ biểu thống kê kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất
26	Quyết định phê duyệt kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1.27. Danh mục loại dữ liệu điểm điều tra

Tên bảng dữ liệu: DM_LoaiDiemDieuTra

Mã	Giá trị
1	Điểm điều tra, đánh giá đất đai
2	Điểm điều tra Thoái hóa đất
3	Điểm điều tra ô nhiễm đất
4	Điểm quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất
5	Điểm giám sát bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

1.28. Danh mục về siêu dữ liệu

Tên bảng dữ liệu: DM_SieuDuLieu

Mã	Giá trị
LM01	Loại dữ liệu địa chính
LM02	Loại dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai
LM03	Loại dữ liệu giá đất
LM04	Loại dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Mã	Giá trị
LM05	Loại dữ liệu điều tra đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất
LM06	Loại dữ liệu văn bản pháp luật đất đai
LM07	Loại dữ liệu vi phạm đất đai
LM08	Loại dữ liệu chuyên đề
LM09	Loại dữ liệu phi cấu trúc
LM10	Loại dữ liệu khác
KM01	Kiểu dữ liệu không gian đất đai
KM02	Kiểu dữ liệu thuộc tính đất đai
KM03	Kiểu dữ liệu phi cấu trúc đất đai
KM04	Kiểu dữ liệu mô tả
DV01	Đơn vị xây dựng siêu dữ liệu
DV02	Đơn vị xây dựng cơ sở dữ liệu
DV03	Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu
DV04	Đơn vị giám sát xây dựng cơ sở dữ liệu
DV05	Đơn vị lưu trữ cơ sở dữ liệu
DV06	Đơn vị trao đổi, chia sẻ dữ liệu
DV07	Đơn vị vận hành cơ sở dữ liệu
DV08	Đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu

2. Dữ liệu không gian đất đai

2.1. Dữ liệu không gian đất đai nền

2.1.1. Dữ liệu điểm không chế đo đạc

a) Lớp điểm tọa độ

Tên lớp dữ liệu: DiemToaDo

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	toaDoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Loại điểm tọa độ	loaiDiemToaDo	Số nguyên	Integer		Loại điểm tọa độ được xác định trong bảng danh mục
Số hiệu điểm	soHieuDiem	Chuỗi ký tự	CharacterString	15	Là số hiệu điểm theo số liệu được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.
Tọa độ X	toaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia theo số liệu được cơ quan có thẩm quyền cung cấp. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Tọa độ Y	toaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia theo số liệu được cơ quan có thẩm quyền cung cấp. Đơn vị tính là mét (m), độ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Loại cấp hạng	loaiCapHang	Số nguyên	Integer	20	Loại cấp hạng được xác định trong bảng danh mục
Loại mốc	loaiMoc	Số nguyên	Integer	2	Loại mốc được xác định trong bảng danh mục
Địa chỉ	diaChi	Chuỗi ký tự	CharacterString	200	Ghi họ và tên người sử dụng đất, tên riêng khu vực, công trình chôn, gấn mốc, tên đường phố; địa chỉ hiện tại nơi chôn mốc (thôn, bản, làng, xã...)
Tài liệu đo đạc	taiLieuDoDacID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết tới bảng Tài liệu đo đạc
Tài liệu ghi chú điểm	Chi tiết tại lớp dữ liệu về hồ sơ đất đai tại trung ương				Là liên kết đến địa chỉ lưu trữ tài liệu ghi chú điểm địa chính định dạng file pdf được nghiệm thu bàn giao cùng sản phẩm bản đồ địa chính.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp điểm độ cao

Tên lớp dữ liệu: DiemDoCao

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	doCaoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Loại điểm độ cao	loaiDiemToaDo	Số nguyên	Integer	50	Loại điểm độ cao được xác định trong bảng danh mục
Số hiệu điểm	soHieuDiem	Chuỗi ký tự	CharacterString	15	Là số hiệu điểm theo số liệu được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.
Tọa độ X	toaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia theo số liệu được cơ quan có thẩm quyền cung cấp. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Tọa độ Y	toaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia theo số liệu được cơ quan có thẩm quyền cung cấp. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Độ cao thủy chuẩn	doCaoH	Số thực	Real		Là độ cao thủy chuẩn trong Hệ tọa độ quốc gia theo số liệu được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.
Loại mốc	loaiMoc	Số nguyên	Integer	2	Loại mốc được xác định trong bảng danh mục
Địa chỉ	diaChi	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi họ và tên người sử dụng đất, tên riêng khu vực, công trình chôn, gấn mốc, tên đường phố; địa chỉ hiện tại nơi chôn mốc (thôn, bản, làng, xã...)
Tài liệu ghi chú điểm độ cao	Chi tiết tại lớp dữ liệu về hồ sơ đất đai tại trung ương				Là liên kết đến địa chỉ lưu trữ tài liệu ghi chú điểm độ cao định dạng file pdf được nghiệm thu.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú điểm độ cao
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.1.2. Dữ liệu biên giới, địa giới

a) Lớp mốc biên giới, địa giới

Tên lớp dữ liệu: MocBienGioiDiaGioi

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	mocBienGioiDiaGioiID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại mốc biên giới, địa giới	loaiMocBienGioiDiaGioi	Số nguyên	Integer	2	Loại mốc biên giới, địa giới được xác định trong bảng danh mục
Số hiệu mốc	soHieuMoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	15	Là số hiệu mốc theo số liệu được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.
Tọa độ X	toaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia theo số liệu được cơ quan có thẩm quyền cung cấp. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tọa độ Y	toaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia theo số liệu được cơ quan có thẩm quyền cung cấp. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phân thập phân.
Độ cao H	doCaoH	Số thực	Real		Là độ cao tuyệt đối trong Hệ tọa độ quốc gia theo số liệu được cơ quan có thẩm quyền cung cấp (nếu có).
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú điểm mốc biên giới, địa giới
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Quan hệ không gian nằm trên đường biên giới, đường địa giới hành chính các cấp.</i>					

b) Lớp đường biên giới

Tên lớp dữ liệu: DuongBienGioi

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	duongBienGioiID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ.
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú đường biên giới

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Quan hệ không gian đi qua mốc biên giới.</i>					

c) Lớp đường địa giới hành chính cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: DuongDiaGioiCapTinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	duongDiaGioiCapTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại đường đường địa giới	loaiDuongDiaGioi	Lô gíc	Boolean		Giá trị 1: xác định Giá trị 0: chưa xác định
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh liền kề trái	maTinhLienKeTrai	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã đơn vị hành chính cấp tỉnh liền kề trái
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh liền kề phải	maTinhLienKePhai	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã đơn vị hành chính cấp tỉnh liền kề phải
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú đường địa giới hành chính cấp tỉnh
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Quan hệ không gian đi qua mốc biên giới, địa giới</i>					

d) Lớp đường địa giới hành chính cấp huyện

Tên lớp dữ liệu: DuongDiaGioiCapHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	duongDiaGioiCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại đường địa giới	loaiDuongDiaGioi	Lô gíc	Boolean	1	Giá trị 1: xác định Giá trị 0: chưa xác định
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú đường địa giới hành chính cấp huyện
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Quan hệ không gian đi qua mốc biên giới, địa giới</i>					

đ) Lớp đường địa giới hành chính cấp xã

Tên lớp dữ liệu: DuongDiaGioiCapXa

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	duongDiaGioiCapXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					liệu quan hệ
Loại đường đường địa giới	loaiDuongDiaGioi	Lô gíc	Boolean	1	Giá trị 1: xác định Giá trị 0: chưa xác định
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú đường địa giới hành chính cấp xã
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Quan hệ không gian đi qua mốc biên giới, địa giới</i>					

e) Lớp địa phận hành chính cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: DiaPhanCapTinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diaPhanCapTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh	tenDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích tự nhiên	dienTichTuNhiem	Số thực	Real		Là diện tích tự nhiên của tỉnh, đơn vị tính là ha, làm tròn đến 0,1 ha.
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú vùng địa phận hành chính cấp tỉnh
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

Ghi chú: Quan hệ không gian: có đường bao là đường địa giới hành chính cấp tỉnh

g) Lớp địa phận hành chính cấp huyện

Tên lớp dữ liệu: DiaPhanCapHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diaPhanCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên đơn vị hành chính cấp huyện	tenDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích tự nhiên	dienTichTuNhiem	Số thực	Real		Là diện tích tự nhiên của huyện, đơn vị tính là ha, làm tròn đến 0,1 ha.
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú vùng địa phận hành chính cấp huyện
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Quan hệ không gian: có đường bao là đường địa giới hành chính cấp huyện</i>					

h) Lớp địa phận hành chính cấp xã

Tên lớp dữ liệu: DiaPhanCapXa

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diaPhanCapXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên đơn vị hành chính xã	tenXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Diện tích tự nhiên	dienTichTuNhiem	Số thực	Real		Là diện tích tự nhiên của xã, đơn vị tính là ha, làm tròn đến 0,1 ha.
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú vùng địa phận hành chính cấp xã
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Quan hệ không gian có đường bao là đường địa giới hành chính cấp xã</i>					

2.1.3. Dữ liệu thủy hệ

a) Lớp thủy hệ dạng đường

Tên lớp dữ liệu: DuongThuyHe

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	duongThuyHeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hình dữ liệu quan hệ
Loại thủy hệ dạng đường	loaiDuongThuyHe	Số nguyên	Integer	1	Là loại thủy hệ trong bảng danh mục: “Loại thủy hệ”
Tên thủy hệ	tenThuyHe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên riêng đường thủy hệ
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú:</i> Thu nhận các đối tượng trên bản đồ là suối, kênh, mương nửa tỷ lệ (1 nét); Cống, đập nửa tỷ lệ (1 nét); đường mật độ.					

b) Lớp thủy hệ dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: VungThuyHe

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	vungThuyHeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại thủy hệ dạng vùng	loaiVungThuyHe	Số nguyên	Integer	1	Là loại thủy hệ trong bảng danh mục: “Loại thủy hệ”
Tên thủy hệ	tenThuyHe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên riêng thủy hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Thu nhận các đối tượng trên bản đồ là sông, suối, kênh, mương, mặt nước chuyên dùng, cống, đập, đường giới hạn chân đê khép kín bằng đường bờ (là ranh giới thửa đất)</i>					

c) Lớp đường mép nước

Tên lớp dữ liệu: DuongMepNuoc

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	DuongMepNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại thủy hệ dạng vùng	loaiVungThuyHe	Số nguyên	Integer	1	Là loại thủy hệ trong bảng danh mục: “Loại thủy hệ”
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Thu nhận các đối tượng trên bản đồ là đường mép nước của: Sông, suối, kênh, mương, mặt nước chuyên dùng</i>					

2.1.4. Dữ liệu giao thông

a) Lớp tim đường

Tên lớp dữ liệu: TimDuong

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	timDuongID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại đường	loaiDuong	Số nguyên	Integer	2	Là loại đường nằm trong bảng danh mục: “Loại đường”
Cấp đường	capDuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là phân loại cấp đường theo bảng danh mục: “Phân cấp đường giao thông”
Tên đường	tenDuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Tên riêng tên đường, tên phố
Phương pháp thu nhận	phuongPhapThuNhan	Số nguyên	Integer	1	1: Hình thức trực tiếp 2: Hình thức nội suy
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Đoạn tim đường bộ là đoạn gồm đối tượng dạng đường liên tục được giới hạn bởi điểm đầu và điểm cuối, ranh giới của đoạn đường phải đối xứng nhau quan đoạn tim đường tương ứng. Đoạn tim đường bộ được thu nhận bằng hình thức thu nhận trực tiếp từ đối tượng tim đường bộ có sẵn trên bản đồ địa chính hoặc bằng phương pháp nội suy từ ranh giới đường bộ. Mỗi đoạn tim đường bộ có đặc tính đồng nhất, chỉ gắn với một đoạn mặt đường bộ duy nhất, trừ các trường hợp đoạn tim đường bộ đi qua điểm giao cắt giữa các đối tượng đường bộ nhưng không thay đổi đặc tính.</i>					

b) Lớp giao thông dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: MatDuongBo

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	matDuongBoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại đường	loaiDuong	Số nguyên	Integer	2	Là loại đường nằm trong bảng danh mục: “Loại đường”
Cấp đường	capDuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là phân loại cấp đường theo bảng danh mục: “Phân cấp đường giao thông”
Tên đường	tenDuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Tên riêng đường, tên phổ
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp giao thông dạng đường

Tên lớp dữ liệu: GiaoThongDangDuong

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	duongGiaoThongID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					liệu quan hệ
Loại đường	loaiDuong	Số nguyên	Integer	2	Là loại đường nằm trong bảng danh mục: “Loại đường”
Cấp đường	capDuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là phân loại cấp đường theo bảng danh mục: “Phân cấp đường giao thông”
Tên đường	tenDuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Tên riêng đường, tên phố, tên cầu
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Thu nhận các đối tượng trên bản đồ là đường bộ theo nửa tỷ lệ (1 nét), đường sắt theo nửa tỷ lệ (1 nét), cầu.</i>					

d) Lớp mặt đường giao thông

Tên lớp dữ liệu: MatDuongGiaoThong

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	duongGiaoThongID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại đường	loaiDuong	Số nguyên	Integer	2	Là loại đường nằm trong bảng danh mục: “Loại đường”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Thu nhận các đối tượng trên bản đồ là đường ray; Phân trái mặt, lòng đường, chỗ thay đổi chất liệu rải mặt</i>					

2.1.5. Dữ liệu địa danh và ghi chú

a) Lớp điểm địa danh

Tên lớp dữ liệu: DiemDiaDanh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diaDanhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã địa danh	loaiDiaDanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Được xác định trong bảng mã: “Loại địa danh”
Tên địa danh	tenDiaDanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên địa danh
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp điểm ghi chú

Tên lớp dữ liệu: DiemGhiChu

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diemGhiChuID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Nội dung ghi chú	noiDungGhiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Nội dung ghi chú
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
Ghi chú: Thu nhận các đối tượng trên bản đồ là ghi chú tường nhà, công trình, địa danh xứ đồng, thôn, xóm, tổ dân phố, khối phố...					

2.2. Dữ liệu không gian đất đai chuyên đề

2.2.1. Dữ liệu địa chính

a) Lớp thửa đất

Tên lớp dữ liệu: ThuaDat

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Mã đối tượng trong bảng dữ liệu thực hiện liên kết
Mã thửa đất	maThuaDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là mã định danh thửa đất duy nhất trên toàn quốc gồm 10 ký tự (Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh + 8 số tự nhiên)
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Số hiệu tờ bản đồ	soHieuToBanDo	Số nguyên	Integer	4	Là số hiệu tờ bản đồ theo bản đồ địa chính
Số thửa đất	soThuTuThua	Số nguyên	Integer	5	Là số thứ tự thửa đất theo bản đồ địa chính
Loại đất	loaiDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại đất theo bản đồ địa chính
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích không gian của thửa đất, đơn vị tính là mét vuông (m ²), làm tròn đến 0,1 m ² .
Trạng thái đăng ký	trangThaiDangKy	Số nguyên	Integer	1	Được xác định trong bảng mã: “Loại trạng thái đăng ký cấp giấy chứng nhận”
Tài liệu đo đạc	taiLieuDoDacID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết tới bảng Tài liệu đo đạc
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp dữ liệu thửa đất định vị dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: ThuaDatDinhViDangVung

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	vungDinhViChuID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã thửa đất	maThuaDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là mã định danh thửa đất duy nhất trên toàn quốc gồm 10 ký tự (Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh + 8 số tự nhiên)
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Số hiệu tờ bản đồ	soHieuToBanDo	Số nguyên	Integer	4	Là số hiệu tờ bản đồ
Số thứ tự thửa đất	soThuTuThua	Số nguyên	Integer	5	Là số thứ tự thửa đất
Loại đất	loaiDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại đất theo bản đồ địa chính
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích không gian của thửa đất, đơn vị tính là mét vuông (m ²), làm tròn đến 0,1 m ² .
Trạng thái đăng ký	trangThaiDangKy	Số nguyên	Integer	1	Được xác định trong bảng mã: “Loại trạng thái đăng ký cấp giấy chứng nhận”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tài liệu đo đạc	taiLieuDoDacID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết tới bảng Tài liệu đo đạc
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp dữ liệu thừa đất định vị dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: ThuaDatDinhViDangDiem

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diemDinhViID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã thừa đất	maThuaDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là mã định danh thừa đất duy nhất trên toàn quốc gồm 10 ký tự (Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh + 8 số tự nhiên)
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Số hiệu tờ bản đồ	soHieuToBanDo	Số nguyên	Integer	4	Là số hiệu tờ bản đồ
Số thứ tự thừa đất	soThuTuThua	Số nguyên	Integer	5	Là số thứ tự thừa đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Loại đất	loaiDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại đất theo bản đồ địa chính
Trạng thái đăng ký	trangThaiDangKy	Số nguyên	Integer	1	Được xác định trong bảng mã: “Loại trạng thái đăng ký cấp giấy chứng nhận”
Tài liệu đo đạc	taiLieuDoDacID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết tới bảng Tài liệu đo đạc
Liên kết File tài liệu đo đạc	linkFileTaiLieuDoDac	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến địa chỉ lưu trữ tài liệu đo đạc (mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, geoTIFF, TIFF)) đã được quét và định vị sơ bộ lên dữ liệu không gian đất đai nền.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

d) Lớp tài sản gắn liền với đất

Tên lớp dữ liệu: TaiSanGanLienVoiDat

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	taiSanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					chính Việt Nam.
Mã loại tài sản gắn liền với đất	loaiTaiSanGanLienVoiDat	Số nguyên	Integer	2	Được xác định trong bảng mã: “Loại tài sản gắn liền với đất”
Tên tài sản	tenTaiSan	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Tên tài sản
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

đ) Lớp đường chỉ giới hành lang an toàn bảo vệ công trình

Tên lớp dữ liệu: DuongChiGioiHanhLangAnToanBaoVe

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	chiGioiHanhLangID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại hành lang an toàn bảo vệ	loaiHanhLangAnToanBaoVe	Số nguyên	Integer	2	Là loại hành lang an toàn bảo vệ nằm trong bảng danh mục
Tên công trình	tenCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là tên công trình
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
Ghi chú: Quan hệ không gian: đi qua mốc giới hành lang an toàn bảo vệ công trình					

e) Lớp mốc giới hành lang an toàn bảo vệ công trình

Tên lớp dữ liệu: MocGioiHanhLangAnToanBaoVe

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	mocGioiHanhLangID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại hành lang an toàn bảo vệ	loaiHanhLangAnToanBaoVe	Số nguyên	Integer	2	Là loại hành lang an toàn bảo vệ nằm trong bảng danh mục
Tên công trình	tenCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là tên công trình
Ghi chú mốc giới	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là ghi chú mốc giới hành lang an toàn bảo vệ công trình
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

Ghi chú: Quan hệ không gian: nằm trên đường chỉ giới hành lang an toàn bảo vệ công trình

g) Lớp đường chỉ giới quy hoạch

Tên lớp dữ liệu: DuongChiGioiQuyHoach

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	duongChiGioiQHID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại quy hoạch	loaiQuyHoach	Số nguyên	Integer	2	Là loại quy hoạch nằm trong bảng danh mục
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
<i>Ghi chú: Quan hệ không gian: đi qua mốc giới quy hoạch</i>					

h) Lớp mốc giới quy hoạch

Tên lớp dữ liệu: MocGioiQuyHoach

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	moiGioiQHID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại quy hoạch	loaiQuyHoach	Số nguyên	Integer	2	Là loại quy hoạch nằm trong bảng danh mục
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là ghi chú mốc giới quy hoạch
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.2. Dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

2.2.2.1. Nhóm lớp dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

a) Lớp dữ liệu về điểm điều tra, lấy mẫu cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: DiemDieuTraDGD_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã điểm điều tra	diemDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự điểm điều tra	soThuTuDiemDieuTra	Số nguyên	Integer		Là số thứ tự điểm điều tra
Tên điểm điều tra phẫu diện đất	tenDiem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên điểm điều tra phẫu diện đất
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về thổ nhưỡng của khoanh đất
Chỉ tiêu về địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình (độ dốc, địa hình tương đối) của khoanh đất
Tên điểm lấy mẫu đất	phauDien	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên của phẫu diện được đặt theo kế hoạch điều tra
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
Tọa độ X	toaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tọa độ Y	toaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Loại phẫu diện	loai_PD	Chuỗi ký tự	CharacterString	1	Là thông tin về loại phẫu diện: 1: Phẫu diện chính; 2: Phẫu diện phụ; 3: Phẫu diện thăm dò.
Thông tin chi tiết về phẫu diện đất	phauDienDatID				Là khóa ngoại liên kết với dữ liệu về phẫu diện đất trong điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng, cả nước
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuoc ID				Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng, cả nước.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa

b) Lớp dữ liệu khoanh đất điều tra cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: KhoanhDieuTraDGD_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh đất điều tra	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	loại thổ nhưỡng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Tầng dày	tangDay	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là độ dày tầng đất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Trong danh mục địa hình
Điểm điều tra phẫu diện kỹ trước	phauDien_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về tên của điểm lấy phẫu diện kỹ trước trong khoanh đất
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID				Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng, cả nước.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

c) Lớp dữ liệu về đặc điểm thổ nhưỡng cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: ThoNhuong_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	KhoanhThoNhuongID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã khoanh đất điều tra	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết đến lớp dữ liệu khoanh đất điều tra cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về thổ nhưỡng của khoanh đất
Chỉ tiêu về địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình (độ dốc, địa hình tương đối)
Tầng dày	tangDay	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về độ dày tầng đất
Phân cấp đặc điểm nhóm đất	pc_DacDiemDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp về một số chỉ tiêu cấu thành lên nhóm đất trong điều tra, đánh giá đất đai (thổ nhưỡng, địa hình, chế độ nước, khí hậu)
Tên điểm lấy mẫu đất	phauDien	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên của phẫu diện đại diện gắn với khoanh đất
Thông tin chi tiết về phẫu diện đất	phauDienDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với dữ liệu về phẫu diện đất trong điều tra, đánh giá đất đai

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
					cấp vùng, cả nước
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng, cả nước.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_PoLyGon		Là dữ liệu đồ họa

d) Lớp dữ liệu kết quả đánh giá chất lượng đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: ChatLuongDat_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh chất lượng đất	khoanhChatLuongDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh chất lượng đất	soThuTuKhoanhCLD	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh chất lượng đất
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
Điểm điều tra phẫu diện	phauDien	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					khoanh đất)
Loại thổ nhưỡng	loaiThoNhuong	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về thổ nhưỡng
Tầng dày	tangDay	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về tầng dày
Địa hình	diaHinh	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình
Phân cấp thổ nhưỡng	pc_ThoNhuong	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp thổ nhưỡng
Phân cấp tầng dày	Pc_TangDay	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về tầng dày
Phân cấp đặc điểm nhóm đất	pc_DacDiemDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp về một số chỉ tiêu cấu thành lên nhóm đất trong điều tra, đánh giá đất đai (thổ nhưỡng, địa hình, chế độ nước, khí hậu)
Phân cấp địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp địa hình
Phân cấp tính chất vật lý - hóa học - sinh học của đất	pc_tinhChat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp về tính chất vật lý, hóa học, sinh học của đất
Phân cấp khí hậu	pc_khiHau	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phân cấp khí hậu bao gồm tổng hợp của các yếu tố lượng mưa, tổng tích ôn, khô hạn
Phân cấp chế độ nước	pc_cheDoNuoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phân cấp chế độ nước bao gồm tổng hợp của các yếu tố chế độ tưới, ngập úng, xâm nhập mặn
Loại đất theo mục đích sử dụng	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Loại đất tổng hợp theo bảng mã danh mục loại đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phân mức chất lượng đất	pc_chatLuongDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phân cấp đánh giá chất lượng đất cao, trung bình, thấp
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng, cả nước.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_PoLyGon		Là dữ liệu đồ họa

đ) Lớp dữ liệu kết quả đánh giá tiềm năng đất đai cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: `TiemNangDat_[Vung|CaNuoc]`

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh tiềm năng đất đai	khoanhTiemNangDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất đánh giá tiềm năng	soThuThuKhoanhTNDID	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Phân mức chất lượng đất	pc_chatLuongDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phân cấp đánh giá chất lượng đất cao, trung bình, thấp

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phân cấp chế độ nước	pc_cheDoNuoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phân cấp đánh giá chế độ nước (được tổng hợp từ chế độ tưới, ngập úng, xâm nhập mặn)
Đánh giá hiệu quả kinh tế	pc_hieuQuaKinhTe	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế
Đánh giá hiệu quả xã hội	pc_hieuQuaXaHoi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp kết quả đánh giá hiệu quả xã hội
Đánh giá hiệu quả môi trường	pc_hieuQuaMoiTruong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp kết quả đánh giá hiệu quả môi trường
Đánh giá tiềm năng đất	pc_tiemNang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phân cấp đánh giá tiềm năng đất cao, trung bình, thấp
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng, cả nước.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_PoLyGon		Là dữ liệu đồ họa

2.2.2.2. Nhóm lớp dữ liệu về thoái hóa đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

a) Lớp dữ liệu về điểm điều tra, lấy mẫu trong đánh giá thoái hóa đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: DiemDieuTraTHD_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã điểm điều tra	diemDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã khoanh đất điều tra	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết đến lớp dữ liệu khoanh đất điều tra cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước
Tên điểm điều tra phẫu diện đất	tenDiem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên điểm điều tra phẫu diện đất
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về thổ nhưỡng của khoanh đất
Chỉ tiêu về địa hình	Diahinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình (độ dốc, địa hình tương đối) của khoanh đất
Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
Chế độ tưới kỳ trước	Tuoi_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về chế độ tưới của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Xâm nhập mặn kỳ trước	xamNhapMan_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về xâm nhập mặn của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Ngập úng kỳ trước	ngapUng_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ngập úng của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Điểm điều tra, lấy mẫu kỳ trước	diemDieuTra_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về điểm điều tra, lấy mẫu của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Tên điểm điều tra	tenDiemDieuTra_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về điểm điều tra của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Tọa độ X	toaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Tọa độ Y	toaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Loại điểm điều tra	loai_Diem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại điểm điều tra (xói mòn, khô hạn, kết von, suy giảm độ phì)
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa

b) Lớp dữ liệu khoanh đất điều tra, đánh giá thoái hóa đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: KhoanhDieuTraTHD_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh đất điều tra	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer		Là số thứ tự khoanh đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	loại thổ nhưỡng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Tầng dày	tangDay	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là độ dày tầng đất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Trong danh mục địa hình
Điểm điều tra phẫu diện kỳ trước	phauDien_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về tên của điểm đào phẫu diện kỳ trước trong khoanh đất
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

c) Lớp dữ liệu kết quả đánh giá thoái hóa đất đai cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: ThoaiHoaDat_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh thoái hóa đất	khoanhDatThoaiHoaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhid	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất trong điều tra, đánh giá thoái hóa đất
Tên điểm điều tra	tenDiem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là điểm điều tra đại diện cho khoanh đất điều tra thoái hóa
Phân cấp thổ nhưỡng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại thổ nhưỡng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Phân cấp địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp địa hình được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Phân cấp đất bị suy giảm độ phì	pc_SuyGiamDoPhi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị suy giảm độ phì
Phân cấp đất bị xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị xói mòn
Phân cấp đất bị khô hạn	pc_khoHan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị khô hạn
Phân cấp đất bị mặn hóa	pc_manHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị mặn hóa
Phân cấp đất bị phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị phèn hóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phân cấp đất bị kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị kết von, đá ong hóa
Phân mức đánh giá thoái hóa đất	pc_thoiHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị thoái hóa
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_PoLyGon		Là dữ liệu đồ họa

2.2.2.3. Nhóm lớp dữ liệu về ô nhiễm đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

a) Lớp dữ liệu điểm điều tra ô nhiễm đất đai cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: DiemDieuTraOND_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã điểm điều tra	diemDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Số thứ tự điểm điều tra	soThuTuDiem	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất gắn với điểm điều tra
Loại điểm điều tra	loaiDiem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại dữ liệu nằm trong bảng danh mục dữ liệu điều tra
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Loại đất theo mục đích sử dụng	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là loại sử dụng đất hiện trạng trong bảng danh mục loại đất
Thổ nhượng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về thổ nhượng của khoanh đất
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình (đô đốc, địa hình tương đối) của khoanh đất
Tên điểm điều tra ô nhiễm	diemON	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về tên điểm điều tra ô nhiễm đất
Tọa độ X	toaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phân thập phân.
Tọa độ Y	toaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phân thập phân.
Khu vực điều tra ô nhiễm	khuVucDieuTra	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là số thứ tự khu vực điều tra ô nhiễm
Nguồn gây ô nhiễm	nguồnON	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên ký hiệu nguồn gây ô nhiễm
Tác nhân gây ô nhiễm	tacNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên ký hiệu tác nhân gây ô nhiễm

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa

b) Lớp dữ liệu phạm vi ảnh hưởng ô nhiễm đất đai cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: PhamViOND_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh đất	khoanhDatONID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Tên điểm điều tra ô nhiễm	diemON	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên điểm điều tra ô nhiễm gắn với khoanh đất
Khu vực điều tra ô nhiễm	khuVucDieuTra	Chuỗi ký tự	CharacterString	4	Số thứ tự khu vực điều tra ô nhiễm
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại thổ nhưỡng của khoanh đất gắn với điểm điều tra ô nhiễm

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tầng dày	tangDay	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là độ dày tầng đất của khoan đất gắn với điểm điều tra ô nhiễm
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại địa hình của khoan đất gắn với điểm điều tra ô nhiễm
Nguồn gây ô nhiễm	nguồnON	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là nguồn gây ô nhiễm như Khu công nghiệp, bãi thải, làng nghề...
Tác nhân ô nhiễm	tacNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tác nhân gây ô nhiễm như kim loại nặng, hóa chất bảo vệ thực vật...
Phân cấp Arsen (As)	pc_As	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu As
Phân cấp Cadimi (Cd)	pc_Cd	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Cd
Phân cấp Đồng (Cu)	pc_Cu	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Cu
Phân cấp Chì (Pb)	pc_Pb	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Pb
Phân cấp Kẽm (Zn)	pc_Zn	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Zn
Phân cấp Thủy ngân (Hg)	pc_Hg	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Hg
Phân cấp Crôm Cr	pc_Cr	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Cr
Phân cấp Niken (Ni)	pc_Ni	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Ni
Phân cấp Diazinon (C ₁₂ H ₂₁ N ₂ O ₃ PS)	pc_Diazinon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Diazinon
Phân cấp Dimethoate (C ₅ H ₁₂ NO ₃ SP ₂)	pc_Dimethoate	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Dimethoate
Phân cấp Trichlorfon	pc_Trichlorfon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Trichlorfon

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
(C ₄ H ₈ Cl ₃ O ₄ P)					
Phân cấp Methamidophos (C ₂ H ₈ NO ₂ PS)	pc_Methamidophos	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Methamidophos
Phân cấp Monocrotophos (C ₇ H ₁₄ NO ₅ P)	pc_Monocrotophos	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Monocrotophos
Phân cấp Methyl Parathion (C ₈ H ₁₀ NO ₅ PS)	pc_MethylParathion	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Methyl Parathion
Phân cấp Parathion Ethyl (C ₇ H ₁₄ NO ₅ P)	pc_ParathionEthyl	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Parathion Ethyl
Phân cấp Phosphamidon (C ₁₀ H ₁₉ ClNO ₅ P)	pc_Phosphamidon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Phosphamidon
Phân cấp Ô nhiễm	pc_oNhiemDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Kết quả đánh giá ô nhiễm
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

c) Lớp dữ liệu về quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất và ô nhiễm đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: QuanTracDat_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		Ký hiệu trường thông tin
Mã điểm quan trắc	diemQuanTradID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự điểm quan trắc	soThuTuDiemQuanTrac	Số nguyên	Integer	4	Số thứ tự điểm điều tra
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên điểm quan trắc	tenDiemQuanTrac	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về tiêu địa hình điểm quan trắc
Tọa độ X	toaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm quan trắc. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Tọa độ Y	toaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm quan trắc. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Loại hình quan trắc	loaiHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại hình quan trắc (chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất)
Thời điểm quan trắc	thoiDiemQT	Ngày, tháng	Date	10	Là thời điểm thực hiện quan trắc (dd/mm/yyyy)
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về thổ nhưỡng tại điểm quan trắc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		Ký hiệu trường thông tin
Loại đất trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về hiện trạng sử dụng đất
Loại đất trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất	quyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về quy hoạch sử dụng đất
Phân cấp dung trọng	pc_DungTrong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp dung trọng đất
Phân cấp tỷ trọng	pc_TyTrong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp dung trọng đất
Phân cấp độ chua (pHKCL) của đất	pc_DoChua	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp độ chua của đất
Phân cấp chất hữu cơ tổng số	pc_HuuCo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp chất hữu cơ tổng số của đất
Phân cấp thành phần cơ giới	pc_TPCG	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp thành phần cơ giới của đất
Phân cấp dung tích trao đổi cation của đất	pc_DungTich	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp dung tích trao đổi cation của đất
Phân cấp Nitơ tổng số	pc_Dam	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp dung tích trao đổi cation của đất
Phân cấp Phốt pho tổng số	pc_PhotPho	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp dung tích trao đổi cation của đất
Phân cấp Kali tổng số	pc_Kali	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp kali tổng số của đất
Phân cấp chỉ tiêu vật lý - hóa học của đất	pc_tinhChat_QT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp chỉ tiêu vật lý - hóa học của đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		Ký hiệu trường thông tin
Phân cấp tổng số muối tan	pc_TSMT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp tổng số muối tan của đất
Phân cấp Lưu huỳnh tổng số trong đất	pc_LHTS	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp lưu huỳnh tổng số của đất
Phân cấp độ ẩm đất	pc_DoAm	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp độ ẩm đất
Phân cấp độ dày lớp đất mặt bị xói mòn	pc_DoDay_DMXM	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp độ dày lớp đất mặt
Phân cấp Cadimi	pc_Cd	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Cadimi trong đất
Phân cấp Chì	pc_Pb	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Chì trong đất
Phân cấp Đồng	pc_Cu	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Đồng trong đất
Phân cấp Kẽm	pc_Zn	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Kẽm trong đất
Phân cấp Asen	pc_As	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Asen trong đất
Phân cấp Thủy ngân	pc_Hg	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Thủy ngân trong đất
Phân cấp Crôm	pc_Cr	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Crom trong đất
Phân cấp Niken	pc_Ni	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Niken trong đất
Phân cấp Diazinon	pc_Diazinon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Diazinon trong đất
Phân cấp Dimethoate	pc_Dimethoate	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Dimethoate trong đất
Phân cấp Trichlorfon	pc_Trichlorfon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Trichlorfon đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		Ký hiệu trường thông tin
Phân cấp Methamidophos	pc_Methamidophos	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Methamidophos trong đất
Phân cấp Monocrotophos	pc_Monocrotophos	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Monocrotophos trong đất
Phân cấp Methyl Parathion	pc_Methyl Parathion	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Methyl Parathion trong đất
Phân cấp Parathion Ethyl	pc_Parathion Ethyl	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Parathion Ethyl trong đất
Phân cấp Phosphamidon	pc_Phosphamidon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp Phosphamidon trong đất
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa

2.2.2.4. Nhóm lớp dữ liệu về xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

a) Lớp thông tin về các khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: KhuVucBaoVeCaiTaoPhucHoi_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
					tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDatid	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhưỡng	pc_ThoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại thổ nhưỡng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	pc_DiaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp địa hình được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại sử dụng đất kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại sử dụng đất hiện tại
Phân mức đánh giá chất lượng đất	pc_ChatLuongDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp đánh giá chất lượng đất
Phân mức đánh giá tiềm năng đất đai	pc_TiemNangDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp đánh giá tiềm năng đất đai
Suy giảm độ phì	pc_SuyGiamDoPhi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ suy giảm độ phì
Xói mòn	pc_XoiMon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ xói mòn
Khô hạn, hoang mạc	pc_KhoHan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ khô hạn,

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
hóa, sa mạc hóa					hoang mạc hóa, sa mạc hóa
Kết von, đá ong hóa	pc_KetVon	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ kết von, đá ong hóa
Mặn hóa	pc_ManHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ mặn hóa
Phèn hóa	pc_PhenHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ phèn hóa
Thoái hóa đất	pc_ThoaiHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ thoái hóa
Ô nhiễm đất	pc_ONhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm đất
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi: 1: Khu vực chất lượng đất 2: Khu vực thoái hóa đất 3: Khu vực ô nhiễm đất
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

b) Lớp dữ liệu mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: MucDoBaoVeCaiTaoPhucHoi_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_ThoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại thổ nhượng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	pc_DiaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp địa hình được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại sử dụng đất kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại sử dụng đất hiện tại
Suy giảm độ phì	pc_SuyGiamDoPhi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ suy giảm độ phì
Xói mòn	pc_XoiMon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ xói mòn
Khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa	pc_KhoHan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Kết von, đá ong hóa	pc_KetVon	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ kết von, đá ong hóa
Mặn hóa	pc_ManHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ mặn hóa
Phèn hóa	pc_PhenHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ phèn hóa
Thoái hóa đất	pc_ThoaiHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ thoái hóa
Ô nhiễm đất	pc_ONhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm đất
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	pc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

c) Lớp dữ liệu kế hoạch thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: MucDoBaoVeCaiTaoPhucHoi_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
					tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_ThoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại thổ nhượng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	pc_DiaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp địa hình được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại
Ô nhiễm đất	pc_ONhiem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	pc_BCP	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Kế hoạch thực hiện	keHoach_BCP	Số nguyên	Integer	4	Là thông tin về năm thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Biện pháp kỹ thuật đề xuất	bienPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về biện pháp kỹ thuật đề xuất
Giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất	giaiPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

d) Lớp dữ liệu về kết quả giám sát, kiểm soát bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: KetQuaGiamSatBaoVeCaiTaoPhucHoi_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
					ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thỏ nhưỡng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại
Suy giảm độ phì	pc_suyGiamDoPhi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ suy giảm độ phì
Xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ xói mòn
Khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa	pc_khoHan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa
Kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ kết von, đá ong hóa
Mặn hóa	pc_manHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ mặn hóa
Phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ phèn hóa
Thoái hóa đất	pc_thoaiHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ thoái hóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Ô nhiễm đất	pc_oNhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm đất
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	pc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Kế hoạch thực hiện	keHoach_BCP	Số nguyên	Integer	4	Là thông tin về năm thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Biện pháp kỹ thuật đề xuất	bienPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về biện pháp kỹ thuật đề xuất
Giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất	giaiPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi hàng năm	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin về năm báo cáo kết quả thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra, đánh giá thoái hóa đất	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra, đánh giá thoái hóa đất
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
nước					
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

đ) Lớp dữ liệu kết quả kết quả thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: KetQuaBaoVeCaiTaoPhucHoi_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại
Suy giảm độ phì	pc_suyGiamDoPhi	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ suy giảm độ phì
Xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ xói mòn
Khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa	pc_khoHan	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa
Kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ kết von, đá ong hóa
Mặn hóa	pc_manHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ mặn hóa
Phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ phèn hóa
Thoái hóa đất	pc_thoiHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ thoái hóa
Ô nhiễm đất	pc_oNhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm đất
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	pc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Kế hoạch thực hiện	keHoach_BCP	Ngày tháng	Date	4	Là thông tin về năm thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Biện pháp kỹ thuật đề xuất	bienPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về biện pháp kỹ thuật đề xuất
Giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất	giaiPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi hàng năm	giamsat_nam	Ngày tháng	Date		Là thông tin về năm báo cáo kết quả thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra, đánh giá thoái hóa đất	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra, đánh giá thoái hóa đất liên.
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ.
Khu vực đất đã hoàn thành cải tạo, bảo vệ, phục hồi	hoanThanh_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực đất đã hoàn thành cải tạo, bảo vệ, phục hồi
Khu vực đất đang thực hiện cải tạo, bảo vệ, phục hồi	dang_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực đất đang thực hiện cải tạo, bảo vệ, phục hồi
Biện pháp kỹ thuật đã thực hiện	bienPhapApDung	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về biện pháp kỹ thuật đã thực hiện

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Giải pháp kinh tế - xã hội áp dụng	giaiPhapApDung	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về giải pháp kinh tế - xã hội áp dụng
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

e) Lớp dữ liệu khoanh vùng cảnh báo cho phép hoặc hạn chế hoạt động trên đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: KhoanhVungHoatDongTrenDat_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp nhóm đất được gộp theo tỉ lệ điều tra, đánh giá tương ứng
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp địa hình được gộp theo tỷ lệ điều tra, đánh giá tương ứng
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng , cả nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

g) Lớp dữ liệu khoanh vùng cảnh báo cho phép hoặc hạn chế hoạt động trên đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Tên lớp dữ liệu: KhoanhVungHoatDongTrenDat_[Vung|CaNuoc]

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp nhóm đất được gộp theo tỉ lệ điều tra, đánh giá tương ứng
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp địa hình được gộp theo tỷ lệ điều tra, đánh giá tương ứng
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Khu vực đất chưa có khả năng cải tạo, bảo vệ, phục hồi	chua_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin khu vực đất chưa có khả năng cải tạo, bảo vệ, phục hồi
Khu vực hạn chế hoạt động trên đất	hanCheHoatDong	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực hạn chế hoạt động trên đất
Khu vực cảnh báo không cho phép hoạt động trên đất	khongChoPhepHoatDong	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cảnh báo không cho phép hoạt động trên đất
Thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra thoái hóa đất cấp vùng, cả nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

2.2.2.5. Nhóm lớp dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai cấp cấp tỉnh

a) Lớp dữ liệu về điểm điều tra, lấy mẫu cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: DiemDieuTraDGD_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã điểm điều tra	diemDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên điểm điều tra phẫu diện đất	tenDiem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên điểm điều tra phẫu diện đất
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về thổ nhưỡng của khoanh đất
Chỉ tiêu về địa hình	Diahinhh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình (đô đốc, địa hình tương đối) của khoanh đất
Tên điểm lấy mẫu đất	phauDien	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên của phẫu diện được đặt theo kế hoạch điều tra
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Tên khoanh đất	TenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
Tọa độ X	toaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Tọa độ Y	toaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Loại phẫu diện	loai_PD	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại phẫu diện chính, phụ, thăm dò
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
tạo, phục hồi đất cấp tỉnh					
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa

b) Lớp dữ liệu khoanh đất điều tra cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KhoanhDieuTraDGD_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh đất điều tra	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Loại thổ nhượng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	loại thổ nhượng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Tầng dày	tangDay	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là độ dày tầng đất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Trong danh mục địa hình
Điểm điều tra phẫu diện kỳ trước	phauDien_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về tên của điểm lấy phẫu diện kỳ trước trong khoanh đất
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

c) Lớp dữ liệu về đặc điểm thổ nhượng cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: ThoNhuong_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	KhoanhThoNhuongID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh đất điều tra	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết đến lớp dữ liệu khoanh đất điều tra cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về thổ nhưỡng của khoanh đất
Chỉ tiêu về địa hình	diahinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình (đô đốc, địa hình tương đối)
Tầng dày	tangDay	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về độ dày tầng đất
Tên điểm lấy mẫu đất	phauDien	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên của phẫu diện đại diện gắn với khoanh đất
Phân cấp đặc điểm nhóm đất	pc_DacDiemDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp về một số chỉ tiêu cấu thành lên nhóm đất trong điều tra, đánh giá đất đai (thổ nhưỡng, địa hình, chế độ nước, khí hậu)
Thông tin chi tiết về phẫu diện đất	phauDienDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với dữ liệu về phẫu diện đất trong điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng, cả nước
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_PoLyGon		Là dữ liệu đồ họa

d) Lớp dữ liệu kết quả đánh giá chất lượng đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: ChatLuongDat_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh chất lượng đất	khoanhChatLuongDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh chất lượng đất	soThuTuKhoanhCLDID	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh chất lượng đất
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
Điểm điều tra phẫu diện	phauDien	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
Loại thổ nhưỡng	loaiThoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về thổ nhưỡng
Tầng dày	tangDay	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về tầng dày
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình
Phân cấp thổ nhưỡng	pc_ThoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp thổ nhưỡng
Phân cấp tầng dày	Pc_TangDay	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về tầng dày

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phân cấp đặc điểm thổ nhưỡng	pc_dat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp về thổ nhưỡng được gộp lại theo cấp độ điều tra, đánh giá thoái hóa đất
Phân cấp địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp địa hình
Phân cấp tính chất vật lý - hóa học - sinh học của đất	pc_tinhChat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp về tính chất vật lý, hóa học, sinh học của đất
Phân cấp khí hậu	pc_khiHau	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phân cấp khí hậu bao gồm tổng hợp của các yếu tố lượng mưa, tổng tích ôn, khô hạn
Phân cấp chế độ nước	pc_cheDoNuoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phân cấp chế độ nước bao gồm tổng hợp của các yếu tố chế độ tưới, ngập úng, xâm nhập mặn
Loại đất theo mục đích sử dụng	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Loại đất tổng hợp theo bảng mã danh mục loại đất
Phân mức chất lượng đất	pc_chatLuongDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phân cấp đánh giá chất lượng đất cao, trung bình, thấp
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_PoLyGon		Là dữ liệu đồ họa

đ) Lớp dữ liệu kết quả đánh giá tiềm năng đất đai cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: TiemNangDat_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh tiềm năng đất đai	khoanhTiemNangDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất đánh giá tiềm năng	soThuThuKhoanhTNDID	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Phân mức chất lượng đất	pc_chatLuongDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phân cấp đánh giá chất lượng đất cao, trung bình, thấp
Phân cấp chế độ nước	pc_cheDoNuoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phân cấp đánh giá chế độ nước (được tổng hợp từ chế độ tưới, ngập úng, xâm nhập mặn)
Đánh giá hiệu quả kinh tế	pc_hieuQuaKinhTe	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế
Đánh giá hiệu quả xã hội	pc_hieuQuaXaHoi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp kết quả đánh giá hiệu quả xã hội
Đánh giá hiệu quả môi trường	pc_hieuQuaMoiTruong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp kết quả đánh giá hiệu quả môi trường
Đánh giá tiềm năng đất	pc_tiemNang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phân cấp đánh giá tiềm năng đất cao, trung bình, thấp
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

2.2.2.6. Nhóm lớp dữ liệu về thoái hóa đất cấp tỉnh

a) Lớp dữ liệu về điểm điều tra, lấy mẫu trong đánh giá thoái hóa đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: DiemDieuTraTHD_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã điểm điều tra	diemDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã khoanh đất điều tra	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết đến lớp dữ liệu khoanh đất điều tra cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước
Tên điểm điều tra phẫu diện đất	tenDiem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên điểm điều tra phẫu diện đất
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về thổ nhưỡng của khoanh đất
Chỉ tiêu về địa hình	Diahinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình (độ dốc, địa hình tương đối) của khoanh đất
Tên điểm lấy mẫu đất	phauDien	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên của phẫu diện được đặt theo kế hoạch điều tra
Tên khoanh đất	TenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Chế độ tưới kỳ trước	Tuoi_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về chế độ tưới của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Xâm nhập mặn kỳ trước	xamNhapMan_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về xâm nhập mặn của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Ngập úng kỳ trước	ngapUng_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ngập úng của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Điểm điều tra, lấy mẫu kỳ trước	diemDieuTra_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về điểm điều tra, lấy mẫu của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Tên điểm điều tra	tenDiemDieuTra_KyTruoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về điểm điều tra của điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ trước
Tọa độ X	toaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phân thập phân.
Tọa độ Y	toaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phân thập phân.
Loại điểm điều tra	loai_Diem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại điểm điều tra (xói mòn, khô hạn, kết von, suy giảm độ phì)
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa

b) Lớp dữ liệu khoanh đất điều tra, đánh giá thoái hóa đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KhoanhDieuTraTHD_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh đất điều tra	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	loại thổ nhưỡng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Tầng dày	tangDay	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là độ dày tầng đất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Trong danh mục địa hình
Điểm điều tra phẫu diện kỳ trước	phauDien_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về tên của điểm đào phẫu diện kỳ trước trong khoanh đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_PoLyGon		Là dữ liệu đồ họa

c) Lớp dữ liệu kết quả đánh giá thoái hóa đất đai cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: ThoaiHoaDat_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh thoái hóa đất	khoanhDatThoaiHoaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất trong điều tra, đánh giá thoái hóa đất
Tên điểm điều tra	tenDiem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là điểm điều tra đại diện cho khoanh đất điều tra thoái hóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phân cấp thổ nhưỡng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại thổ nhưỡng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Phân cấp địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp địa hình được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Phân cấp đất bị suy giảm độ phì	pc_sgdp	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị suy giảm độ phì
Phân cấp đất bị xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị xói mòn
Phân cấp đất bị khô hạn	pc_khoHan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị khô hạn
Phân cấp đất bị mặn hóa	pc_manHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị mặn hóa
Phân cấp đất bị phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị phèn hóa
Phân cấp đất bị kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị kết von, đá ong hóa
Phân mức đánh giá thoái hóa đất	pc_thoiHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị thoái hóa
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_PoLyGon		Là dữ liệu đồ họa

2.2.2.7. Nhóm lớp dữ liệu về ô nhiễm đất cấp tỉnh

a) Lớp dữ liệu điểm điều tra ô nhiễm đất đai cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: DiemDieuTraOND_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã điểm điều tra	diemDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự điểm điều tra	soThuTuDiem	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất gắn với điểm điều tra
Loại điểm điều tra	loaiDiem	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là loại dữ liệu nằm trong bảng danh mục dữ liệu điều tra
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Loại đất theo mục đích sử dụng	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là loại sử dụng đất hiện trạng
Thổ nhượng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về thổ nhượng của khoanh đất
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình (độ dốc, địa hình tương đối) của khoanh đất
Tên điểm điều tra ô nhiễm	diemON	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về tên điểm điều tra ô nhiễm đất
Tọa độ X	toaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phân thập phân.
Tọa độ Y	toaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia của điểm lấy mẫu. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phân thập phân.
Khu vực điều tra ô nhiễm	khuVucDieuTra	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là số thứ tự khu vực điều tra ô nhiễm
Nguồn gây ô nhiễm	nguồnON	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên ký hiệu nguồn gây ô nhiễm
Tác nhân gây ô nhiễm	tacNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên ký hiệu tác nhân gây ô nhiễm
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa

b) Lớp dữ liệu phạm vi ảnh hưởng ô nhiễm đất đai cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: PhamViOND_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã khoanh đất	khoanhDatONID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Tên điểm điều tra ô nhiễm	diemON	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên điểm điều tra ô nhiễm gắn với khoanh đất
Khu vực điều tra ô nhiễm	khuVucDieuTra	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Số thứ tự khu vực điều tra ô nhiễm
Loại thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại thổ nhưỡng của khoanh đất gắn với điểm điều tra ô nhiễm
Tầng dày	tangDay	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là độ dày tầng đất của khoanh đất gắn với điểm điều tra ô nhiễm
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại địa hình của khoanh đất gắn với điểm điều tra ô nhiễm
Nguồn gây ô nhiễm	nguồnON	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là nguồn gây ô nhiễm như Khu công nghiệp, bãi thải, làng nghề...
Tác nhân ô nhiễm	tacNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tác nhân gây ô nhiễm như kim loại nặng, hóa chất bảo vệ thực vật...
Phân cấp Arsen (As)	pc_As	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu As
Phân cấp Cadimi (Cd)	pc_Cd	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Cd
Phân cấp Đồng (Cu)	pc_Cu	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Cu

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phân cấp Chì (Pb)	pc_Pb	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Pb
Phân cấp Kẽm (Zn)	pc_Zn	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Zn
Phân cấp Thủy ngân (Hg)	pc_Hg	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Hg
Phân cấp Crôm Cr	pc_Cr	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Cr
Phân cấp Niken (Ni)	pc_Ni	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Ni
Phân cấp Diazinon (C ₁₂ H ₂₁ N ₂ O ₃ PS)	pc_Diazinon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Diazinon
Phân cấp Dimethoate (C ₅ H ₁₂ NO ₃ SP ₂)	pc_Dimethoate	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Dimethoate
Phân cấp Trichlorfon (C ₄ H ₈ Cl ₃ O ₄ P)	pc_Trichlorfon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Trichlorfon
Phân cấp Methamidophos (C ₂ H ₈ NO ₂ PS)	pc_Methamidophos	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Methamidophos
Phân cấp Monocrotophos (C ₇ H ₁₄ NO ₅ P)	pc_Monocrotophos	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Monocrotophos
Phân cấp Methyl Parathion (C ₈ H ₁₀ NO ₅ PS)	pc_Methyl Parathion	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Methyl Parathion
Phân cấp Parathion Ethyl (C ₇ H ₁₄ NO ₅ P)	pc_Parathion Ethyl	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Parathion Ethyl

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phân cấp Phosphamidon (C ₁₀ H ₁₉ ClNO ₅ P)	pc_Phosphamidon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp chỉ tiêu Phosphamidon
Phân cấp Ô nhiễm	pc_oNhiemDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Kết quả đánh giá ô nhiễm
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

2.2.2.8. Nhóm lớp dữ liệu về xử lý, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh

a) Lớp thông tin về các khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KhuVucBaoVeCaiTaoPhucHoi_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại thổ nhượng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp địa hình được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại sử dụng đất kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại sử dụng đất hiện tại
Phân mức đánh giá chất lượng đất	pc_ChatLuongDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp đánh giá chất lượng đất
Phân mức đánh giá tiềm năng đất đai	pc_TiemNangDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp đánh giá tiềm năng đất đai
Suy giảm độ phì	pc_suyGiamDoPhi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ suy giảm độ phì
Xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ xói mòn
Khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa	pc_khoHan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ kết von, đá ong hóa
Mặn hóa	pc_manHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ mặn hóa
Phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ phèn hóa
Thoái hóa đất	pc_thoiHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ thoái hóa
Ô nhiễm đất	pc_oNhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm đất
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi: 1: Khu vực chất lượng đất 2: Khu vực thoái hóa đất 3: Khu vực ô nhiễm đất
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

b) Lớp dữ liệu mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: MucDoBaoVeCaiTaoPhucHoi_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại thổ nhượng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp địa hình được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại sử dụng đất kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại sử dụng đất hiện tại

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Suy giảm độ phì	pc_suyGiamDoPhi	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ suy giảm độ phì
Xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ xói mòn
Khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa	pc_khoHan	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa
Kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ kết von, đá ong hóa
Mặn hóa	pc_manHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ mặn hóa
Phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ phèn hóa
Thoái hóa đất	pc_thoiHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ thoái hóa
Ô nhiễm đất	pc_oNhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm đất
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	pc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

c) Lớp dữ liệu kế hoạch thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: MucDoBaoVeCaiTaoPhucHoi_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer		Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại thổ nhượng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp địa hình được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại
Ô nhiễm đất	pc_oNhiem	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	pc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Kế hoạch thực hiện	keHoach_BCP	Số nguyên	Integer	4	Là thông tin về năm thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Biện pháp kỹ thuật đề xuất	bienPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về biện pháp kỹ thuật đề xuất
Giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất	giaiPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

d) Lớp dữ liệu về kết quả giám sát, kiểm soát bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KetQuaGiamSatBaoVeCaiTaoPhucHoi_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thỏ nhưỡng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại
Suy giảm độ phì	pc_suyGiamDoPhi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ suy giảm độ phì
Xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ xói mòn
Khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa	pc_khoHan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa
Kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ kết von, đá ong hóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mặn hóa	pc_mạnHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ mặn hóa
Phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ phèn hóa
Thoái hóa đất	pc_thoaiHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ thoái hóa
Ô nhiễm đất	pc_oNhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm đất
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	pc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Kế hoạch thực hiện (thời gian là năm)	keHoach_BCP	Ngày tháng	Date		Là thông tin về năm thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Biện pháp kỹ thuật đề xuất	bienPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về biện pháp kỹ thuật đề xuất
Giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất	giaiPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi hàng năm	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin về năm báo cáo kết quả thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi.
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra, đánh giá thoái hóa.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
điều tra, đánh giá thoái hóa đất					
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ.
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

đ) Lớp dữ liệu kết quả thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KetQuaBaoVeCaiTaoPhucHoi_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhưỡng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại
Suy giảm độ phì	pc_suyGiamDoPhi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ suy giảm độ phì
Xói mòn	pc_xoiMon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ xói mòn
Khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa	pc_khoHan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa
Kết von, đá ong hóa	pc_ketVon	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ kết von, đá ong hóa
Mặn hóa	pc_manHoa	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ mặn hóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Phèn hóa	pc_phenHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ phèn hóa
Thoái hóa đất	pc_thoaiHoa	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ thoái hóa
Ô nhiễm đất	pc_oNhiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp mức độ ô nhiễm đất
Khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi	khuVuc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	pc_BCP	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về phân cấp mức độ bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Kế hoạch thực hiện	keHoach_BCP	Ngày, tháng	Date	4	Là thông tin về năm thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi
Biện pháp kỹ thuật đề xuất	bienPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về biện pháp kỹ thuật đề xuất
Giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất	giaiPhapDeXuat	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin giải pháp kinh tế - xã hội đề xuất
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi hàng năm	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi hàng năm.
Điểm giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi hàng năm	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi hàng năm tại điểm giám sát.
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra, đánh giá thoái hóa	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
đất					
Điểm giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra, đánh giá thoái hóa đất	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi theo kỳ điều tra tại điểm giám sát.
Kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ.
Điểm giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ	Chi tiết tại nhóm dữ liệu phi cấu trúc tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Là thông tin kết quả giám sát, kiểm soát kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi các khu vực kết thúc nhiệm vụ tại điểm giám sát.
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

e) Lớp dữ liệu khoanh vùng cảnh báo cho phép hoặc hạn chế hoạt động trên đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KhoanhVungHoatDongTrenDat_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Mã khoanh đất	khoanhDatDieuTraID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanh	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Thổ nhượng	pc_thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp nhóm đất được gộp theo tỉ lệ điều tra, đánh giá tương ứng
Địa hình	pc_diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin phân cấp địa hình được gộp theo tỷ lệ điều tra, đánh giá tương ứng
Loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước	hienTrang_KT	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại đất theo mục đích sử dụng kỳ trước
Loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về loại đất theo mục đích sử dụng hiện tại
Thuộc tính quản lý bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến bảng thuộc tính bộ dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Anh	Tiếng Việt		
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa

2.2.3. Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

2.2.3.1. Nhóm lớp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất Quốc gia

a) Lớp quy hoạch sử dụng đất dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDQG_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	quyHoachSDDPolyID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế- xã hội
Tên vùng quy hoạch	tenVungQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích	dienTich	Số thực	Real	8	Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp kế hoạch sử dụng đất dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDQG_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDPolyID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã vùng kinh tế- xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế- xã hội
Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất	congTrinhKeHoachId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất
Tên vùng kế hoạch	tenVungQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã loại đất theo kế hoạch	loaiDatKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại đất”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real	8	Là diện tích kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập kế hoạch	namKeHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp quy hoạch sử dụng đất dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDQG_Line

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tuyenQuyHoachID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã vùng kinh tế	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế - xã hội
Tên vùng quy hoạch	tenVungQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích	dienTich	Số thực	Real	8	Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

d) Lớp kế hoạch sử dụng đất dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDQG_Line

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tuyenKeHoachID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế - xã hội
Liên kết dự án quy hoạch	congTrinhKeHoachId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Tên tuyến kế hoạch	tenVungKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên tuy kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích	dienTich	Số thực	Real	8	Là diện tích kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập kế hoạch	namKeHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập Kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

đ) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDQG_Point

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diemQuyHoachID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế - xã hội
Tên điểm quy hoạch	tenDiemQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

e) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDQG_Point

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diemKeHoachID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế - xã hội
Liên kết dự án quy hoạch	congTrinhKeHoachId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Tên điểm kế hoạch	tenDiemKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên điểm kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namKeHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập Kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.3.2. Nhóm lớp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

a) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDTinh_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	vungQuyHoachTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng quy hoạch	tenVungQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDTinh_Line

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tuyenQuyHoachTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên tuyến quy hoạch	tenTuyenQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên tuyến quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDTinh_Point

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diemQuyHoachTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên điểm quy hoạch	tenDiemQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên điểm quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

d) Lớp vùng các khu vực bảo vệ nghiêm ngặt

Tên lớp dữ liệu: khuVucBaoVeNghiemNgat_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	kvBaoVeNNTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng cần bảo vệ	tenVungBaoVe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

đ) Lớp vùng khu vực lấn biển sử dụng cho mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp

Tên lớp dữ liệu: khuVucLanBien_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuVucLanBienTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng lân biển	tenVungLanBien	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

e) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDTinh_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vùng kế hoạch sử dụng đất ID	vungKeHoachPolyCapTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để xác định vùng kế hoạch sử dụng đất của vùng kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	CongTrinhKeHoachCapTinhId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng kế hoạch	tenVungKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực		Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

g) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDTinh_Line

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDPline_TinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tuyển kế hoạch sử dụng đất ID	tuyenKeHoach_TinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để xác định vùng kế hoạch sử dụng đất của tuyển kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_TinhId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng kế hoạch	tenVungKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực		Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

h) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDTinh_Point

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Điểm kế hoạch sử dụng đất ID	diemKeHoachCapTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để xác định điểm kế hoạch sử dụng đất của kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_TinhId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên điểm kế hoạch	tenDiemKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực		Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

i) Lớp khu chức năng cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: KhuChucNangCapTinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuChucNangCapTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên khu chức năng	tenKhuChucNang	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên khu chức năng
Mã loại khu chức năng cấp tỉnh	loaiKhuChucNangCapTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu chức năng cấp tỉnh”
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.3.3. Nhóm lớp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

a) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDHuyen_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	vungQuyHoachHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng quy hoạch	tenVungQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDHuyen_Line

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tuyenQuyHoach_HuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên tuyến quy hoạch	tenTuyenQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên tuyến quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDHuyen_Point

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diemQuyHoach_HuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên điểm quy hoạch	tenDiemQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên điểm quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

d) Lớp vùng các khu vực bảo vệ nghiêm ngặt

Tên lớp dữ liệu: khuVucBaoVeNghiemNgat_Huyen

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuVucBVNNHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng cần bảo vệ	tenVungBaoVe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

đ) Lớp vùng khu vực lấn biển sử dụng cho mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp

Tên lớp dữ liệu: khuVucLanBien_Huyen

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuVucLanBien_HuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng lân biển	tenVungBaoVe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

e) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp huyện dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDHuyen_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Vùng kế hoạch sử dụng đất ID	vungKeHoachCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để xác định vùng kế hoạch sử dụng đất của vùng kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_HuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình quy hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng kế hoạch	tenVungKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực		Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer		Là năm lập quy hoạch.
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

g) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp huyện dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDPHuyen_Line

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tuyển kế hoạch sử dụng đất ID	tuyenKeHoachCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để xác định vùng kế hoạch sử dụng đất của tuyển kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_HuyenId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình quy hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên tuyển kế hoạch	tenTuyenKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên tuyển kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực		Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

h) Lớp khu chức năng cấp huyện

Tên lớp dữ liệu: KhuChucNangCapHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuChucNangCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên khu chức năng	tenKhuChucNang	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên khu chức năng
Mã loại khu chức năng cấp huyện	loaiKhuChucNang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu chức năng cấp huyện”
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

i) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp huyện dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDHuyen_Point

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Điểm kế hoạch sử dụng đất ID	diemKeHoachtCapHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để xác định điểm kế hoạch sử dụng đất của kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_HuyenId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên điểm kế hoạch	tenDiemQuyHoachKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên điểm kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực		Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.3.4. ¹⁴Nhóm lớp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã

a) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp xã dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDXa_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	vungQuyHoachXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng quy hoạch	tenVungQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.

¹⁴ Bảng này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp xã dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDXa_Line

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tuyenQuyHoach_XaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên tuyến quy hoạch	tenTuyenQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên tuyến quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp quy hoạch sử dụng đất cấp xã dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: QuyHoachSDDXa_Point

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diemQuyHoach_XaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên điểm quy hoạch	tenDiemQuyHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên điểm quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Diện tích phân bổ	dienTichPhanBo	Số thực	Real		Là diện tích được quy hoạch cấp trên phân bổ, đơn vị tính theo héc-ta (ha)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích xác định	dienTichXd	Số thực	Real		Là diện tích được xác định trong cấp lập quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

d) Lớp vùng các khu vực bảo vệ nghiêm ngặt

Tên lớp dữ liệu: khuVucBaoVeNghiemNgat_Xa

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuVucBVNNXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng cần bảo vệ	tenVungBaoVe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

đ) Lớp vùng khu vực lấn biển sử dụng cho mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp

Tên lớp dữ liệu: khuVucLanBien_Xa

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuVucLanBien_XaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng lấn biển	tenVungBaoVe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo quy hoạch”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích quy hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

e) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp xã dạng vùng

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDXa_Poly

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDCapXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vùng kế hoạch sử dụng đất ID	vungKeHoachCapXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để xác định vùng kế hoạch sử dụng đất của vùng kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_XaId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình quy hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên vùng kế hoạch	tenVungKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên vùng quy hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực		Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

g) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp xã dạng tuyến

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDPXa_Line

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Polyline)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDCapXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tuyển kế hoạch sử dụng đất ID	tuyenKeHoachCapXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để xác định vùng kế hoạch sử dụng đất của tuyển kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_XaId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình quy hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên tuyển kế hoạch	tenTuyenKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên tuyển kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực		Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Polyline		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

h) Lớp khu chức năng cấp xã

Tên lớp dữ liệu: KhuChucNangCapXa

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuChucNangCapXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên khu chức năng	tenKhuChucNang	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên khu chức năng
Mã loại khu chức năng cấp xã	loaiKhuChucNang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu chức năng cấp xã”
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

i) Lớp kế hoạch sử dụng đất cấp xã dạng điểm

Tên lớp dữ liệu: KeHoachSDDXa_Point

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	keHoachSDDCapXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Điểm kế hoạch sử dụng đất ID	diemKeHoachtCapXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để xác định điểm kế hoạch sử dụng đất của kế hoạch nào.
Liên kết dự án kế hoạch	congTrinhKeHoach_XaId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến dữ liệu thuộc tính của công trình kế hoạch
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên điểm kế hoạch	tenDiemQuyHoachKeHoach	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên điểm kế hoạch
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Mục đích sử dụng theo kế hoạch”
Diện tích	dienTich	Real	Số thực		Là diện tích thực hiện trong năm kế hoạch, đơn vị tính theo héc-ta (ha)
Năm lập quy hoạch	namQuyHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập quy hoạch
Năm lập kế hoạch	namLapKH	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch.
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.4. Dữ liệu không gian giá đất

a) Lớp dữ liệu vùng giá trị

Tên lớp dữ liệu: VungGiaTri

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	vungGiaTriID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên vùng giá trị	tenVung	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên vùng giá trị
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHC	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Thời điểm xác định vùng giá trị	thoiDiemXacDinhVGT	Ngày tháng	Date	10	Là thời điểm xác định vùng giá trị (dd/mm/yyyy)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp dữ liệu thừa đất chuẩn

Tên lớp dữ liệu: ThuaDatChuan

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thuaDatChuanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vùng giá trị	vungGiaTriID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với vùng giá trị

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Thông tin thửa đất	thuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với lớp thửa đất
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp dữ liệu thửa đất cụ thể

Tên lớp dữ liệu: ThuaDatCuThe

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thuaDatCuTheID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vùng giá trị	vungGiaTriID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với vùng giá trị
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHC	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Thông tin thửa đất	thuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với lớp thửa đất
Thửa đất chuẩn để định giá	thuaDatChuanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại để liên kết với thửa đất chuẩn
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.5. Dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai

2.2.5.1. Nhóm lớp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cả nước, vùng kinh tế - xã hội

a) Lớp hiện trạng sử dụng đất cả nước

Tên lớp dữ liệu: KK_VungHienTrang_CN

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại đất hiện trạng	loaiDatHienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Mục đích sử dụng đất
Năm kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Năm kiểm kê
Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã vùng kinh tế - xã hội
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Dữ liệu đồ họa

b) Lớp hiện trạng sử dụng đất vùng kinh tế - xã hội:

Tên lớp dữ liệu: KK_VungHienTrang_Vung

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại đất hiện trạng	loaiDatHienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Mục đích sử dụng đất
Năm kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Năm kiểm kê
Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã vùng kinh tế - xã hội
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Dữ liệu đồ họa

c) Lớp dữ liệu kiểm kê đất đai chuyên đề cả nước

Tên lớp dữ liệu: KK_ChuyenDe_CN

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID		CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên chuyên đề	loaiChuyenDe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên chuyên đề
Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã vùng kinh tế - xã hội
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Tên đối tượng chuyên đề	tenDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	tên đối tượng chuyên đề
Ký hiệu đối tượng	kyHieuDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Ký hiệu đối tượng
Loại đất hiện trạng	loaiDatHienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Loại đất hiện trạng trong danh mục loại đất
Loại đất chuyên đề	loaiDatChuyenDe	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Loại đất chuyên đề trong danh mục loại đất
Diện tích đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Thời điểm thực hiện	thoiDiemThucHien	Chuỗi ký tự	Date/time	10	Thời điểm thực hiện chuyên đề
Loại đối tượng	loaiDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Loại đối tượng
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú
Dữ liệu không gian	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Dữ liệu không gian

d) Lớp dữ liệu kiểm kê chuyên đề vùng kinh tế - xã hội

Tên lớp dữ liệu: KK_ChuyenDe_Vung

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID		CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên chuyên đề	loaiChuyenDe	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên chuyên đề
Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã vùng kinh tế - xã hội
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Tên đối tượng chuyên đề	tenDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên đối tượng chuyên đề
Ký hiệu đối tượng	kyHieuDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Ký hiệu đối tượng
Loại đất hiện trạng	loaiDatHienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Loại đất hiện trạng trong danh mục loại đất
Loại đất chuyên đề	loaiDatChuyenDe	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Loại đất chuyên đề trong danh mục loại đất
Diện tích đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Thời điểm thực hiện	thoiDiemThucHien	Chuỗi ký tự	Date/time	10	Thời điểm thực hiện chuyên đề
Loại đối tượng	loaiDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Loại đối tượng
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú
Dữ liệu không gian	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Dữ liệu không gian

d) Lớp ranh giới khu vực tổng hợp cả nước

Tên lớp dữ liệu: RanhGioiKhuVucTongHop_CN

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã vùng kinh tế - xã hội
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Mã loại khu vực tổng hợp	loaiKhuVucTongHop	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu vực tổng hợp”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

e) Lớp ranh giới khu vực tổng hợp vùng kinh tế - xã hội

Tên lớp dữ liệu: RanhGioiKhuVucTongHop_Vung

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã vùng kinh tế - xã hội
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Mã loại khu vực tổng hợp	loaiKhuVucTongHop	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu vực tổng hợp”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.5.2. Nhóm lớp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp tỉnh

a) Lớp hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: HienTrangSDD_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã loại đất theo hiện trạng	loaiDatHienTrang	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại đất hiện trạng”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Diện tích đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp ranh giới khu vực tổng hợp cấp tỉnh

Tên lớp dữ liệu: RanhGioiKhuVucTongHop_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã loại khu vực tổng hợp	loaiKhuVucTongHop	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu vực tổng hợp”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.5.3. Nhóm lớp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp huyện

a) Lớp hiện trạng sử dụng đất cấp huyện

Tên lớp dữ liệu: HienTrangSDDCapHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã loại đất theo hiện trạng	loaiDatHienTrang	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại đất hiện trạng”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Diện tích đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp ranh giới khu vực tổng hợp cấp huyện

Tên lớp dữ liệu: RanhGioiKhuVucTongHopCapHuyen

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã loại khu vực tổng hợp	loaiKhuVucTongHop	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu vực tổng hợp”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.5.4. Nhóm lớp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã

a) Lớp hiện trạng sử dụng đất cấp xã

Tên lớp dữ liệu: HienTrangSDDCapXa

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã loại đất theo hiện trạng	loaiDatHienTrang	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại đất hiện trạng”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp ranh giới khu vực tổng hợp cấp xã

Tên lớp dữ liệu: RanhGioiKhuVucTongHopCapXa

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng đường (GM_Line)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã loại khu vực tổng hợp	loaiKhuVucTongHop	Số nguyên	Integer	2	Được xác định trong bảng mã: “Loại khu vực tổng hợp”
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng đường	GM_Line		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

c) Lớp kết quả điều tra kiểm kê đất đai

Tên lớp dữ liệu: KetQuaDieuTraKiemKe

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ketQuaKiemKeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	
Mã loại đất theo hiện trạng	loaiDatHienTrang	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại đất hiện trạng”
Mã đối tượng quản lý, sử dụng đất	maDoiTuong	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Đối tượng sử dụng”
Diện tích khoanh đất	dienTichKhoanhDat	Số thực	Real		Là diện tích khoanh đất, đơn vị tính là m ²
Năm thực hiện kiểm kê	namKiemKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện kiểm kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

d) Lớp dữ liệu thông kê cấp xã

Tên lớp dữ liệu: KetQuaThongKe

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thongKeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	
Mã loại đất theo hiện trạng	loaiDatHienTrang	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Loại đất hiện trạng”
Mã đối tượng quản lý, sử dụng đất	maDoiTuong	Số nguyên	Integer	3	Được xác định trong bảng mã: “Đối tượng sử dụng”
Diện tích khoanh đất	dienTichKhoanhDat	Số thực	Real		Là diện tích khoanh đất, đơn vị tính là m ²
Năm thực hiện thống kê	namThongKe	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện thống kê
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.2.6. Dữ liệu khác liên quan đến đất đai

2.2.6.1. Nhóm lớp dữ liệu thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính

a) Lớp dữ liệu ranh giới đo đạc lập bản đồ địa chính

Tên lớp dữ liệu: RanhGioiKhuDo

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ranhGioiKhuDoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính cấp huyện
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính cấp xã.
Tên ranh giới khu đo	tenRanhGioiKhuDo	Chuỗi ký tự	CharacterString	200	Là tên ranh giới khu đo theo Thiết kế kỹ thuật - Dự toán hoặc phương án
Loại hình đo đạc bản đồ	loaiHinhDoDacBanDoID	Số nguyên	Integer	1	Chi tiết tại bảng danh mục: Loại hình đo đạc lập bản đồ địa chính
Tỷ lệ	tyLe	Số nguyên	Integer	5	Là mẫu số tỷ lệ của bản đồ
Tài liệu đo đạc	taiLieuDoDacID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết tới bảng Tài liệu đo đạc
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp dữ liệu phân mảnh bản đồ địa chính

Tên lớp dữ liệu: PhanManhBanDo

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả
------------------	--------------	--------	-------

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	trường	
Mã đối tượng	PhanManhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Ranh giới khu đo	ranhGioiKhuDoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết tới bảng dữ liệu ranh giới đo đặc lập bản đồ địa chính
Phiên hiệu mảnh	phienHieuManh	Chuỗi ký tự	CharacterString	25	Là phiên hiệu mảnh bản đồ.
Tên mảnh	TenManh	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là tên mảnh bản đồ
Tỷ lệ	tyLe	Số nguyên	Integer	10	Là mẫu số tỷ lệ của bản đồ
Liên kết File bản đồ địa chính lưu trữ	linkFileBanDoDiaChinhGoc	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến địa chỉ lưu trữ mảnh bản đồ địa chính định dạng file DGN được nghiệm thu bàn giao lưu trữ.
Liên kết File bản đồ địa chính sử dụng	linkFileBanDoDiaChinh	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến địa chỉ lưu trữ mảnh bản đồ địa chính định dạng file DGN được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú về mảnh bản đồ
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
Ghi chú: Hệ thống mảnh bản đồ địa chính số định dạng dgn được tổ chức lưu trữ trên hệ thống phần cứng của máy tính có cấu trúc thư mục như sau: - Thư mục tên mã đơn vị hành chính cấp xã - Thư mục tên Khu đo - Tên file bản đồ được đặt tên như sau: + dc+số thứ tự mảnh bản đồ+_g.dgn + dc+số thứ tự mảnh bản đồ.dgn					

2.2.6.2. Lớp dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất

Tên lớp dữ liệu: DiaChiSoThuaDatTaiSan

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng điểm (GM_Point)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là mã đối tượng do hệ thống khởi tạo tự động; dữ liệu dạng UUID
Mã Địa chỉ	MaDiaChi	Chuỗi ký tự	CharacterString	12	Là mã địa chỉ số của thửa đất hoặc tài sản. Theo quy định xác định mã địa chỉ số quốc gia.
Loại đối tượng	loaiDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là đối tượng thửa đất hoặc tài sản
Đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Đơn vị hành chính cấp xã theo danh mục của tổng cục thống kê
Tọa độ X	ToaDoX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Tọa độ Y	ToaDoY	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Tọa độ địa lý (B)	toaDoB	Chuỗi ký tự	CharacterString		Tọa độ địa lý (B)
Tọa độ địa lý (L)	toaDoL	Chuỗi ký tự	CharacterString		Tọa độ địa lý (L)
Tọa độ địa lý (H)	toaDoH	Chuỗi ký tự	CharacterString		Tọa độ địa lý (H) nếu có

Hiệu lực địa chỉ	hieuLuc	Số nguyên	Interger		Là hiệu lực của địa chỉ
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Interger		Là phiên bản của địa chỉ
Đối tượng không gian	geo	Dữ liệu dạng điểm	GM_Point		Dữ liệu không gian theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực địa phương

2.2.6.3. Nhóm lớp dữ liệu tổng hợp về giá đất

a) Lớp dữ liệu tổng hợp vùng giá trị

Tên lớp dữ liệu: TongHopVungGiaTri_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tongHopVungGiaTriID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã đơn vị hành chính cấp huyện
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Tên vùng giá trị	tenVung	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên vùng giá trị
Thời điểm xác định vùng giá trị	thoiDiemXacDinhVGT	Ngày tháng	Date	10	Là thời điểm xác định vùng giá trị (dd/mm/yyyy)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

b) Lớp dữ liệu tổng hợp thửa đất chuẩn

Tên lớp dữ liệu: tongHopThuaDatChuan_Tinh

Kiểu dữ liệu không gian: Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thuaDatChuanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã đơn vị hành chính cấp huyện
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Vùng giá trị	vungGiaTriID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với vùng giá trị
Mã thửa đất	mathuaDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là mã thửa đất. Là mã định danh thửa đất duy nhất trên toàn quốc gồm 10 ký tự (Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh + 8 số tự nhiên)
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_polyGon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

3. Dữ liệu thuộc tính đất đai

3.1. Dữ liệu thuộc tính địa chính

3.1.1. Nhóm dữ liệu về thửa đất

a) Dữ liệu về thửa đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Mã đối tượng duy nhất trong bảng dữ liệu được sinh tự động trong hệ thống
Mã thửa đất	maThuaDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là mã định danh thửa đất duy nhất trên toàn quốc gồm 10 ký tự (Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh + 8 số tự nhiên)
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Số hiệu tờ bản đồ	soHieuToBanDo	Số nguyên	Integer	4	Là số hiệu bản đồ
Số thửa đất	soThuTuThua	Số nguyên	Integer	5	Là số thứ tự thửa đất
Số hiệu tờ bản đồ cũ	soHieuToBanDoCu	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là số hiệu bản đồ cũ (dưới dạng văn bản)
Số thửa đất cũ	soThuTuThuaCu	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là số thứ tự thửa đất cũ (dưới dạng văn bản)
Loại đất	Chi tiết tại nhóm thông tin về mục đích sử dụng của thửa đất				Là loại đất trong bảng danh mục loại đất
Nguồn gốc sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về nguồn gốc sử dụng				

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích không gian của thửa đất, đơn vị tính là m ²
Diện tích pháp lý	dienTichPhapLy	Số thực	Real		Là diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận; trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận mà có giấy tờ pháp lý về nguồn gốc thì ghi diện tích theo giấy tờ đó; trường hợp không có các giấy tờ trên thì không nhập mục này. Đơn vị tính là m ²
Tài liệu đo đạc	maTaiLieuDoDac	Số nguyên	Integer		Là mã tài liệu trong bảng danh mục LoạiTaiLieuDoDacDiaChinh
Là đối tượng chiếm đất	laDoiTuongChiemDat	Lôgic	Boolean		0: Là thửa đất 1: Là đối tượng địa lý hình tuyến
Quyền quản lý	Chi tiết tại nhóm thông tin về quyền quản lý đất				Là thông tin về quyền quản lý của thửa đất
Quyền sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về quyền sử dụng đất				Là thông tin về quyền sử dụng của thửa đất
Thay đổi trong quá trình sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về sự thay đổi trong quá trình sử dụng đất				Là thông tin về sự thay đổi trong quá trình sử dụng đất
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là thông tin về địa chỉ của thửa đất
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên thể hiện thông tin phiên bản của thửa đất (mỗi lần biến động của thửa đất có 1 số).
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

b) Dữ liệu về loại đất của thửa đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	mucDichSuDungDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã thửa đất	thuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu thửa đất
Số thứ tự loại đất	soThuTuLoaiDat	Số nguyên	Integer	1	Là số thứ tự của loại đất theo thửa
Mã loại đất	maLoaiDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã loại đất được xác định trong bảng danh mục loại đất
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	maMDSDQH	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã mục đích sử dụng theo quy hoạch được xác định trong bảng mã
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích của loại đất, đơn vị tính là m ²
Thời hạn sử dụng	thoiHanSuDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là thông tin về thời hạn sử dụng thực tế
Ngày hạn sử dụng	ngayHanSuDung	Ngày	Date	10	Là ngày hạn sử dụng xác định đến ngày, tháng, năm hạn sử dụng đất
Phiên bản thửa đất	phienBanThuaDat	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của thửa đất

c) Dữ liệu về nguồn gốc sử dụng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	nguồnGocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hình dữ liệu quan hệ
Nguồn gốc sử dụng đất đăng ký	nguồnGocDangKy	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là nguồn gốc sử dụng đất trong trường hợp đăng ký sử dụng đất nhưng chưa hoặc không cấp Giấy chứng nhận ví dụ: “Sử dụng đất từ năm 1984, do tự khai phá (hoặc do Ông cha để lại, do nhận chuyển nhượng, được Nhà nước giao không thu tiền ...)”;
Nguồn gốc sử dụng đất cấp giấy lần đầu	nguồnGocCapGiayLanDau	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là mã nguồn gốc sử dụng đất được xác định khi cấp Giấy chứng nhận lần đầu, xác định nguồn gốc trong bảng danh mục nguồn gốc sử dụng
Nguồn gốc sử dụng đất biến động	nguồnGocBienDong	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là nguồn gốc sử dụng đất thể hiện hình thức nhận chuyển quyền (nếu có), xác định nguồn gốc trong bảng danh mục nguồn gốc sử dụng
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích nguồn gốc

d) Dữ liệu về bảng tài liệu đo đạc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tài liệu đo đạc	taiLieuDoDacID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					Nam
Loại bản đồ địa chính	loaiBanDoDiaChinh	Số nguyên	Integer	1	Là loại bản đồ địa chính nằm trong bảng danh mục
Loại hình đo đạc	hinhThucDoDac	Số nguyên	Integer	1	Là loại hình đo đạc nằm trong bảng danh mục (đo mới, đo bổ sung, đo chỉnh lý, trích đo địa chính...)
Đơn vị đo đạc	donViDoDac	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là tên đơn vị đo đạc
Phương pháp đo	phuongPhapDo	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là phương pháp đo đạc
Mức độ chính xác	mucDoChinhXac	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là mức độ chính xác
Tỷ lệ đo đạc	tyLeDoDac	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là các tỷ lệ: 1/200, 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000, 1/10000
Ngày hoàn thành	ngayHoanThanh	Ngày	Date	10	Là ngày hoàn thành đo đạc
Phiên bản thửa đất	phienBanThuaDat	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của thửa đất

3.1.2. Nhóm dữ liệu về người quản lý, sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

a) Dữ liệu về cá nhân

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	caNhanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Họ và tên	hoTen	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là họ và tên của người ghi trong giấy tờ nhân thân.
Ngày tháng năm sinh	ngaySinh	Ngày tháng	Date/Integer	10	Là ngày, tháng, năm sinh (nếu có)
Năm sinh	namSinh	Ngày tháng	Integer	4	Năm sinh
Giới tính	gioiTinh	Số nguyên	Integer	1	Thể hiện giới tính của cá nhân (0 là nữ, 1 là nam và 2 là giới tính khác)
Mã số thuế	maSoThue	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là mã số thuế để kết nối sang cơ sở dữ liệu của ngành thuế
Giấy tờ tùy thân	Chi tiết tại nhóm thông tin về giấy tờ tùy thân				Liên kết sang dữ liệu về giấy tờ tùy thân. Trường hợp đã kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
Quốc tịch	Chi tiết tại nhóm thông tin về quốc tịch				Liên kết sang dữ liệu quốc tịch của đối tượng là cá nhân
Dân tộc	Chi tiết tại nhóm thông tin về dân tộc				Là trường dữ liệu về dân tộc
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là thông tin về địa chỉ của đối tượng là cá nhân
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cá nhân
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

b) Dữ liệu về hộ gia đình

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	hoGiaDinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Chủ hộ	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người có vai trò là chủ hộ. Một hộ gia đình có duy nhất một người là chủ hộ
Vợ hoặc chồng	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người có vai trò là vợ hoặc chồng đối với chủ hộ
Thành viên	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là các thành viên của hộ gia đình
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là thông tin về địa chỉ của hộ gia đình
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của hộ gia đình
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
Ghi chú: Bảng dữ liệu này chỉ áp dụng đối với dữ liệu trước ngày 01/8/2024					

c) Dữ liệu về vợ chồng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	voChongID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vợ	Chỉ tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người có vai trò là vợ
Chồng	Chỉ tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người có vai trò là chồng
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của vợ chồng
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

d) Dữ liệu về tổ chức

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	toChucID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên tổ chức	tenToChuc	Chuỗi ký tự	CharacterString	120	Là tên của tổ chức
Tên viết tắt	tenVietTat	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên viết tắt của tổ chức
Tên tổ chức bằng tiếng Anh	tenToChucTA	Chuỗi ký tự	CharacterString	120	Là tên của tổ chức bằng tiếng Anh (nếu có)
Người đại diện	Chỉ tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người đại diện theo pháp luật

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Số quyết định	soQuyếtĐịnh	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
Ngày quyết định	ngayQuyếtĐịnh	Ngày tháng	Date/Integer		Là ngày ra quyết định thành lập hoặc ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức.
Loại quyết định thành lập	loaiQuyếtĐịnhThanhLập	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là thông tin phân loại quyết định thành lập tổ chức.
Mã số doanh nghiệp	maDoanhNghiep	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là mã số doanh nghiệp
Mã số thuế	maSoThue	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là mã số thuế để kết nối sang cơ sở dữ liệu của ngành thuế
Mã loại tổ chức	loaiToChuc	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là loại tổ chức nằm trong danh mục bảng mã
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là thông tin về địa chỉ của tổ chức
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của tổ chức
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

d) Dữ liệu về cộng đồng dân cư

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	congDongID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên cộng đồng	tenCongDong	Chuỗi ký tự	CharacterString	120	Là tên của cộng đồng dân cư
Người đại diện	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người đại diện theo pháp luật
Địa danh cư trú	diaDanhCuTru	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là địa danh cư trú của cộng đồng dân cư
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cộng đồng dân cư
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

e) Dữ liệu về nhóm người đồng sử dụng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	nhomNguoiID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Người đại diện	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người đại diện cho nhóm người (trong trường hợp cử người đại diện)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thành viên	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân, hộ gia đình, vợ chồng, tổ chức				Là các thành viên còn lại của nhóm
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhóm người đồng sử dụng
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

g) Dữ liệu về địa chỉ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diaChiID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính	maXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Địa chỉ chi tiết	diaChiChiTiet	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là địa chỉ chi tiết gồm: số nhà (nếu có); trường hợp địa chỉ là căn hộ chung cư hoặc tập thể thì xác định số nhà là số hiệu căn hộ/số hiệu toà nhà; tên ngõ phố, ngách, hẻm... (nếu có); xứ đồng đối với thửa đất có loại đất là đất nông nghiệp, tiểu khu đối với thửa đất có loại đất là đất rừng
Đường phố	tenDuongPho	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên đường, tên phố (nếu có)
Tổ dân phố	tenToDanPho	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên tổ dân phố (nếu có); đối với nông thôn là tên: thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên đơn vị hành chính cấp xã	tenDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên xã hoặc phường hoặc thị trấn
Tên đơn vị hành chính cấp huyện	tenDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố
Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh	tenDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên tỉnh hoặc tên thành phố trực thuộc Trung ương.
Mã địa chỉ số	maDiaChiSo	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là mã địa chỉ số của thửa đất hoặc tài sản theo quy định xác định mã địa chỉ số quốc gia.
Phiên bản	phienBanDoiTuong	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của đối tượng

h) Dữ liệu về giấy tờ tùy thân

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	giayToTuyThanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã loại giấy tờ tùy thân	loaiGiayToTuyThan	Số nguyên	Integer	1	Là loại giấy tờ tùy thân nằm trong bảng mã
Số giấy tờ	soGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là số giấy tờ tùy thân
Ngày cấp	ngayCap	Ngày tháng	Date/Integer		Là ngày cấp giấy tờ tùy thân
Nơi cấp	noiCap	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là nơi cấp giấy tờ tùy thân

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã định danh cá nhân	maDinhDanhCaNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString		Trường hợp đã xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì tự động lấy mã từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
Hình thức xác thực	hinhThucXacThuc	Số nguyên	Integer		1: là trạng thái xác thực qua giấy tờ tùy thân 2: là trạng thái đã xác thực qua VNID 3: là hình thức xác thực khác
Phiên bản	phienBanCaNhan	Số nguyên	Interger		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cá nhân

i) Dữ liệu về giấy tờ tổ chức

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	giayToToChucId	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã loại giấy tờ tổ chức	loaiGiayToToChuc	Số nguyên	Integer	1	Là loại giấy tờ tổ chức nằm trong bảng mã
Số giấy tờ	soGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là số giấy tờ tùy thân
Ngày cấp	ngayCap	Ngày tháng	Date/Integer	10	Là ngày cấp giấy tờ tùy thân
Nơi cấp	noiCap	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là nơi cấp giấy tờ tùy thân
Mã định danh doanh nghiệp	maDinhDanhDoanhNghiep	Chuỗi ký tự	CharacterString		Trường hợp đã xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì tự động lấy mã từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Hình thức xác thực	hinhThucXacThuc	Số nguyên	Integer		1: là trạng thái xác thực qua giấy tờ tùy thân 2: là trạng thái đã xác thực qua VNID 3: là hình thức xác thực khác
Phiên bản	phienBanToChuc	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của tổ chức

k) Dữ liệu về quốc tịch

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	quocTichID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã quốc gia	maQuocGia	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã quốc gia theo tiêu chuẩn ISO 3166-1
Tên quốc gia theo phiên âm Việt Nam	tenQuocGiaTV	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là tên quốc gia theo phiên âm Việt Nam
Tên quốc gia theo phiên âm quốc tế	tenQuocGiaQT	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là tên quốc gia theo phiên âm quốc tế

l) Dữ liệu về dân tộc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	danTocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên dân tộc	tenDanToc	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên dân tộc

3.1.3. Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất

a) Dữ liệu về nhà ở riêng lẻ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	nhaRiengLeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHXCxa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Số thực	Real		Là diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà ở tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân;
Diện tích sàn	dienTichSan	Số thực	Real		Đối với nhà ở một tầng thì thể hiện diện tích mặt bằng sàn xây dựng của nhà đó. Đối với nhà ở nhiều tầng thì thể hiện tổng diện tích mặt bằng sàn xây dựng của các tầng. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Số tầng	soTang	Chuỗi ký tự	CharacterString		Thể hiện tổng số tầng nhà
Số tầng hầm	soTangHam	Chuỗi ký tự	CharacterString		Thể hiện tổng số tầng hầm (nếu có)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Chiều cao	chieuCao	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn công	namHoanCong	Số nguyên	Interger		Năm hoàn công ghi trên giấy tờ (nếu có)
Kết cấu nhà ở	ketCau	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là thông tin kết cấu của nhà, thể hiện loại vật liệu xây dựng (gạch, bê tông, gỗ...), các kết cấu chủ yếu là tường, khung, sàn, mái. Ví dụ: “Tường, khung, sàn bằng bê tông cốt thép; mái ngói”
Cấp hạng	capHang	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà ở của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của nhà ở riêng lẻ
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Interger		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà riêng lẻ
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

b) Dữ liệu về hạng mục nhà riêng lẻ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	hangMucSoNhaRiengLeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thuộc nhà riêng lẻ	nhaRiengLeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại xác định hạng mục thuộc nhà riêng lẻ nào
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Diện tích	dienTichSan	Số thực	Real		Là diện tích sàn của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Số thực	Real		Là diện tích xây dựng của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Tên hạng mục nhà	tenHangMucNha	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là tên của hạng mục nhà riêng lẻ
Chiều cao	chieuCao	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy công trình (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Phiên bản	phienBanNhaRiengLe	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà riêng lẻ

c) Dữ liệu về khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	khuChungCuID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên khu	tenKhu	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là tên của khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Diện tích khu	dienTichKhu	Số thực	Real		Là diện tích khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân;
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của chung cư
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của khu nhà chung cư
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

d) Dữ liệu về nhà chung cư

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	nhaChungCuID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Thuộc khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp	khuChungCuID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Khóa ngoại liên kết tới bảng khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Tên nhà chung cư	tenChungCu	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là tên của tòa nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Số thực	Real		Là diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà chung cư tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà chung cư. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					một chữ số thập phân
Diện tích sàn	dienTichSan	Số thực	Real		Là diện tích sàn nhà chung cư. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Tổng số căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại	tongSoCan	Số nguyên	Integer		Là tổng số căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Số tầng	soTang	Số nguyên	Integer		Thể hiện tổng số tầng của tòa nhà kể cả cả tầng hầm
Số tầng hầm	soTangHam	Số nguyên	Integer		Thể hiện tổng số tầng hầm của nhà chung cư
Năm xây dựng	namXayDung	Số nguyên	Integer	4	Là năm xây dựng của chung cư
Chiều cao	chieuCao	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy của tòa nhà (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Số nguyên	Integer	4	Là năm hoàn thành của chung cư, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Cấp hạng nhà chung cư	capHang	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà chung cư của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của chung cư

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà chung cư
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

đ) Dữ liệu về căn hộ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	canHoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Thuộc nhà chung cư	nhaChungCuID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại xác định căn hộ thuộc chung cư nào
Số hiệu căn hộ	soHieuCanHo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là số hiệu căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại
Tầng số	tangSo	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là thông tin thể hiện căn hộ nằm trên tầng bao nhiêu
Chiều cao căn hộ	chieuCaoCanHo	Số thực	Real		Là thông tin thể hiện chiều cao thông thủy của căn hộ (nếu có)
Độ cao căn hộ	doCaoCanHo	Số thực	Real		Là thông tin thể hiện chiều cao tương đối của mặt sàn của tòa nhà đến mặt sàn của căn hộ (nếu có)
Diện tích sàn	dienTichSan	Số thực	Real		Là diện tích sàn của căn hộ theo hợp đồng mua bán căn hộ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của căn hộ
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

e) Dữ liệu về hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	hangMucSoHuuChungID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Thuộc nhà chung cư	nhaChungCuID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại xác định căn hộ thuộc nhà chung cư, nhà hỗn hợp nào
Tên hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ	tenHangMuc	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ. Ví dụ: “hành lang chung”; “phòng họp công cộng”; “cầu thang máy”
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích của hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Phiên bản	phienBanNhaChungCu	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà chung cư

g) Dữ liệu về công trình xây dựng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
------------------	--	--------------	--	---------------	-------

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	congTrinhXayDungID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Tên công trình	tenCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là tên của công trình xây dựng
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Số thực	Real		Là tổng diện tích mặt bằng chiếm đất của công trình xây dựng tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của công trình xây dựng. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân;
Diện tích sàn	dienTichSan	Số thực	Real		Là diện tích sàn mà chủ đầu tư giữ lại sử dụng và diện tích các hạng mục mà chủ đầu tư có quyền sử dụng chung với các chủ căn hộ. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Số tầng	soTang	Số nguyên	Integer		Thể hiện tổng số tầng của công trình xây dựng
Số tầng hầm	soTangHam	Số nguyên	Integer		Thể hiện tổng số tầng hầm của công trình xây dựng
Năm xây dựng	namXayDung	Số nguyên	Integer	4	Là năm xây dựng
Chiều cao	chieuCao	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Số nguyên	Integer	4	Là năm hoàn thành, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp hạng công trình xây dựng	capHang	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà ở của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của công trình xây dựng
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của công trình xây dựng
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

h) Dữ liệu về công trình ngầm

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	congTrinhXayDungID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Tên công trình ngầm	tenCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là tên của công trình ngầm
Loại công trình	loaiCongTrinhNgam	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là loại công trình ngầm theo quy định pháp luật về công trình ngầm
Diện tích công trình	dienTichCongTrinh	Số thực	Real		Là diện tích công trình ngầm (trừ công trình ngầm theo tuyến)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Độ sâu tối đa	doSauToiDa	Số thực	Real		Là độ sâu tối đa được tính từ mặt đất
Vị trí đầu nối công trình	viTriDauNoi	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là vị trí đầu nối công trình
Năm xây dựng	namXayDung	Số nguyên	Integer	4	Là năm xây dựng
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Số nguyên	Integer	4	Là năm hoàn thành
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của công trình ngầm
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của công trình ngầm
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

i) Dữ liệu về hạng mục của công trình xây dựng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	hangMucCongTrinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Thuộc công trình xây	congTrinhXayDungID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại thể hiện hạng mục của công trình xây dựng nào.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
dựng					
Tên hạng mục	tenHangMuc	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là tên của hạng mục công trình
Công năng	congNang	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là công năng của hạng mục
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Số thực	Real		Là tổng diện tích mặt bằng chiếm đất của công trình xây dựng tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của công trình xây dựng. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Diện tích sàn	dienTichSan	Số thực	Real		Là diện tích sàn của hạng mục công trình. Đơn vị tính là m ² , được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Số tầng	soTang	Số nguyên	Integer		Thể hiện tổng số tầng của công trình xây dựng
Số tầng hầm	soTangHam	Số nguyên	Integer		Thể hiện tổng số tầng hầm của công trình xây dựng
Chiều cao	chieuCao	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Số thực	Real		Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Kết cấu hạng mục công trình	ketCau	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Thể hiện loại vật liệu xây dựng công trình. Ví dụ: tường gạch, bê tông, khung sàn cốt thép, mái tôn.
Năm xây dựng	namXayDung	Số nguyên	Integer	4	Là năm xây dựng
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Số nguyên	Integer	4	Là năm hoàn thành, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Cấp hạng công trình	capHang	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp công trình xây dựng của pháp luật về nhà ở, pháp luật

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
xây dựng					về xây dựng
Địa chỉ chi tiết	diaChiChiTiet	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là địa chỉ chi tiết (nếu có) của hạng mục nằm trong công trình xây dựng
Phiên bản	phienBanCongTrinhXayDung	Số nguyên	Interger		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của công trình xây dựng

k) Dữ liệu về rừng sản xuất là rừng trồng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	rungTrongID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên rừng	tenRung	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là tên của rừng sản xuất là rừng trồng
Loại cây rừng chủ yếu	loaiCayRung	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là trường thông tin thể hiện các loại cây rừng được trồng chủ yếu
Diện tích có rừng	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích có rừng
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của rừng sản xuất
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Interger		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của rừng trồng
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
Ghi chú: bảng dữ liệu này không được áp dụng sau ngày 01/8/ 2024					

l) Dữ liệu về cây lâu năm

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	cayLauNamID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên cây lâu năm	tenCayLauNam	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là tên của cây lâu năm (nếu có)
Loại cây trồng	loaiCayTrong	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là trường thông tin thể hiện các loại cây lâu năm được trồng chủ yếu
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích trồng cây lâu năm
Địa chỉ	Chi tiết tại nhóm thông tin về địa chỉ				Là địa chỉ của khu vực trồng cây lâu năm
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cây lâu năm
Hiệu lực	hieuLuc	Lôgic	Boolean		Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin
<i>Ghi chú: bảng dữ liệu này không được áp dụng sau ngày 01/8/2024</i>					

3.1.4. Nhóm dữ liệu về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

a) Dữ liệu về quyền sử dụng đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	quyenSuDungID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người				
Nhóm dữ liệu về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về thửa đất				
Mục đích sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về mục đích sử dụng				
Nghĩa vụ tài chính	Chi tiết tại nhóm thông tin về nghĩa vụ tài chính				
Hạn chế quyền sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về hạn chế quyền				
Giấy chứng nhận	Chi tiết tại nhóm thông tin về giấy chứng nhận				

b) Dữ liệu về quyền quản lý đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	quyenQuanLyID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người				Là thông tin về người được giao quản lý đất
Nhóm dữ liệu về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về thửa đất				
Mục đích sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về mục đích sử dụng				

c) Dữ liệu về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	quyenSoHuuID	ID	ID		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người				
Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về tài sản gắn liền với đất				
Nghĩa vụ tài chính	Chi tiết tại nhóm thông tin về nghĩa vụ tài chính				
Hạn chế quyền sở hữu	Chi tiết tại nhóm thông tin về hạn chế quyền				
Giấy chứng nhận	Chi tiết tại nhóm thông tin về giấy chứng nhận				

d) Dữ liệu về đăng ký chung/riêng đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	dangKyChungRiengDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người				

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Nhóm dữ liệu về thửa đất hoặc đối tượng địa lý hình tuyến	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về thửa đất				
Mục đích sử dụng	Chi tiết tại nhóm thông tin về mục đích sử dụng				
Sử dụng chung	suDungChung	Lôgic	Boolean		Là sử dụng chung (chung/riêng: true/false)
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích sử dụng chung/riêng

đ) Dữ liệu về đăng ký chung/riêng tài sản gắn liền với đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	dangKyChungRiengTaiSanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nhóm dữ liệu về người	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về người				
Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất	Chi tiết tại nhóm thông tin dữ liệu về tài sản gắn liền với đất				
Sử dụng chung	suDungChung	Lôgic	Boolean		Là sử dụng chung (chung/riêng: true/false)
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích sử dụng chung/riêng

e) Dữ liệu về nghĩa vụ tài chính

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	nghiaVuTaiChinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại nghĩa vụ tài chính	loaiNghiaVuTaiChinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là loại nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất, thuế chuyển quyền, lệ phí trước bạ)
Tổng số tiền	tongSoTien	Số nguyên	Integer		Là tổng số tiền người sử dụng hoặc sở hữu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Tổng số tiền miễn giảm	tongSoTienMienGiam	Số nguyên	Integer		Là tổng số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được miễn giảm thực hiện nghĩa vụ tài chính. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Tổng số tiền nợ	tongSoTienNo	Số nguyên	Integer		Là tổng số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được miễn giảm thực hiện nghĩa vụ tài chính. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Ngày bắt đầu tính nghĩa vụ tài chính	ngayBatDau	Ngày tháng	Date		Là ngày bắt đầu tính nghĩa vụ tài chính
Đã hoàn thành nghĩa vụ tại chính	hoanThanh	Lôgic	Boolean		Là trạng thái thực hiện nghĩa vụ tài chính. Giá trị 1 là đã hoàn thành Giá trị 0 là chưa hoàn thành
Không phải nộp nghĩa vụ tài chính	khongPhaiNop	Lôgic	Boolean		Là trạng thái thực hiện nghĩa vụ tài chính. Giá trị 1 là không phải nộp Giá trị 0 là phải nộp
Miễn giảm nghĩa vụ tài chính	Chi tiết tại nhóm thông tin về miễn giảm nghĩa vụ tài chính				
Nợ nghĩa vụ tài chính	Chi tiết tại nhóm thông tin về nợ nghĩa vụ tài chính				

g) Dữ liệu về miễn giảm nghĩa vụ tài chính

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	mienGiamNghiaVuTaiChinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nghĩa vụ tài chính	nghiaVuTaiChinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết tới dữ liệu nghĩa vụ tài chính
Loại chế độ miễn giảm	loaiCheDoMienGiamID	Số nguyên	Integer		Là loại chế độ miễn giảm
Số tiền miễn giảm	soTienMienGiam	Số nguyên	Integer		Là số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được miễn giảm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo từng loại hoặc từng mục đích sử dụng. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Số văn bản miễn giảm	soQuyetDinhMienGiam	Chuỗi ký tự	CharacterString	15	Là số quyết định miễn giảm nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất.
Ngày ban hành văn bản miễn giảm	ngayRaQuyetDinhMienGiam	Ngày tháng	Date		Là ngày ra quyết định miễn giảm nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất.
Cơ quan ban hành văn bản miễn giảm	coQuanRaQuyetDinhMienGiam	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là cơ quan ban hành quyết định miễn giảm nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất.

h) Dữ liệu về nợ nghĩa vụ tài chính

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	noNghiaVuTaiChinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nghĩa vụ tài chính	nghiaVuTaiChinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết tới dữ liệu nghĩa vụ tài chính
Loại chế độ nợ nghĩa vụ tài chính	loaiCheDoMienGiamID	Số nguyên	Integer	30	Là loại chế độ nợ nghĩa vụ tài chính
Số tiền nợ	soTienNo	Số nguyên	Integer		Là số tiền người sử dụng hoặc sở hữu được nợ nghĩa vụ tài chính theo từng loại hoặc từng mục đích sử dụng. Đơn vị tính là đồng Việt Nam
Số quyết định cho phép nợ nghĩa vụ tài chính	soQuyếtDinhNo	Chuỗi ký tự	CharacterString	15	Là số quyết định cho phép nợ nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất
Ngày ra quyết định nợ nghĩa vụ tài chính	ngayRaQuyếtDinhNo	Ngày tháng	Date		Là ngày ra quyết định cho phép nợ nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất
Cơ quan ra quyết định nợ nghĩa vụ tài chính	coQuanRaQuyếtDinhNo	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là cơ quan ban hành quyết định cho phép nợ nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chỉ áp dụng thuộc tính này đối với trường hợp tiền thuê đất và tiền sử dụng đất

i) Dữ liệu về hạn chế quyền

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	hanCheID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại hạn chế	loaiHanChe	Số nguyên	Integer		Là loại hạn chế: Giá trị 1: quyền sử dụng Giá trị 2: quyền sở hữu Giá trị 3: có cả quyền sử dụng thửa đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất Giá trị 4: quyền quản lý
Diện tích hạn chế	dienTich	Số thực	Real		Là phần diện tích thửa đất hoặc diện tích tài sản gắn liền với đất bị hạn chế quyền sử dụng. Đơn vị đo là m ²
Nội dung hạn chế	noiDungHanChe	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là thông tin về hạn chế quyền. Ví dụ các trường hợp: thửa đất hoặc một phần thửa đất thuộc quy hoạch sử dụng đất mà phải thu hồi, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố nhưng chưa có quyết định thu hồi; thửa đất hoặc một phần thửa đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình; có quy định hạn chế diện tích xây dựng đối với thửa đất; không được phép giao dịch do có tranh chấp; không được giao dịch theo quyết định của Tòa án.
Hạn chế một phần	hanCheMotPhan	Lô gíc	Boolean		Giá trị 1: là hạn chế một phần thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất Giá trị 0: là hạn chế toàn bộ thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất
Số văn bản pháp lý	soVanBan	Chuỗi ký tự	CharacterString	15	Là số văn bản làm căn cứ cho hạn chế quyền

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Ngày ban hành	ngayBanHanh	Ngày tháng	Date		Là ngày ban hành văn bản
Cơ quan ban hành	coQuanBanHanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là cơ quan ban hành văn bản
Liên kết đến file quét	linkfile	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là đường dẫn đến file bản quét điện tử của văn bản làm căn cứ cho hạn chế

k) Dữ liệu về giấy chứng nhận

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	giayChungNhanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số vào sổ	soVaoSo	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
Số phát hành	soPhatHanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Mã giấy chứng nhận	MaGiayChungNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là Mã giấy chứng nhận theo quy định của Thông tư về Hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền đất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ¹⁵

¹⁵ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã vạch	maVach	Chuỗi ký tự	CharacterString	15	Là dãy số dạng MX.MN.ST trong đó: + MX là mã đơn vị hành chính cấp xã Trường hợp thẩm quyền cấp tỉnh thì ghi thêm mã đơn vị hành chính cấp tỉnh trước mã đơn vị hành chính cấp xã + MN là mã của năm cấp Giấy chứng nhận (gồm hai chữ số sau cùng của năm ký cấp Giấy chứng nhận), + ST là số thứ tự lưu trữ của hồ sơ thủ tục đăng ký đất đai tương ứng với Giấy chứng nhận được cấp lần đầu theo quy định về hồ sơ địa chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ¹⁶
Ngày cấp	ngayCap	Ngày tháng	Date		Là ngày cấp giấy chứng nhận
Liên kết đến file quét	linkfile	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là đường dẫn đến file bản quét điện tử của văn bản.
Là người đại diện theo pháp luật	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân				Là người đại diện theo pháp luật đến nhận Giấy chứng nhận
<i>Ghi chú: Trường thông tin Mã vạch được thu nhận đối với các giấy chứng nhận có in thông tin mã vạch.</i>					

l) Dữ liệu QR về Giấy chứng nhận

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	qrID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động

¹⁶ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng giấy chứng nhận	giayChungNhanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến thông tin giấy chứng nhận
Mã QR	maQR	Chuỗi ký tự	CharacterString	200	Là chuỗi ký tự gồm các thành phần trong ghi chú
Mã QR mã hóa	maHoaQR	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là chuỗi ký tự được mã hóa của Mã QR theo phương pháp mã hóa 1 chiều (hash)
Đường dẫn file QR	urlQR	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là đường dẫn địa chỉ lưu trữ nội dung phản hồi QR ví dụ: https://VPDK.SoTNMT.DaNang.gov.vn/.../[Mã QR mã hóa].pdf
Phiên bản đặc tả mã QR	phienBangDacTa	Dạng số	Integer		Là phiên bản đặc tả của QR
Mã hình QR	maHinhQR	Dạng nhị phân	Binary		Mã hình QR được khởi tạo từ trường dữ liệu đường dẫn file QR
Nội dung QR	noiDungQR	Dạng nhị phân	Binary		Là dữ liệu của nội dung QR
<i>Ghi chú: . Mã QR Là chuỗi ký tự gồm các thành phần:</i> <i>1. Thời gian khởi tạo QR:</i> Là thời điểm tạo mã hình QR (định dạng dd-mm-yyyy-hh-mm-ss) <i>2. Đơn vị khởi tạo QR (đơn vị in GCN):</i> Là mã định danh điện tử đơn vị in Giấy chứng nhận <i>3. Phần mềm in QR:</i> Là tên phần mềm tạo mã QR và in Giấy chứng nhận <i>4. Mã hồ sơ thủ tục hành chính:</i> Là mã hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định <i>5. Số seri:</i> Là số phát hành phối Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. <i>6. Mã Giấy chứng nhận:</i> Là mã Giấy chứng nhận theo quy định của Thông tư về Hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền đất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁷ <i>7. Thời gian chỉnh sửa file PDF:</i> Là thời điểm chỉnh sửa file PDF chứa nội dung QR (định dạng dd-mm-yyyy-hh-mm-ss) <i>8. Mã bảo mật:</i> Là mã bảo mật theo định dạng đã được mã hóa riêng gồm 9 ký tự.					

¹⁷ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

m) Dữ liệu về nội dung thay đổi giấy chứng nhận

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	noiDungThayDoiID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Giấy chứng nhận	giayChungNhanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết với thông tin giấy chứng nhận
Phiên bản giấy chứng nhận	phienBanGiayChungNhan	Số nguyên	Integer		Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của giấy chứng nhận
Cơ quan xác nhận	coQuanXacNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là tên cơ quan xác nhận nội dung thay đổi
Ngày xác nhận	ngayXacNhan	Ngày tháng	Date	10	Là ngày cơ quan xác nhận xác nhận thay đổi
Nội dung thay đổi	noiDungThayDoi	Chuỗi ký tự	CharacterString	300	Nội dung thay đổi của giấy chứng nhận
Trang in xác nhận	trangBoSungGiayChungNhan	Số nguyên	Integer		Là thông tin trang in xác nhận

3.1.5. Nhóm dữ liệu tình trạng pháp lý về quyền quản lý, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tinhhinhDangKyID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Ngày tiếp nhận	ngayTiepNhan	Ngày tháng	Date	10	Là ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ
Thời điểm đăng ký vào sổ địa chính	thoiDiemDangKy	Ngày tháng	Date	10	Là thời điểm đăng ký vào sổ địa chính
Số thứ tự hồ sơ	soThuTu	Số nguyên	Integer		Là số thứ tự hồ sơ theo quy định của Hồ sơ địa chính
Người ủy quyền thực hiện đăng ký	Chi tiết tại nhóm thông tin về người				Người được ủy quyền thực hiện đăng ký
Có quyền sử dụng đất	coQuyenSuDung	Lô gíc	Boolean		Giá trị 1: có quyền sử dụng đất Giá trị 0: không có quyền sử dụng đất
Có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	coQuyenSoHuu	Lô gíc	Boolean		Giá trị 1: có quyền sở hữu Giá trị 0: không có quyền sở hữu
Có quyền quản lý đất	coQuyenQuanLy	Lô gíc	Boolean		Giá trị 1: có quyền quản lý Giá trị 0: không có quyền quản lý
Các loại giấy tờ pháp lý	Chi tiết tại nhóm dữ liệu khác có liên quan tới thửa đất				Là các loại giấy tờ pháp lý làm căn cứ cấp giấy chứng nhận

3.1.6. Nhóm dữ liệu về biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất

a) Dữ liệu về giao dịch thay đổi

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	giaoDichID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Loại giao dịch biến động	loaiGiaoDichBienDong	Số nguyên	Integer		Là các loại hình biến động được quy định trong Hồ sơ địa chính
Thời điểm đăng ký biến động	thoiDiemDangKyBienDong	Ngày	Date		Là thời điểm đăng ký biến động
Nội dung biến động	noiDungBienDong	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là nội dung biến động
Người tham gia vào quá trình biến động	Chi tiết tại nhóm thông tin về người				Là người tham gia vào quá trình biến động. Ví dụ: người bảo lãnh; người được ủy quyền định đoạt tài sản; người giám hộ

Quản lý thông tin lịch sử biến động, thay đổi của dữ liệu địa chính: Nội dung biến động đất đai thông qua thực hiện thủ tục hành chính hoặc những biến động, thay đổi khác được cơ quan có thẩm quyền cho phép cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai thì phải được tổ chức, lưu trữ trong cơ sở dữ liệu như sau:

- Lưu trữ đầy đủ nội dung, cấu trúc tương tự như dữ liệu hiện thời đang được quản lý trong cơ sở dữ liệu, bao gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu phi cấu trúc, dữ liệu đặc tả (siêu dữ liệu);
- Đảm bảo tính toàn vẹn và liên kết giữa các thành phần dữ liệu, liên kết theo lịch sử hình thành của dữ liệu, hồ sơ để phục vụ trích xuất, tra cứu thông tin đầy đủ và thuận tiện theo 2 chiều (tra cứu từ bất kỳ thời điểm biến động, thay đổi nào cũng cho ra kết quả biến động, thay đổi trước thời điểm tra cứu và sau thời điểm tra cứu (nếu có)).

b) Dữ liệu về thành phần giao dịch thay đổi

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thanhPhanGiaoDichID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã giao dịch	giaoDichID				Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu giao dịch thay đổi
Loại thành phần	loaiThanhPhan	Số nguyên	Integer	1	Là loại thành phần: Giá trị 1: thửa đất Giá trị 2: người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất Giá trị 3: tài sản gắn liền với đất Giá trị 4: giấy chứng nhận
Thông tin	thongTin	Ngôn ngữ đánh dấu	xml		Là thông tin của thành phần giao dịch thay đổi
Trạng thái	trangThai	Lô gíc	Boolean	1	Giá trị 1: thông tin thành phần trước giao dịch Giá trị 0: thông tin thành phần sau giao dịch
Tệp tin giấy tờ	tepTin	Ảnh	Image		Là tệp lưu trữ điện tử
Đường dẫn tệp tin	url	Chuỗi ký tự	CharacterString	250	Là đường dẫn tới địa chỉ lưu trữ tệp tin với hệ thống lưu trữ bên ngoài cơ sở dữ liệu

3.1.7. Nhóm dữ liệu về hồ sơ địa chính

a) Sổ địa chính

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	soDiaChinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất	itemID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết với thửa đất hoặc là tài sản gắn liền với đất
Nội dung sổ địa chính	noiDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	300	Là nội dung chính của sổ địa chính
Trạng thái ký số	daKySo	Logic	Boolean	1	Là trạng thái đã ký số hay chưa của sổ địa chính
Tập tin ký số	fileKySo	Nhị phân	Binary		Là tập tin sổ địa chính đã được ký số
Người ký	nguoiKy	Chuỗi ký tự	CharacterString	100	Là thông tin họ tên của người ký số
Thời điểm ký	thoiDiemKy	Ngày tháng	Date	10	Là thời điểm ký số sổ địa chính
Mã hồ sơ lưu trữ số	hoSoDangKySoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử

b) Sổ địa chính quá trình thay đổi

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	soDiaChinhQuaTrinhThayDoiID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất	itemID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết với thửa đất hoặc là tài sản gắn liền với đất
Nội dung thay đổi	noiDungDangKyThayDoi	Chuỗi ký tự	CharacterString	300	Là nội dung đăng ký thay đổi vào sổ địa chính
Sổ địa chính	soDiaChinhID				Là khóa ngoại liên kết đất dữ liệu sổ địa chính
Thời điểm đăng ký thay đổi	thoiDiemDangKyThayDoi	Ngày tháng	Date	10	Là thời điểm đăng ký thay đổi vào sổ địa chính
Mã hồ sơ lưu trữ số	hoSoDangKySoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử

3.1.8. Nhóm dữ liệu về thông tin ngăn chặn quyền

a) Dữ liệu về ngăn chặn quyền

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	vanBanNganChanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại văn bản ngăn chặn	loaiVanBanNganChanId	Chuỗi ký tự	CharacterString	200	Là mã loại văn bản ngăn chặn, liên kết qua bảng danh mục loại văn bản ngăn chặn
Số văn bản	soVanBan	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Số văn bản ngăn chặn

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Ngày ban hành văn bản	ngayBanHanh	Ngày tháng	Date		Là ngày ban hành văn bản ngăn chặn
Ngày hết hiệu lực văn bản	ngayHetHieuLuc	Ngày tháng	Date	10	Là ngày hết hiệu lực của văn bản ngăn chặn
Cơ quan ban hành	coQuanBanHanh	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là tên cơ quan ban hành văn bản ngăn chặn
Liên kết đến file quét	linkfile	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là đường dẫn đến file bản quét điện tử của văn bản lưu trữ ở nhóm dữ liệu phi cấu trúc

b) Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thanhPhanNganChanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Văn bản ngăn chặn	vanBanNganChanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến văn bản ngăn chặn của thành phần ngăn chặn
Nội dung ngăn chặn	noiDungNganChan	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là nội dung ngăn chặn tại văn bản ngăn chặn
Giấy chứng nhận	giayChungNhanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến thông tin giấy chứng nhận ngăn chặn (Nếu có)
Thông tin thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất	doiTuongID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến thông tin thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất (Nếu có)
Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản	doiTuongSuDungDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa liên kết đến thông tin nhóm dữ liệu về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					liên với đất
Ngày bắt đầu	ngayBatDau	Ngày tháng	Date		Là thời gian bắt đầu có hiệu lực ngăn chặn
Ngày kết thúc	ngayKetThuc	Ngày tháng	Date		Là thời gian kết thúc hiệu lực ngăn chặn

c) Dữ liệu về loại văn bản ngăn chặn quyền

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	loaiVanBanNganChanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa chính
Mã loại văn bản ngăn chặn	maLoaiVanBanNganChan	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã loại văn bản ngăn chặn
Tên loại văn bản ngăn chặn	tenLoaiVanBanNganChan	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là tên loại văn bản ngăn chặn

3.2. Dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

3.2.1. Nhóm dữ liệu thuộc tính điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

a) Dữ liệu về quản lý bộ số liệu cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	boDuLieuVungCaNuocID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu
Tên bộ số liệu	tenBoSoLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên bộ số liệu điều tra thoái hóa đất; điều tra chất lượng đất, tiềm năng đất đai
Cấp điều tra	maCap	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Đơn vị cấp cả nước, cấp vùng kinh tế
Tỷ lệ bản đồ	tyLeBanDo	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là mẫu số tỷ lệ bản đồ
Đơn vị thực hiện	donViThucHien	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Đơn vị thực hiện điều tra, đánh giá đất đai
Năm thực hiện điều tra	namDieuTra	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện điều tra
Tên dự án điều tra	tenDuAn	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Tên dự án điều tra
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là Mô tả về bộ số liệu

b) Dữ liệu về phiếu điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã phiếu	MaPhieuDieuTra	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ
Loại điều tra	loaiDieuTra	Số nguyên	Integer	1	Là loại mẫu phiếu điều tra: 1: Chất lượng đất; 2: Ô nhiễm đất; 3: Thoái hóa đất.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Mã đơn vị cấp xã nơi thực hiện điều tra
Số thứ tự khoanh đất	sothutukhoanhdat	Chuỗi ký tự	CharacterString	4	Là số thứ tự khoanh đất trong bản đồ điều tra
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất điều tra, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Thời điểm thực hiện lấy mẫu	thoiDiemLayMau	Ngày, tháng	Date	10	Thời điểm thực hiện lấy mẫu điều tra
Bộ số liệu điều tra, đánh giá	boDuLieuVungCaNuocID				Là khóa ngoại liên kết với dữ liệu quản lý bộ số liệu cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước
Tọa độ lấy mẫu (X)	toaDoLayMauX	Số thực	Real		Là tọa độ lấy mẫu X theo hệ tọa độ Việt Nam VN - 2000
Tọa độ lấy mẫu (Y)	toaDoLayMauY	Số thực	Real		Là tọa độ lấy mẫu Y theo hệ tọa độ Việt Nam VN - 2000
Mô tả về lấy mẫu	moTaLaymau	Chuỗi ký tự	CharacterString	200	Mô tả về lấy mẫu

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Số lượng mẫu	soLuongMau	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Số lượng mẫu
Độ sâu lấy mẫu	doSauLayMau	Số nguyên	Interger	10	(Nếu có)
Mục đích sử dụng đất	loaiDatTheoMucDichSuDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Loại đất theo mục đích sử dụng
Điểm đặc biệt	diemDacBiet	Chuỗi ký tự	CharacterString	200	Điểm đặc biệt (có đặc biệt gì khi lấy mẫu như: ngập úng, sạt lở bờ sông, nắng nóng kéo dài, mưa dài ngày, sự cố khác...):
Đặc điểm địa hình	dacDiemDiaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	
Điều kiện lấy mẫu	dieuKienLayMau	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Điều kiện thời tiết tại khu vực lấy mẫu
Loại phễu điện	loaiPhauDien	Số nguyên	Interger	1	Là loại phễu điện: 1: Phễu điện chính 2: Phễu điện phụ 3: Phễu điện thăm dò
Khoảng cách tới khu dân cư	khoangCachKhuDanCu	Số thực	Real		Đơn vị tính là mét (m), làm tròn đến 1 số phần thập phân
Khoảng cách đến nguồn thải ô nhiễm	khoangCachONhiem	Số thực	Real		Đơn vị tính là mét (m), làm tròn đến 1 số phần thập phân
Địa hình khu vực hoặc hướng dòng chảy	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là mô tả địa hình khu vực hoặc hướng dòng chảy
Thực vật	thucVat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là mô tả thực vật
Tài liệu kèm theo	taiLieuKemTheo	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến file dữ liệu phi cấu trúc

3.2.2. Nhóm dữ liệu thuộc tính về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp tỉnh

a) Dữ liệu về quản lý bộ số liệu cấp tỉnh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	boDuLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ
Tên bộ số liệu	tenBoSoLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là Tên bộ số liệu Điều tra thoái hóa đất; điều tra chất lượng đất, tiềm năng đất đai
Cấp điều tra	maCap	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Đơn vị cấp tỉnh
Tỷ lệ bản đồ	tyLeBanDo	Số nguyên	Integer	10	Là mẫu số tỷ lệ bản đồ
Đơn vị thực hiện	donViThucHien	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Đơn vị thực hiện điều tra, đánh giá đất đai
Năm thực hiện điều tra	namDieuTra	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện điều tra
Tên dự án điều tra	tenDuAn	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Tên dự án điều tra
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là mô tả về bộ số liệu

b) Dữ liệu về phiếu điều tra, đánh giá đất đai cấp tỉnh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã phiếu	MaPhieuDieuTra	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu
Loại điều tra	loaiDieuTra	Số nguyên	Integer	1	Là loại mẫu phiếu điều tra: 1: Chất lượng đất;

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					2: Ô nhiễm đất; 3: Thoái hóa đất.
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Mã đơn vị cấp xã nơi thực hiện điều tra
Số thứ tự khoanh đất	sothutukhoanhdat	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là số thứ tự khoanh đất trong bản đồ điều tra
Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất điều tra
Thời điểm thực hiện lấy mẫu	thoiDiemLayMau	Ngày, tháng	Date	10	Thời điểm thực hiện lấy mẫu điều tra
Bộ số liệu điều tra, đánh giá	boDuLieuTinhID				Là khóa ngoại liên kết với dữ liệu quản lý bộ số liệu cấp tỉnh
Tọa độ lấy mẫu (X)	toaDoLayMauX	Số thực	Real		Là tọa độ lấy mẫu X theo hệ tọa độ Việt Nam VN - 2000
Tọa độ lấy mẫu (Y)	toaDoLayMauY	Số thực	Real		Là tọa độ lấy mẫu Y theo hệ tọa độ Việt Nam VN - 2000
Mô tả về lấy mẫu	moTaLaymau	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Mô tả về lấy mẫu
Số lượng mẫu	soluongmau	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Số lượng mẫu
Độ sâu lấy mẫu	dosaulaymau	Số nguyên	Interger		(Nếu có)
Mục đích sử dụng đất	loaiDatTheoMucDichSuDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Loại đất theo mục đích sử dụng
Điểm đặc biệt	diemDacBiet	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Điểm đặc biệt (có đặc biệt gì khi lấy mẫu như: ngập úng, sạt lở bờ sông, nắng nóng kéo dài, mưa dài ngày, sự cố khác...):
Đặc điểm địa hình	dacDiemDiaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Đặc điểm địa hình
Điều kiện lấy mẫu	dieuKienLayMau	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Điều kiện thời tiết tại khu vực lấy mẫu
Loại phẫu diện	loaiPhauDien	Số nguyên	Interger	1	Là loại phẫu diện: 1: Phẫu diện chính

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					2: Phẫu diện phụ 3: Phẫu diện thăm dò
Khoảng cách tới khu dân cư	khoangCachKhuDanCu	Số thực	Real		Đơn vị tính là mét (m), làm tròn đến 1 số phân thập phân
Khoảng cách đến nguồn thải ô nhiễm	khoangCachONhiem	Số thực	Real		Đơn vị tính là mét (m), làm tròn đến 1 số phân thập phân
Địa hình khu vực hoặc hướng dòng chảy	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là mô tả địa hình khu vực hoặc hướng dòng chảy
Thực vật	thucVat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là mô tả thực vật
Tài liệu kèm theo	taiLieuKemTheo	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến file dữ liệu phi cấu trúc

3.3. Dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

3.3.1. Nhóm dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia

a) Dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất quốc gia

Tên bảng dữ liệu: `ThongTinQuyHoachSDD_QG`

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ttQuyHoachQGID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm thành lập	namThanhLap	Số nguyên	Integer		Là năm thành lập bản đồ
Tỷ lệ bản đồ	tyLeBanDo	Số nguyên	Integer	10	Là mẫu số tỷ lệ của bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chỉ áp dụng thuộc tính này trong

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					trường hợp xây dựng dữ liệu quy hoạch từ nguồn bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã thành lập trước đây
Nguồn thành lập	nguồnThanhLap	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là nguồn tài liệu dùng để thành lập bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Cơ quan duyệt	coQuanDuyet	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Cơ quan lập	coQuanLap	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan thành lập bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Đơn vị tư vấn	donViTuVan	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên đơn vị tư vấn bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Ngày phê duyệt	ngayPheDuyet	Ngày tháng	Date	10	Là ngày phê duyệt bản đồ quy hoạch sử dụng cấp tỉnh
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

b) Dữ liệu về công trình quy hoạch sử dụng đất quốc gia

Tên bảng dữ liệu: CongTrinhQuyHoach_QG

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	CongTrinhKeHoachQGID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Tên công trình dự án	tenCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên công trình, dự án
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích của công trình, dự án
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Số nguyên	Integer	3	Là mục đích sử dụng theo kế hoạch nằm trong danh mục bảng mã
Năm lập kế hoạch	namKeHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch
Năm thực hiện	namThucHien	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện theo kế hoạch
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú công trình dự án

3.3.2. Nhóm dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

a) Dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Tên bảng dữ liệu: ThongTinQuyHoachSDD_Tinh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ttQuyHoachSDDTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					Nam
Năm thành lập	namThanhLap	Số nguyên	Integer		Là năm thành lập bản đồ
Tỷ lệ bản đồ	tyLeBanDo	Số nguyên	Integer	10	Là mẫu số tỷ lệ của bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chỉ áp dụng thuộc tính này trong trường hợp xây dựng dữ liệu quy hoạch từ nguồn bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã thành lập trước đây
Nguồn thành lập	nguồnThanhLap	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là nguồn tài liệu dùng để thành lập bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Cơ quan duyệt	coQuanDuyet	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Cơ quan lập	coQuanLap	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan thành lập bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Đơn vị tư vấn	donViTuVan	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên đơn vị tư vấn bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh
Ngày phê duyệt	ngayPheDuyet	Ngày tháng	Date	10	Là ngày phê duyệt bản đồ quy hoạch sử dụng cấp tỉnh
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

b) Dữ liệu về kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Tên bảng dữ liệu: TTKeHoachSDD_Tinh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ttKeHoachSDDTinhID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Năm thành lập	namThanhLap	Số nguyên	Integer	4	Là năm thành lập bản đồ
Tỷ lệ bản đồ	tyLeBanDo	Số nguyên	Integer	10	Là mẫu số tỷ lệ của bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chỉ áp dụng thuộc tính này trong trường hợp xây dựng dữ liệu quy hoạch từ nguồn bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã thành lập trước đây
Nguồn thành lập	nguồnThanhLap	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là nguồn tài liệu dùng để thành lập bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Cơ quan duyệt	coQuanDuyet	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Cơ quan lập	coQuanLap	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan thành lập bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Đơn vị tư vấn	donViTuVan	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên đơn vị tư vấn bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh
Ngày phê duyệt	ngayPheDuyet	Ngày tháng	Date	10	Là ngày phê duyệt bản đồ quy hoạch sử dụng cấp tỉnh
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

c) Dữ liệu về công trình quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Tên bảng dữ liệu: CongTrinhQHKH_Tinh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	CongTrinhKehoachTinhID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Tên công trình dự án	tenCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên công trình, dự án
Loại công trình	loaiCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại công trình quy hoạch hoặc kế hoạch
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích của công trình, dự án
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	mucDichSuDungQH	Số nguyên	Integer	3	Là mục đích sử dụng theo quy hoạch nằm trong danh mục bảng mã
Mục đích, diện tích chuyển mục đích sử dụng	mucDichSuDungChuyenMDSD	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mục đích kèm diện tích cần chuyển mục đích sử dụng ví dụ LUC(500)+CLN(1000)
Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	mucDichChuyenDoi	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp
Năm lập kế hoạch	namKeHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm thực hiện	namThucHien	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện theo kế hoạch
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú công trình dự án cấp tỉnh
Liên kết không gian vùng quy hoạch					Liên kết đến không gian vùng quy hoạch
Liên kết không gian điểm quy hoạch					Liên kết đến không gian vùng quy hoạch
Liên kết không gian vùng kế hoạch					Liên kết đến không gian vùng quy hoạch
Liên kết không gian điểm kế hoạch					Liên kết đến không gian vùng quy hoạch

3.3.3. Nhóm dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

a) Dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

Tên bảng dữ liệu: TTQuyHoachSDD_Huyen

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ttQuyHoachSDDHuyen ID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Năm thành lập	namThanhLap	Số nguyên	Integer	4	Là năm thành lập bản đồ
Tỷ lệ bản đồ	tyLeBanDo	Số nguyên	Integer	10	Là mẫu số tỷ lệ của bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chỉ áp dụng thuộc tính này trong trường hợp xây dựng dữ liệu quy hoạch từ nguồn bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã thành lập trước đây
Nguồn thành lập	nguồnThanhLap	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là nguồn tài liệu dùng để thành lập bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Cơ quan duyệt	coQuanDuyet	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Cơ quan lập	coQuanLap	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan thành lập bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Đơn vị tư vấn	donViTuVan	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên đơn vị tư vấn bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh
Ngày phê duyệt	ngayPheDuyet	Ngày tháng	Date	10	Là ngày phê duyệt bản đồ quy hoạch sử dụng cấp tỉnh
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

b) Dữ liệu về kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

Tên bảng dữ liệu: TTKeHoachSDD_Huyen

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ttKeHoachSDDHuyenID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Năm thành lập	namThanhLap	Số nguyên	Integer	4	Là năm thành lập bản đồ
Tỷ lệ bản đồ	tyLeBanDo	Số nguyên	Integer	10	Là mẫu số tỷ lệ của bản đồ kế hoạch sử dụng đất. Chỉ áp dụng thuộc tính này trong trường hợp xây dựng dữ liệu kế hoạch từ nguồn bản đồ kế hoạch sử dụng đất đã thành lập trước đây
Nguồn thành lập	nguồnThanhLap	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là nguồn tài liệu dùng để thành lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất.
Cơ quan duyệt	coQuanDuyet	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bản đồ kế hoạch sử dụng đất
Cơ quan lập	coQuanLap	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan thành lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất
Đơn vị tư vấn	donViTuVan	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên đơn vị tư vấn bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh
Ngày phê duyệt	ngayPheDuyet	Ngày tháng	Date	10	Là ngày phê duyệt bản đồ kế hoạch sử dụng cấp tỉnh
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

c) Dữ liệu về công trình quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

Tên bảng dữ liệu: CongTrinhQHKH_Huyen

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	CongTrinhKeHoachHuyenID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Tên công trình dự án	tenCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên công trình, dự án
Loại công trình	loaiCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là loại công trình quy hoạch hoặc kế hoạch
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích của công trình, dự án
Diện tích tăng thêm	dienTichTangThem	Số thực	Real		Là diện tích của công trình được xác định tăng thêm
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Số nguyên	Integer	3	Là mục đích sử dụng theo kế hoạch nằm trong danh mục bảng mã
Mục đích, diện tích chuyển mục đích sử dụng	mucDichSuDungChuyenMDSD	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là mục đích kèm diện tích cần chuyển mục đích sử dụng ví dụ LUC(500)+CLN(1000)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm lập kế hoạch	namKeHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch
Năm thực hiện	namThucHien	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện theo kế hoạch
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú công trình dự án cấp huyện
Liên kết không gian vùng quy hoạch					Liên kết đến không gian vùng quy hoạch
Liên kết không gian điểm quy hoạch					Liên kết đến không gian vùng quy hoạch
Liên kết không gian vùng kế hoạch					Liên kết đến không gian vùng quy hoạch
Liên kết không gian điểm kế hoạch					Liên kết đến không gian vùng quy hoạch

3.3.4. ¹⁸Nhóm dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã

a) Dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất cấp xã

Tên bảng dữ liệu: TTQuyHoachSDD_Xa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		

¹⁸ Bảng này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ttQuyHoachSDDXaID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Năm thành lập	namThanhLap	Số nguyên	Integer	4	Là năm thành lập bản đồ
Tỷ lệ bản đồ	tyLeBanDo	Số nguyên	Integer	10	Là mẫu số tỷ lệ của bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chỉ áp dụng thuộc tính này trong trường hợp xây dựng dữ liệu quy hoạch từ nguồn bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã thành lập trước đây
Nguồn thành lập	nguồnThanhLap	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là nguồn tài liệu dùng để thành lập bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Cơ quan duyệt	coQuanDuyet	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Cơ quan lập	coQuanLap	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan thành lập bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Đơn vị tư vấn	donViTuVan	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên đơn vị tư vấn bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh
Ngày phê duyệt	ngayPheDuyet	Ngày tháng	Date	10	Là ngày phê duyệt bản đồ quy hoạch sử dụng cấp tỉnh
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

a) Dữ liệu về kế hoạch sử dụng đất cấp xã

Tên bảng dữ liệu: TTKeHoachSDD_Xa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ttKeHoachSDDXaID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Năm thành lập	namThanhLap	Số nguyên	Integer	4	Là năm thành lập bản đồ
Tỷ lệ bản đồ	tyLeBanDo	Số nguyên	Integer	10	Là mẫu số tỷ lệ của bản đồ kế hoạch sử dụng đất. Chỉ áp dụng thuộc tính này trong trường hợp xây dựng dữ liệu kế hoạch từ nguồn bản đồ kế hoạch sử dụng đất đã thành lập trước đây
Nguồn thành lập	nguồnThanhLap	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là nguồn tài liệu dùng để thành lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất.
Cơ quan duyệt	coQuanDuyet	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bản đồ kế hoạch sử dụng đất
Cơ quan lập	coQuanLap	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên cơ quan thành lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất
Đơn vị tư vấn	donViTuVan	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên đơn vị tư vấn bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh
Ngày phê duyệt	ngayPheDuyet	Ngày tháng	Date	10	Là ngày phê duyệt bản đồ kế hoạch sử dụng cấp tỉnh
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

b) Dữ liệu về công trình quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã

Tên bảng dữ liệu: CongTrinhQHKH_Xa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	CongTrinhKeHoachXaID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Tên công trình dự án	tenCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên công trình, dự án
Loại công trình	loaiCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là loại công trình quy hoạch hoặc kế hoạch
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Là diện tích của công trình, dự án
Diện tích tăng thêm	dienTichTangThem	Số thực	Real		Là diện tích của công trình được xác định tăng thêm
Mã mục đích sử dụng theo kế hoạch	mucDichSuDungKH	Số nguyên	Integer	3	Là mục đích sử dụng theo kế hoạch nằm trong danh mục bảng mã
Mục đích, diện tích chuyển mục đích sử dụng	mucDichSuDungChuyenMDSD	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là mục đích kèm diện tích cần chuyển mục đích sử dụng ví dụ LUC(500)+CLN(1000)
Năm lập kế hoạch	namKeHoach	Số nguyên	Integer	4	Là năm lập kế hoạch
Năm thực hiện	namThucHien	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện theo kế hoạch

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú công trình dự án cấp xã
Liên kết không gian vùng quy hoạch	vungQuyHoachXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến không gian vùng quy hoạch
Liên kết không gian điểm quy hoạch	diemQuyHoach_XaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến không gian vùng quy hoạch
Liên kết không gian vùng kế hoạch	vungKeHoachCapXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến không gian vùng quy hoạch
Liên kết không gian điểm kế hoạch	diemKeHoachCapXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến không gian vùng quy hoạch

3.4. Dữ liệu thuộc tính giá đất

3.4.1. Dữ liệu về quyết định giá đất

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	quyetDinhGiaDatID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại Văn bản	loaiVanBan	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là một trong các loại văn bản: Quyết định hệ số điều chỉnh giá; giá cụ thể xác định khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất; tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; hợp đồng chuyển

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					nhượng; phiếu điều tra khảo sát giá đất
Số Văn bản	soVanBanGiaDat	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là số văn bản phê duyệt giá đất
Ngày ban hành	ngayBanHanh	Ngày tháng	Date	10	Là ngày ban hành văn bản (dd-mm-yyyy)
Ngày hiệu lực	ngayHieuLuc	Ngày tháng	Date	10	Là ngày văn bản pháp lý có hiệu lực (dd-mm-yyyy)
Thời điểm	thoiDiem	Ngày tháng	Date	10	Là thời điểm xác định giá đất cụ thể; chuyển nhượng; trúng đấu giá; điều tra khảo sát; ban hành quyết định (dd-mm-yyyy)
Mục đích định giá	mucDichDinhGia	Chuỗi kí tự	CharacterString		Liên kết với bảng danh mục “Danh mục về mục đích định giá”
Đơn vị cung cấp	donViCungCap	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là đơn vị, cơ quan cung cấp thông tin, văn bản xác định giá
Nội dung quyết định giá đất	Chi tiết tại Nhóm lớp thông tin phi cấu trúc về tài liệu giá đất				

3.4.2. Dữ liệu về bảng giá đất

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	bangGiaDatID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Số Quyết định	soQuyếtDinhBGD	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là số Quyết định ban hành bảng giá đất
Ngày ban hành	ngayBanHanh	Ngày tháng	Date	10	Là ngày văn bản pháp lý ban hành. (dd-mm-yyyy)

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Ngày hiệu lực	ngayHieuLuc	Ngày tháng	Date	10	Là ngày văn bản pháp lý có hiệu lực. (dd-mm-yyyy)
Nội dung bảng giá đất	Chi tiết tại Nhóm lớp thông tin phi cấu trúc về tài liệu giá đất				

3.4.3. Dữ liệu về giá thửa đất

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	giaThuaDatID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Thửa đất	thuaDatID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với thửa đất
Quyết định giá đất	quyetDinhGiaDatID	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là khóa ngoại iên kết với bảng <i>Dữ liệu về quyết định giá đất</i>
Loại giá đất	loaiGiaDat	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là một trong các trường hợp: giá cụ thể; giá đất trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; giá đất trúng đấu giá; giá đất thu thập thông qua điều tra khảo sát
Giá đất	giaDat	Số nguyên	integer		Là giá đất được xác định trong các trường hợp: giá cụ thể; giá đất trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; giá đất trúng đấu giá; giá đất thu thập thông qua điều tra khảo sát. (đơn vị tính là đồng)

3.4.4. Dữ liệu về thửa đất chuẩn

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thuocTinhThuaChuanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Thông tin thửa đất	thuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với lớp thửa đất
Mã thửa đất chuẩn không gian	thuaDatChuanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với thửa đất chuẩn ở nhóm lớp dữ liệu không gian giá đất
Giá thửa đất	giaTriThua	Số nguyên	Integer		Là giá đất thửa đất (đơn vị tính là đồng)
Thời điểm định giá	thoiDiemDinhGia	Ngày, tháng	Date	10	Thời điểm định giá (dd-mm-yyyy)
Kích thước mặt tiền	kichThuocMatTien	Số thực	Real		Là kích thước mặt tiền của thửa đất
Chiều sâu thửa đất	chieuSauThua	Số thực	Real		Là chiều sâu của thửa đất
Hình thể thửa đất	hinhTheThua	Số nguyên	Integer	1	1:hình chữ nhật 2:hình bình hành 3:hình vuông 4:hình thang xuôi 5:hình thang ngược 6:hình đa giác 7:hình chữ L 8:hình khác
Khoảng cách đến thửa đất chuẩn	kcDenThuaChuan	Số thực	Real		Là khoảng cách đến thửa đất chuẩn

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Khoảng cách gần nhất đến trung tâm hành chính	kcDenTrungTamHanhChinh	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến trung tâm hành chính
Khoảng cách gần nhất đến cơ sở giáo dục	kcDenCoSoGiaoDuc	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến cơ sở giáo dục
Khoảng cách gần nhất đến cơ sở y tế	kcDenCoSoYTE	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến cơ sở y tế
Khoảng cách gần nhất đến trung tâm thương mại, chợ	kcDenTrungTamThuongMai	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến trung tâm thương mại, chợ
Khoảng cách gần nhất đến cơ sở thể dục thể thao	kcDenCoSoTheDucTheThao	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến cơ sở thể dục thể thao
Khoảng cách gần nhất đến công viên, khu vui chơi giải trí	kcDenCongVienKhuVuiChoi	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến công viên, khu vui chơi giải trí
Khoảng cách gần nhất đến nơi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	kcDenNoiTieuThu	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến nơi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm
Tiếp giáp với mặt đường	soMatDuongTiepGiap	Số nguyên	Integer	1	là số mặt đường tiếp giáp với thửa đất
Điều kiện cấp thoát nước	dieuKienCapThoatNuoc	Số nguyên	Integer	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Điều kiện về cấp điện	dieuKienCapDien	Số nguyên	Integer	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Điều kiện về thủy lợi	dieuKienThuyLoi	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Điều kiện về cơ sở giáo dục	dieuKienCoSoGiaoDuuc	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Điều kiện về cơ sở y tế	dieuKienCoSoYTe	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Hạ tầng giao thông công cộng	haTangGiaoThong	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Hạ tầng không gian	haTangKhongGian	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về hạ tầng không gian
Dịch vụ vật tư, kỹ thuật nông nghiệp	dichVuVatTuKyThuatNN	Số nguyên	Interger	1	2:Thuận lợi 1:Trung bình 0:Kém
Dịch vụ tài chính, tín dụng	dichVuTaiChinh	Số nguyên	Interger	1	2:Thuận lợi 1:Trung bình 0:Kém
Dịch vụ thông tin liên lạc	dichVuThongTinLienLac	Số nguyên	Interger	1	2:Thuận lợi 1:Trung bình 0:Kém
Dịch vụ Thương mại	dichVuThuongMai	Số nguyên	Interger	1	2:Thuận lợi 1:Trung bình 0:Kém
Hạ tầng văn hóa, thể thao	haTangVanHoaTheThao	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin Hạ tầng văn hóa, thể thao
Hạ tầng môi trường	haTangMoiTruong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin Hạ tầng môi trường
truyền thống văn hóa, phong tục	vanHoaPhongTuc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin truyền thống văn hóa, phong tục tập quán

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
tập quán					
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin Địa hình
Năng suất cây trồng, vật nuôi	nangSuatCayTrongVatNuoi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin Năng suất cây trồng, vật nuôi
Mật độ xây dựng	matDoXayDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin mật độ xây dựng
Hệ số sử dụng đất	heSoSuDungDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin hệ số sử dụng đất
Chỉ giới xây dựng	chGoiXayDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin chỉ giới xây dựng
Giới hạn về chiều cao công trình xây dựng	gioiHanChieuCaoCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin giới hạn về chiều cao công trình xây dựng
Giới hạn số tầng hầm được xây dựng	gioiHanSoTangHam	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin giới hạn số tầng hầm được xây dựng
Đặc tính khác	dacTinhKhac	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin đặc tính khác ảnh hưởng đến giá đất

3.4.5. Dữ liệu về thửa đất cụ thể

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thuocTinhThuaDatCuTheID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hành bằng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Thông tin thửa đất	thuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với lớp thửa đất
Mã thửa đất chuẩn không gian	thuaDatChuanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với thửa đất chuẩn ở nhóm lớp dữ liệu không gian giá đất
Mã thửa đất cụ thể	thuaDatDinhGiaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với thửa đất cụ thể (được định giá theo phương pháp thửa đất chuẩn, vùng giá trị) ở nhóm lớp dữ liệu không gian giá đất
Giá thửa đất	giaTriThua	Số nguyên	Interger		Là giá đất thửa đất (đơn vị tính là đồng)
Tỷ lệ so sánh	tyLeSoSanh	Số thực	Real		Là tỷ lệ phần trăm giá so sánh giữa thửa đất được định giá với giá thửa đất chuẩn
Thời điểm định giá	thoiDiemDinhGia	Ngày tháng	Date	10	Là thời điểm định giá (dd-mm-yyyy)
Kích thước mặt tiền	kichThuocMatTien	Số thực	Real		Là kích thước mặt tiền của thửa đất
Chiều sâu thửa đất	chieuSauThua	Số thực	Real		Là chiều sâu của thửa đất
Hình thể thửa đất	hinhTheThua	Số nguyên	Interger	1	1:hình chữ nhật 2:hình bình hành 3:hình vuông 4:hình thang xuôi 5:hình thang ngược 6:hình đa giác 7:hình chữ L 8:hình khác

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Khoảng cách đến thửa đất chuẩn	kcDenThuaChuan	Số thực	Real		Là khoảng cách đến thửa đất chuẩn
Khoảng cách gần nhất đến trung tâm hành chính	kcDenTrungTamHanhChinh	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến trung tâm hành chính
Khoảng cách gần nhất đến cơ sở giáo dục	kcDenCoSoGiaoDuc	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến cơ sở giáo dục
Khoảng cách gần nhất đến cơ sở y tế	kcDenCoSoYTe	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến cơ sở y tế
Khoảng cách gần nhất đến trung tâm thương mại, chợ	kcDenTrungTamThuongMai	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến trung tâm thương mại, chợ
Khoảng cách gần nhất đến cơ sở thể dục thể thao	kcDenCoSoTheDucTheThao	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến cơ sở thể dục thể thao
Khoảng cách gần nhất đến công viên, khu vui chơi giải trí	kcDenCongVienKhuVuiChoi	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến công viên, khu vui chơi giải trí
Khoảng cách gần nhất đến nơi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	kcDenNoiTieuThu	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến nơi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm
Tiếp giáp với mặt đường	soMatDuongTiepGiap	Số nguyên	Integer		là số mặt đường tiếp giáp với thửa đất
Điều kiện cấp thoát nước	dieuKienCapThoatNuoc	Số nguyên	Integer	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Điều kiện về cấp điện	dieuKienCapDien	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Điều kiện về thủy lợi	dieuKienThuyLoi	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Điều kiện về cơ sở giáo dục	dieuKienCoSoGiaoDuuc	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Điều kiện về cơ sở y tế	dieuKienCoSoYTe	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Hạ tầng giao thông công cộng	haTangGiaoThong	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Hạ tầng không gian	haTangKhongGian	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là thông tin về hạ tầng không gian
Dịch vụ vật tư, kỹ thuật nông nghiệp	dichVuVatTuKyThuatNN	Số nguyên	Interger	1	2:Thuận lợi 1:Trung bình 0:Kém
Dịch vụ tài chính, tín dụng	dichVuTaiChinh	Số nguyên	Interger	1	2:Thuận lợi 1:Trung bình 0:Kém
Dịch vụ thông tin liên lạc	dichVuThongTinLienLac	Số nguyên	Interger	1	2:Thuận lợi 1:Trung bình 0:Kém
Dịch vụ Thương mại	dichVuThuongMai	Số nguyên	Interger	1	2:Thuận lợi 1:Trung bình 0:Kém
Hạ tầng văn hóa, thể thao	haTangVanHoaTheThao	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin Hạ tầng văn hóa, thể thao

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Hạ tầng môi trường	haTangMoiTruong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin Hạ tầng môi trường
truyền thống văn hóa, phong tục tập quán	vanHoaPhongTuc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin truyền thống văn hóa, phong tục tập quán
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin Địa hình
Năng suất cây trồng, vật nuôi	nangSuatCayTrongVatNuoi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin Năng suất cây trồng, vật nuôi
Mật độ xây dựng	matDoXayDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin mật độ xây dựng
Hệ số sử dụng đất	heSoSuDungDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin hệ số sử dụng đất
Chỉ giới xây dựng	chGoiXayDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin chỉ giới xây dựng
Giới hạn về chiều cao công trình xây dựng	gioiHanChieuCaoCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin giới hạn về chiều cao công trình xây dựng
Giới hạn số tầng hầm được xây dựng	gioiHanSoTangHam	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin giới hạn số tầng hầm được xây dựng
Đặc tính khác	dacTinhKhac	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin đặc tính khác ảnh hưởng đến giá đất

3.5. Dữ liệu thuộc tính thông kê, kiểm kê đất đai

3.5.1. Nhóm Dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cả nước, vùng kinh tế - xã hội

a) Dữ liệu về quản lý bộ số liệu cả nước, vùng kinh tế - xã hội

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	boSoLieuCNID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu
Tên bộ số liệu	tenBoSoLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là tên bộ số liệu thống kê, kiểm kê đất đai
Mã vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Đơn vị cấp vùng kinh tế- xã hội, cả nước
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh			2	Là mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Mã bộ số liệu	maBoSoLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là mã định dạng bộ số liệu
Năm thực hiện	namDieuTra	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện thống kê, kiểm kê
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là Mô tả về bộ số liệu

b) Dữ liệu về thông tin thống kê, kiểm kê cả nước, vùng kinh tế - xã hội

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Đơn vị cấp vùng kinh tế- xã hội, cả nước
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh			2	Là mã đơn vị hành chính cấp tỉnh
Năm thực hiện	namThucHien	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện
Bộ số liệu thống kê, kiểm kê	boSoLieuCNID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp vùng, cả nước
Thành phần dữ liệu	thanhPhanDuLieu	Chuỗi kí tự	CharacterString		Là thành phần liệu : 1: Bản đồ hiện trạng tỉnh 2: Báo cáo kết quả hiện trạng 3: Bản đồ kết quả kiểm kê 4: Các tài liệu khác
Loại dữ liệu	loaiDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là loại dữ liệu kiểm kê hoặc thống kê
Mô tả dữ liệu	moTaDuLieu	Chuỗi kí tự	CharacterString	200	Mô tả về dữ liệu
Liên kết file	linkfile	Chuỗi kí tự	CharacterString		Liên kết đến file phi cấu trúc

c) Dữ liệu về số liệu thống kê, kiểm kê cả nước, vùng kinh tế - xã hội

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					hình dữ liệu quan hệ
Loại dữ liệu	loaiDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là loại dữ liệu kiểm kê hoặc thống kê
Mã đối tượng sử dụng	maDoiTuongSuDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã đối tượng sử dụng
Mã loại đất hiện trạng	maLoaiDatHienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Mã loại đất hiện trạng
Năm thực hiện thống kê, kiểm kê	namThucHien	Số nguyên	Integer	4	Năm thực hiện thống kê, kiểm kê
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Bộ số liệu thống kê, kiểm kê	boSoLieuCNID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp vùng, cả nước
Khu vực tổng hợp	maKVTH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là khu vực tổng hợp
Đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Liên kết không gian					Liên kết đến dữ liệu không gian

3.5.2. Nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp tỉnh

a) Dữ liệu về quản lý bộ số liệu cấp tỉnh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	boSoLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu
Tên bộ số liệu	tenBoSoLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là tên bộ số liệu thống kê, kiểm kê đất đai
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Mã bộ số liệu	maBoSoLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là mã định dạng bộ số liệu
Năm thực hiện	namDieuTra	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện thống kê, kiểm kê
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là Mô tả về bộ số liệu

b) Dữ liệu về thông tin thống kê, kiểm kê cấp tỉnh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Năm thực hiện	namThucHien	Số nguyên	Integer		Là năm thực hiện
Thành phần dữ liệu	thanhPhanDuLieu	Số nguyên	Integer	1	Là thành phần liệu : 1: Bản đồ hiện trạng tỉnh 2: Báo cáo kết quả hiện trạng 3: Bản đồ kết quả kiểm kê 4: Các tài liệu khác
Bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp tỉnh	boSoLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp tỉnh
Loại dữ liệu	loaiDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là loại dữ liệu kiểm kê hoặc thống kê
Mô tả dữ liệu	moTaDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Mô tả về dữ liệu
Liên kết file	linkfile	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến file phi cấu trúc

c) Dữ liệu về số liệu thống kê, kiểm kê cấp tỉnh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					mô hình dữ liệu quan hệ
Loại dữ liệu	loaiDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là loại dữ liệu kiểm kê hoặc thống kê
Mã đối tượng sử dụng	maDoiTuongSuDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã đối tượng sử dụng
Mã loại đất hiện trạng	maLoaiDatHienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Mã loại đất hiện trạng
Năm thực hiện thống kê, kiểm kê	namThucHien	Số nguyên	Integer	4	Năm thực hiện thống kê, kiểm kê
Bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp tỉnh	boSoLieuTinhID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp tỉnh
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Diện tích, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha
Khu vực tổng hợp	maKVTH	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khu vực tổng hợp
Đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Liên kết không gian					Liên kết đến dữ liệu không gian

3.5.3. Nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp huyện

a) Dữ liệu về quản lý bộ số liệu cấp huyện

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	boSoLieuHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu
Tên bộ số liệu	tenBoSoLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là Tên bộ số liệu thống kê, kiểm kê đất đai
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Mã bộ số liệu	maBoSoLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là mã định dạng bộ số liệu
Năm thực hiện	namDieuTra	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện thống kê, kiểm kê
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là Mô tả về bộ số liệu

b) Dữ liệu về tài liệu thống kê, kiểm kê cấp huyện

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHC	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Năm thực hiện	namThucHien	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện
Thành phần dữ liệu	thanhPhanDuLieu	Chuỗi kí tự	CharacterString	1	Là thành phần liệu : 1: Bản đồ hiện trạng tỉnh 2: Báo cáo kết quả hiện trạng 3: Bản đồ kết quả kiểm kê 4: Các tài liệu khác
Bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp huyện	boSoLieuHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là khóa ngoại liên kết với bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp huyện
Loại dữ liệu	loaiDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là loại dữ liệu kiểm kê hoặc thống kê
Mô tả dữ liệu	moTaDuLieu	Chuỗi kí tự	CharacterString	200	Mô tả về dữ liệu
Liên kết file	linkfile	Chuỗi kí tự	CharacterString		Liên kết đến file phi cấu trúc

c) Dữ liệu về số liệu thống kê, kiểm kê cấp huyện

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại dữ liệu	loaiDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là loại dữ liệu kiểm kê hoặc thống kê
Mã đối tượng sử	maDoiTuongSuDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã đối tượng sử dụng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
dụng					
Mã loại đất hiện trang	maLoaiDatHienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Mã loại đất hiện trang
Năm thực hiện thống kê, kiểm kê	namThucHien	Số nguyên	Integer	4	Năm thực hiện thống kê, kiểm kê
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Diện tích
Bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp huyện	boSoLieuHuyenID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp huyện
Khu vực tổng hợp	maKVTH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là khu vực tổng hợp
Đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Liên kết không gian					Liên kết đến dữ liệu không gian

3.5.4. Nhóm dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã

a) Dữ liệu về quản lý bộ số liệu cấp xã

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	boSoLieuXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					mô hình dữ liệu
Tên bộ số liệu	tenBoSoLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là Tên bộ số liệu thống kê, kiểm kê đất đai
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHcXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Mã bộ số liệu	maBoSoLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là mã định dạng bộ số liệu
Năm thực hiện	namDieuTra	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện thống kê, kiểm kê
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là Mô tả về bộ số liệu

b) Dữ liệu về tài liệu thống kê, kiểm kê cấp xã

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHcXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm thực hiện	namThucHien	Số nguyên	Integer	4	Là năm thực hiện
Thành phần dữ liệu	thanhPhanDuLieu	Số nguyên	Integer	1	Là thành phần liệu : 1: Bản đồ hiện trạng tỉnh 2: Báo cáo kết quả hiện trạng 3: Bản đồ kết quả kiểm kê 4: Các tài liệu khác
Bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp xã	boSoLieuXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp xã
Loại dữ liệu	loaiDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là loại dữ liệu kiểm kê hoặc thống kê
Mô tả dữ liệu	moTaDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	200	Mô tả về dữ liệu
Liên kết file	linkfile	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến file phi cấu trúc

c) Dữ liệu về số liệu thống kê, kiểm kê cấp xã

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại dữ liệu	loaiDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là loại dữ liệu kiểm kê hoặc thống kê
Mã đối tượng sử dụng	maDoiTuongSuDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã đối tượng sử dụng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã loại đất hiện trạng	maLoaiDatHienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Mã loại đất hiện trạng
Bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp xã	boSoLieuXaID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với bộ số liệu thống kê, kiểm kê cấp xã
Năm thực hiện thống kê, kiểm kê	namThucHien	Số nguyên	Integer	4	Năm thực hiện thống kê, kiểm kê
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Diện tích
Khu vực tổng hợp	maKVTH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là khu vực tổng hợp
Đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Liên kết không gian					Liên kết đến dữ liệu không gian

3.5.5. Nhóm dữ liệu kiểm kê đất đai chuyên đề

Dữ liệu về số liệu kiểm kê chuyên đề

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	boSoLieuChuyenDeID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên chuyên đề	loaiChuyenDe	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên chuyên đề

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Mã vùng kinh tế - xã hội	maVungKTXH	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã vùng kinh tế - xã hội
Tên đối tượng chuyên đề	tenDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên đối tượng chuyên đề
Dien tích	dienTich	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là diện tích khoanh đất kiểm kê chuyên đề, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
Thời điểm thực hiện	thoiDiemThucHien	Ngày tháng	Date	10	Thời điểm thực hiện chuyên đề (dd/mm/yyyy)
Loại đối tượng	loaiDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Loại đối tượng
Mã loại đất hiện trạng	maLoaiDatHienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Mã loại đất hiện trạng
Mã loại đất chuyên đề	maLoaiDatChuyenDe	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Mã loại đất theo chuyên đề
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú
Số liệu	soLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Số liệu chi tiết
Liên kết không gian					Liên kết đến dữ liệu không gian

3.6. Dữ liệu thuộc tính của dữ liệu khác liên quan đến đất đai

3.6.1. Dữ liệu về hồ sơ đất đai tại trung ương

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	hoSoDatDaiTWID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hồ sơ lưu trữ	maHoSoLuuTru	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là mã hồ sơ lưu trữ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ¹⁹ về lưu trữ hồ sơ đất đai
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCCa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Hộp/Cấp số	capSo	Số nguyên	Interger	20	Ghi số thứ tự của hộp hoặc cấp tài liệu giao nộp
Tên hồ sơ	tenHoSo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Ghi tiêu đề hồ sơ như trên bìa hồ sơ
Thời gian bắt đầu	thoiGianBatDau	Ngày, tháng	Date	10	Ghi thời gian sớm nhất và muộn nhất của văn bản, tài liệu trong hồ sơ
Thời gian kết thúc	thoiGianKetThuc	Ngày, tháng	Date	10	Ghi thời gian sớm nhất và muộn nhất của văn bản, tài liệu trong hồ sơ
Thời hạn bảo quản	thoiHanBaoQuan	Chuỗi ký tự	CharacterString	15	Ghi thời hạn bảo quản của hồ sơ như trên bìa hồ sơ
Số trang	soTrang	Số nguyên	Interger		Ghi tổng số trang tài liệu có trong hồ sơ

¹⁹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Số tài liệu	soTaiLieu	Số nguyên	Integer		Ghi tổng số tài liệu có trong hồ sơ
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi những thông tin cần chú ý về nội dung và hình thức của văn bản có trong hồ sơ
Thành phần hồ sơ	Chi tiết tại dữ liệu phi cấu trúc thành phần hồ sơ đất đai tại Trung ương				

3.6.2. Nhóm dữ liệu về thông tin kết quả đo đạc lập bản đồ địa chính

a) Dữ liệu về điểm khống chế đo vẽ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diemKhongCheID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Ranh giới khu đo	ranhGioiKhuDoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với dữ liệu ranh giới khu đo
Năm đo đạc	namDoDac	Số nguyên	Integer	4	Là năm đo đạc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Số nguyên	Integer	4	Là năm hoàn thành đo đạc
Loại điểm	loaiDiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	10	Là loại điểm không chế đo đạc
Số hiệu điểm	soHieuDiem	Chuỗi kí tự	CharacterString	10	Là số hiệu điểm
Đơn vị đo đạc	donViDoDac	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Tên Đơn vị đo đạc
Đơn vị quản lý dữ liệu	donViQuanLy	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên Đơn vị quản lý dữ liệu
Liên kết file	linkfile	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến file phi cấu trúc
Liên kết dữ liệu đồ họa	ranhGioiKhuDoID		CharacterString		Liên kết đến Dữ liệu đồ họa

b) Dữ liệu về ranh giới khu đo

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ranhGioiKhuDoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					đơn vị hành chính Việt Nam.
Loại bản đồ đo đạc	loaiBanDo_DoDac	Số nguyên	Interger	1	Là loại bản đồ đo đạc theo danh mục
Tên khu đo	tenKhuDo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên khu đo
Năm đo đạc	namDoDac	Số nguyên	Interger	4	Là năm đo đạc
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Số nguyên	Interger	4	Là năm hoàn thành đo đạc
Hệ quy chiếu, tọa độ	heQuyChieu_ToaDo	Chuỗi ký tự	CharacterString		Hệ quy chiếu, tọa độ sử dụng
Tỷ lệ bản đồ	tyLeBanDo	Số nguyên	Interger	10	Là mẫu số tỷ lệ bản đồ
Tổng số tờ bản đồ	tongSoToBando	Số nguyên	Interger		Tổng số tờ bản đồ
Phương pháp đo	phuongPhapDo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Phương pháp đo đạc
Diện tích	dienTich	Số thực	Real		Diện tích
Đơn vị đo đạc	donViDoDac	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên Đơn vị đo đạc
Đơn vị quản lý dữ liệu	donViQuanLy	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên Đơn vị quản lý dữ liệu
Định dạng dữ liệu	dinhDangDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Loại Định dạng dữ liệu (số/giấy)
Liên kết file	linkfile	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến file phi cấu trúc
Liên kết không gian lưới	soDoLuoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Mã nhận dạng sơ đồ lưới đo vẽ
Liên kết Dữ liệu đồ họa	ranhGioiKhuDoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến Dữ liệu đồ họa

c) Dữ liệu về bản đồ địa chính số

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	banDoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Tên khu đo	tenKhuDo	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên khu đo
Số hiệu mảnh bản đồ	Số hiệu mảnh bản đồ	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là số hiệu mảnh bản đồ địa chính, mảnh trích đo địa chính
Đơn vị đo đạc	donViDoDac	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên Đơn vị đo đạc
Liên kết file	linkfile	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến file phi cấu trúc
Liên kết dữ liệu đồ họa	phanManhBanDoID		CharacterString		Liên kết đến Dữ liệu đồ họa phân mảnh bản đồ

3.6.3. Dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất

a) Dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	diaChiSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã Địa chỉ	maDiaChi	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là mã địa chỉ số của thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất theo quy định xác định mã địa chỉ số quốc gia
Loại đối tượng	loaiDoiTuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là đối tượng thửa đất hoặc tài sản
Đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Đơn vị hành chính cấp xã theo danh mục của tổng cục thống kê
Số hiệu tờ bản đồ	toBanDo	Chuỗi ký tự	CharacterString	4	Là số hiệu tờ bản đồ địa chính
Số thứ tự thửa đất	thuTuThuaDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là số thứ tự thửa đất
Mã định danh thửa đất	maDinhDanhThuaDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	12	Là mã định danh thửa đất
Dấu hiệu nhận biết đối tượng	dauHieuNhanBiet	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Tên hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của thửa đất hoặc tài sản được gán địa chỉ số
Địa chỉ chi tiết	diaChiChiTiet	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là địa chỉ chi tiết gồm: số nhà (nếu có); trường hợp địa chỉ là căn hộ chung cư hoặc tập thể thì xác định số nhà là số hiệu căn hộ/số hiệu toà nhà; tên ngõ phố, ngách, hẻm... (nếu có); xứ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					đồng đối với thửa đất có loại đất là đất nông nghiệp, tiểu khu đối với thửa đất có loại đất là đất rừng
Đường phố	tenDuongPho	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên đường, tên phố (nếu có)
Tổ dân phố	tenToDanPho	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên tổ dân phố (nếu có); đối với nông thôn là tên: thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc
Tên đơn vị hành chính cấp xã	tenDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên xã hoặc phường hoặc thị trấn
Tên đơn vị hành chính cấp huyện	tenDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố
Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh	tenDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	30	Là tên tỉnh hoặc tên thành phố trực thuộc Trung ương
Đường phố	tenDuongPho	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên đường, tên phố (nếu có)
Địa chỉ dẫn đường	Chi tiết tại bảng dữ liệu về địa chỉ dẫn đường				
Thông tin mở rộng (Họ và tên)	hoVaTen	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Họ và tên của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được gán địa chỉ số
Thông tin mở rộng (Số định danh cá nhân)	soDinhDanhCaNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString	15	số định danh cá nhân của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được gán địa chỉ số
Thông tin mở rộng (số điện thoại di động)	soDienThoai	Chuỗi ký tự	CharacterString	15	số điện thoại di động của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được gán địa chỉ số

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Các thông tin liên quan khác email	eMail	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	thư điện tử của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được gán địa chỉ số
Thông tin mở rộng khác	thongLienQuanKhac	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	
Hiệu lực địa chỉ	hieuLuc	Số nguyên	Interger		Là hiệu lực của địa chỉ
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Interger		Là phiên bản của địa chỉ

b) Dữ liệu địa chỉ dẫn đường của thửa đất, tài sản gắn liền với đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Địa chỉ hành chính số	diaChiSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết đến bảng dữ liệu về địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất
Tọa độ địa lý (B)	toaDoB	Chuỗi ký tự	CharacterString		Tọa độ địa lý (B) của điểm dẫn đường đến vị trí đối tượng, ví dụ công ra vào số 1
Tọa độ địa lý (L)	toaDoL	Chuỗi ký tự	CharacterString		Tọa độ địa lý (L) của điểm dẫn đường đến vị trí đối tượng, ví dụ công ra vào số 1

Tọa độ địa lý (H)	toaDoH	Chuỗi ký tự	CharacterString		Tọa độ địa lý (H) của điểm dẫn đường đến vị trí đối tượng, ví dụ công ra vào số 1 (nếu có)
Tọa độ X	DinhHuongX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng X trong Hệ tọa độ quốc gia. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Tọa độ Y	DinhHuongX	Số thực	Real		Là tọa độ vuông góc phẳng Y trong Hệ tọa độ quốc gia. Đơn vị tính là mét (m), độ chính xác được làm tròn đến 02 số phần thập phân.
Mô tả dấu hiệu nhận biết đối tượng	dauHieuNhanBiet	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Tên hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của thửa đất hoặc tài sản được gán địa chỉ số, ví dụ công ra vào số 1
Địa chỉ dẫn đường	diaChiDanDuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Thông tin chi tiết về địa chỉ dẫn đường trong trường hợp địa chỉ khác với địa chỉ hành chính
Hiệu lực địa chỉ	hieuLuc	Số nguyên	Interger		Là hiệu lực của địa chỉ
Phiên bản	phienBan	Số nguyên	Interger		Là phiên bản của địa chỉ

3.6.4. Dữ liệu về tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam

Tên trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	nguoNuocNgoaiID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Tên trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Họ và tên	hoTen	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Họ và tên
Quốc tịch	quocTich	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Quốc tịch
Số hộ chiếu	soHoChieu	Chuỗi ký tự	CharacterString		Số hộ chiếu
Nơi cấp	noiCap	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Nơi cấp hộ chiếu
Ngày cấp	ngayCap	Ngày tháng	Date	10	Ngày cấp hộ chiếu (dd-mm-yyyy)
Mã giấy chứng nhận	maGiayChungNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString	12	Là mã Giấy chứng nhận
Số phát hành Giấy chứng nhận	soPhatHanhGiayChungNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString		Số phát hành giấy chứng nhận
Số vào sổ	soVaoSo	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
Diện tích đất	dienTichDat	Số thực	Real		Diện tích đất, đơn vị tính là mét vuông
Diện tích tài sản	dienTichNha	Số thực	Real		Diện tích tài sản, đơn vị tính là mét vuông
Loại tài sản	loaiTaiSan	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại tài sản
Loại công trình	loaiCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là loại công trình
Địa chỉ sử dụng tài sản hoặc đất	diaChi	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Địa chỉ sử dụng tài sản hoặc đất

Tên trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Liên kết file	linkfile	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến file phi cấu trúc

3.6.5. Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy

Tên trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	PhoiGiayChungNhanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã giấy chứng nhận	MaGiayChungNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString		
Đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	2	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	3	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên đơn vị quản lý	tenDonViQuanLy	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên đơn vị quản lý giấy chứng nhận
Tên đơn vị cấp giấy	tenDonCapGiay	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Tên đơn vị phát hành giấy
Thời điểm thông báo	thoiDiem	Ngày tháng	Date	10	Thời điểm thông báo; hoặc thời điểm nhận quản lý phôi (dd-mm-yyyy)
Số thông báo	soThongBao	Chuỗi ký tự	CharacterString		Số thông báo

Tên trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Nội dung thông báo	noiDungThongBao	Chuỗi ký tự	CharacterString	200	Nội dung thông báo
Số hiệu phôi giấy chứng nhận	soHieuPhoi	Chuỗi ký tự	CharacterString		Số hiệu phôi giấy chứng nhận
Tình trạng Phôi	tinTrangPhoi	Chuỗi ký tự	CharacterString		Tình trạng Phôi (phôi hủy; phôi hỏng; phôi mới; phôi đã cấp)
Tên Người quản lý	nguaiNhan	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Thông tin người nhận phôi
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi chú về phôi hoặc trang bổ sung (số biên nhận...)
Liên kết file	linkfile	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến file phi cấu trúc

3.6.6. Dữ liệu tổng hợp về giá đất (thửa đất chuẩn)

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	tongHopThuaChuanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	maDVHCTinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính cấp huyện	maDVHCHuyen	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã đơn vị hành chính	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
cấp xã					định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Mã thửa đất	maThuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Là mã thửa đất
Mã thửa đất chuẩn không gian	thuaDatChuanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là khóa ngoại liên kết với thửa đất chuẩn ở nhóm lớp dữ liệu không gian giá đất
Giá thửa đất	giaTriThua	Số nguyên	Integer		Là giá đất thửa đất (đơn vị tính là đồng)
Thời điểm định giá	thoiDiemDinhGia	Ngày tháng	Date	10	Thời điểm định giá (dd-mm-yyyy)
Kích thước mặt tiền	kichThuocMatTien	Số thực	Real		Là kích thước mặt tiền của thửa đất, đơn vị tính là mét vuông
Chiều sâu thửa đất	chieuSauThua	Số thực	Real		Là chiều sâu của thửa đất
Hình thể thửa đất	hinhTheThua	Số nguyên	Integer	1	1:hình chữ nhật 2:hình bình hành 3:hình vuông 4:hình thang xuôi 5:hình thang ngược 6:hình đa giác 7:hình chữ L 8:hình khác
Khoảng cách đến thửa đất chuẩn	kcDenThuaChuan	Số thực	Real		Là khoảng cách đến thửa đất chuẩn
Khoảng cách gần nhất đến trung tâm hành chính	kcDenTrungTamHanhChinh	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến trung tâm hành chính
Khoảng cách gần nhất đến cơ sở giáo dục	kcDenCoSoGiaoDuc	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến cơ sở giáo dục
Khoảng cách gần nhất đến cơ sở y tế	kcDenCoSoYTe	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến cơ sở y tế

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Khoảng cách gần nhất đến trung tâm thương mại, chợ	kcDenTrungTamThuongMai	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến trung tâm thương mại, chợ
Khoảng cách gần nhất đến cơ sở thể dục thể thao	kcDenCoSoTheDucTheThao	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến cơ sở thể dục thể thao
Khoảng cách gần nhất đến công viên, khu vui chơi giải trí	kcDenCongVienKhuVuiChoi	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến công viên, khu vui chơi giải trí
Khoảng cách gần nhất đến nơi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	kcDenNoiTieuThu	Số thực	Real		Là khoảng cách gần nhất đến nơi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm
Tiếp giáp với mặt đường	soMatDuongTiepGiap	Số nguyên	Interger		là số mặt đường tiếp giáp với thửa đất
Điều kiện cấp thoát nước	dieuKienCapThoatNuoc	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Điều kiện về cấp điện	dieuKienCapDien	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Điều kiện về thủy lợi	dieuKienThuyLoi	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Điều kiện về cơ sở giáo dục	dieuKienCoSoGiaoDuuc	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Điều kiện về cơ sở y tế	dieuKienCoSoYTe	Số nguyên	Interger		2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém
Hạ tầng giao thông công cộng	haTangGiaoThong	Số nguyên	Interger	1	2:Tốt 1:Trung bình 0:Kém

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Hạ tầng không gian	haTangKhongGian	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về hạ tầng không gian
Dịch vụ vật tư, kỹ thuật nông nghiệp	dichVuVatTuKyThuatNN	Số nguyên	Interger	1	2:Thuận lợi 1:Trung bình 0:Kém
Dịch vụ tài chính, tín dụng	dichVuTaiChinh	Số nguyên	Interger	1	2:Thuận lợi 1:Trung bình 0:Kém
Dịch vụ thông tin liên lạc	dichVuThongTinLienLac	Số nguyên	Interger	1	2:Thuận lợi 1:Trung bình 0:Kém
Dịch vụ Thương mại	dichVuThuongMai	Số nguyên	Interger	1	2:Thuận lợi 1:Trung bình 0:Kém
Hạ tầng văn hóa, thể thao	haTangVanHoaTheThao	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin Hạ tầng văn hóa, thể thao
Hạ tầng môi trường	haTangMoiTruong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin Hạ tầng môi trường
truyền thống văn hóa, phong tục tập quán	vanHoaPhongTuc	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin truyền thống văn hóa, phong tục tập quán
Địa hình	diaHinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin Địa hình
Năng suất cây trồng, vật nuôi	nangSuatCayTrongVatNuoi	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin Năng suất cây trồng, vật nuôi
Mật độ xây dựng	matDoXayDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin mật độ xây dựng
Hệ số sử dụng đất	heSoSuDungDat	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin hệ số sử dụng đất
Chỉ giới xây dựng	chGioiXayDung	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin chỉ giới xây dựng
Giới hạn về chiều cao công trình xây dựng	gioiHanChieuCaoCongTrinh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin giới hạn về chiều cao công trình xây dựng

Trường thông tin		Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Giới hạn số tầng hầm được xây dựng	gioiHanSoTangHam	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin giới hạn số tầng hầm được xây dựng
Đặc tính khác	dacTinhKhac	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin đặc tính khác ảnh hưởng đến giá đất

4. Dữ liệu đất đai phi cấu trúc

4.1. Tài liệu về địa chính

a) Hồ sơ đăng ký đất đai

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	hoSoDangKySoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hồ sơ đăng ký TTHC	maThuTucDangKy	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là mã hồ sơ thủ tục hành chính đăng ký đất đai theo quy định.
Mã hồ sơ lưu trữ	maHoSoLuuTru	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là mã hồ sơ lưu trữ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ²⁰ về lưu trữ hồ sơ đất đai
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCTXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Mã thửa đất	thuaDatID	Chuỗi ký tự	CharacterString	10	Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu thửa đất

²⁰ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã tình hình đăng ký	tingHinhDangKyID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền quản lý đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
Mã giấy chứng nhận	giayChungNhanID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu giấy chứng nhận
Mã giao dịch	giaoDichID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu về sự thay đổi trong quá trình sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất
Thành phần hồ sơ	thanhPhanHoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Liên kết đến thành phần hồ sơ
<i>Chú thích:</i> 1) Mã hồ sơ lưu trữ a) Mã định danh của cơ quan, tổ chức lập danh mục hồ sơ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương. Mã định danh của cơ quan, tổ chức được mặc định trong Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tài nguyên và môi trường; b) Năm hình thành hồ sơ; c) Mã danh mục hồ sơ: 22.02.00; d) Số thứ tự hồ sơ; Các thành phần của mã hồ sơ được phân định bằng dấu chấm. Ví dụ : 000.06.11.H05.2021.22.02.00.00001, là Hồ sơ số đăng ký đất đai số 00001, năm 2021 của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Nông nghiệp và Môi trường²¹ tỉnh Bắc Ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh. 2) Tên thư mục lưu trữ hồ sơ đăng ký số là tên mã hồ sơ lưu trữ					

b) Thành phần hồ sơ đăng ký đất đai

Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài	Mô tả
------------------	--------------	--------	-------

²¹ Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	trường	
Mã đối tượng	thanhPhanHoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hồ sơ lưu trữ số	hoSoDangKySoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử
Loại giấy tờ	loaiGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên loại giấy tờ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ²² về lưu trữ hồ sơ đất đai
Tên giấy tờ	tenGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên giấy tờ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ²³ về lưu trữ hồ sơ đất đai
Trích yếu	trichYeu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là nội dung trích yếu của giấy tờ
Tên tệp tin giấy tờ	tepTin	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là tên tệp tin lưu trữ điện tử (dạng pdf)
Đường dẫn tệp tin	url	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là đường dẫn tới địa chỉ lưu trữ tệp tin trong hệ thống thiết bị phân cứng lưu trữ dữ liệu
<i>Chú thích:</i> 1) Tên tệp tin giấy tờ a) Mã hồ sơ lưu trữ b) Số thứ tự văn bản: là số thứ tự nhiên sắp xếp liên tục của văn bản trong hồ sơ đăng ký đất đai gồm 3 ký tự; Các thành phần của mã hồ sơ được phân định bằng dấu chấm. Ví dụ : 000.06.11.H05.2021.22.02.00.00001.001.pdf, là văn bản thứ nhất , thuộc hồ sơ số đăng ký đất đai số 00001, năm 2021 của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Nông nghiệp và Môi trường²⁴ tỉnh Bắc Ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.					

²² Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²³ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁴ Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

4.2. Tài liệu về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

a) Tài liệu số lưu trữ kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã hồ sơ	maHoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên hồ sơ	tenHoSo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên hồ sơ kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất
Loại hồ sơ	loaiHoSo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Loại hồ sơ kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Nội dung ghi chú

b) Thành phần tài liệu số lưu trữ kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thanhPhanHoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hồ sơ lưu trữ số	hoSoDangKySoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử
Loại giấy tờ	loaiGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên loại giấy tờ tài liệu số lưu trữ kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất
Tên giấy tờ	tenGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên loại giấy tờ tài liệu số lưu trữ kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Trích yếu	trichYeu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là nội dung trích yếu của giấy tờ tài liệu số lưu trữ kết quả điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất
Tên tệp tin giấy tờ	tepTin	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là tên tệp tin lưu trữ điện tử (dạng pdf)
Đường dẫn tệp tin	url	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là đường dẫn tới địa chỉ lưu trữ tệp tin trong hệ thống thiết bị phân cứng lưu trữ dữ liệu

4.3. Tài liệu về kết quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a) Tài liệu số lưu trữ kết quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã hồ sơ	maHoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên hồ sơ	tenHoSo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên hồ sơ kết quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Loại hồ sơ	loaiHoSo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Loại hồ sơ kết quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Nội dung ghi chú

b) Thành phần tài liệu số lưu trữ kết quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Mô tả
------------------	--------------	---------------	-------

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thanhPhanHoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hồ sơ lưu trữ số	hoSoDangKySoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử
Loại giấy tờ	loaiGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên loại giấy tờ tài liệu số lưu trữ kết quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Tên giấy tờ	tenGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên loại giấy tờ tài liệu số lưu trữ kết quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Trích yếu	trichYeu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là nội dung trích yếu của giấy tờ tài liệu số lưu trữ kết quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Tên tệp tin giấy tờ	tepTin	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là tên tệp tin lưu trữ điện tử (dạng pdf)
Đường dẫn tệp tin	url	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là đường dẫn tới địa chỉ lưu trữ tệp tin trong hệ thống thiết bị phần cứng lưu trữ dữ liệu.

4.4. Tài liệu về giá đất

a) Tài liệu số lưu trữ kết quả Giá đất

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã hồ sơ	maHoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên hồ sơ	tenHoSo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên hồ sơ kết quả Giá đất
Loại hồ sơ	loaiHoSo	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Loại hồ sơ kết quả Giá đất
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Nội dung ghi chú

b) Thành phần tài liệu số lưu trữ kết quả Giá đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thanhPhanHoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hồ sơ lưu trữ số	maHoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử
Loại giấy tờ	loaiGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên loại giấy tờ tài liệu số lưu trữ kết quả Giá đất
Tên giấy tờ	tenGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên loại giấy tờ tài liệu số lưu trữ kết quả Giá đất
Trích yếu	trichYeu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là nội dung trích yếu của giấy tờ tài liệu số lưu trữ kết quả Giá đất
Tên tệp tin giấy tờ	tepTin	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là tên tệp tin lưu trữ điện tử (dạng pdf)
Đường dẫn tệp tin	url	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là đường dẫn tới địa chỉ lưu trữ tệp tin trong hệ thống thiết bị phần cứng lưu trữ dữ liệu

4.5. Tài liệu về kết quả thống kê, kiểm kê đất đai

a) Tài liệu số lưu trữ kết quả thống kê, kiểm kê đất đai

Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã hồ sơ	maHoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên hồ sơ	tenHoSo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Tên hồ sơ kết quả thống kê, kiểm kê đất đai
Loại hồ sơ	loaiHoSo	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Loại hồ sơ kết quả thống kê, kiểm kê đất đai
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Nội dung ghi chú

b) Thành phần tài liệu số lưu trữ kết quả thống kê, kiểm kê đất đai

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thanhPhanHoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hồ sơ lưu trữ số	hoSoDangKySoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử
Loại giấy tờ	loaiGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là tên loại giấy tờ tài liệu số lưu trữ kết quả thống kê, kiểm kê đất đai
Tên giấy tờ	tenGiayTo	Chuỗi ký tự	CharacterString	50	Là tên loại giấy tờ tài liệu số lưu trữ kết quả thống kê, kiểm kê đất đai
Trích yếu	trichYeu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Là nội dung trích yếu của giấy tờ tài liệu số lưu trữ kết quả thống kê, kiểm kê đất đai

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					đại
Tên tệp tin giấy tờ	tepTin	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Là tên tệp tin lưu trữ điện tử (dạng pdf)
Đường dẫn tệp tin	url	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là đường dẫn tới địa chỉ lưu trữ tệp tin trong hệ thống thiết bị phần cứng lưu trữ dữ liệu.

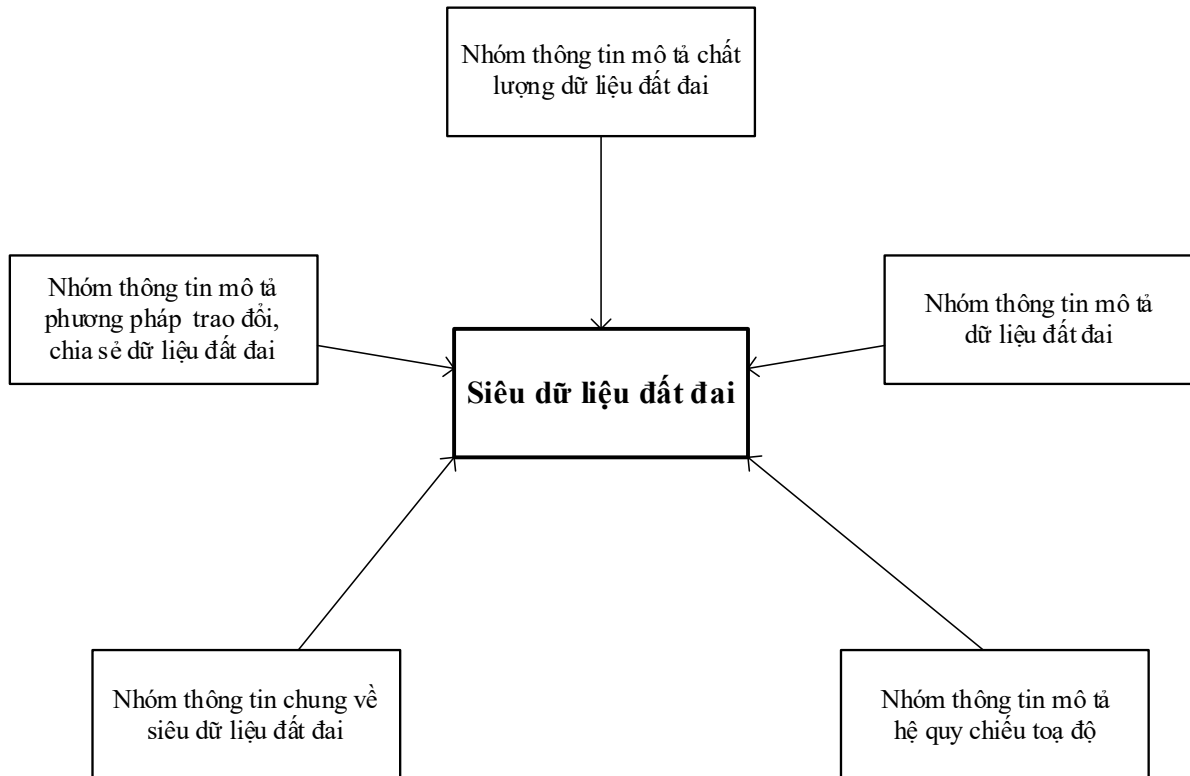
4.6. Tài liệu hồ sơ đất đai tại Trung ương

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	thanhPhanHoSoID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hồ sơ lưu trữ số	hoSoDatDaiTWID	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là liên kết đến hồ sơ đất đai tại trung ương
Số thứ tự văn bản	soThuTuVanBanID	Số nguyên	Integer		Ghi số thứ tự của văn bản từ 1 đến hết
Ngày tháng văn bản	ngayVanban	Ngày tháng	Date	10	Ghi ngày tháng trong văn bản (nếu không có ngày tháng thì không ghi mà ghi vào cột ghi chú).
Tên loại hoặc trích yếu nội dung tài liệu	trichYeu	Chuỗi ký tự	CharacterString	200	Ghi tên loại và trích yếu của văn bản
Tác giả tài liệu	coQuanBanHanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	150	Ghi tên cơ quan ban hành văn bản
Tờ số	toSo	Chuỗi ký tự	CharacterString		Ghi tờ số: tức là tờ đầu của văn bản là số mấy thì ghi số đó vào (ví dụ: đây là văn bản tập số 3, có 4 tờ, tờ đầu tiên của văn

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					bản là tờ số 10, ghi là 10-14)
Số trang	soTrang	Số nguyên	Integer		Tổng số trang của tài liệu
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	255	Ghi một số điều cần thiết khác: thiếu dấu, thiếu chữ ký, dự thảo, có bút tích, mật...
Đường dẫn tệp tin	url	Chuỗi ký tự	CharacterString		Là đường dẫn tới địa chỉ lưu trữ tệp tin trong hệ thống thiết bị phân cứng lưu trữ dữ liệu.

III. Cấu trúc, kiểu thông tin của siêu dữ liệu đất đai

1. Mô hình dữ liệu cấu thành siêu dữ liệu đất đai



Siêu dữ liệu đất đai bao gồm các nhóm thông tin:

- Nhóm thông tin chung về siêu dữ liệu đất đai;
- Nhóm thông tin mô tả hệ quy chiếu tọa độ;
- Nhóm thông tin mô tả dữ liệu đất đai;
- Nhóm thông tin mô tả chất lượng dữ liệu đất đai;
- Nhóm thông tin mô tả phương thức chia sẻ dữ liệu đất đai.

Siêu dữ liệu đất đai được lập cho phạm vi cơ sở dữ liệu đất đai đã được xây dựng và được cập nhật khi có thay đổi thông tin.

2. Nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của siêu dữ liệu đất đai

2.1. Nhóm thông tin chung về siêu dữ liệu đất đai

a) Dữ liệu chung về siêu dữ liệu đất đai

Tên bảng dữ liệu: MD_SieuDuLieu

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Mã đối tượng	sieuDuLieuID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
				bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại cấp độ siêu dữ liệu	loaiCapDoSDL	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là mã hoặc giá trị trong bảng danh mục về siêu dữ liệu
Loại dữ liệu	loaiDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là mã hoặc giá trị trong bảng danh mục về siêu dữ liệu
Loại siêu dữ liệu	loaiSieuDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là mã hoặc giá trị trong danh mục về siêu dữ liệu
Ngôn ngữ	ngonNgu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong thông tin mô tả của siêu dữ liệu
Phạm vi	phamVi	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là phạm vi dữ liệu đất đai mà siêu dữ liệu mô tả
Phiên bản	phienBan	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là phiên bản của chuẩn siêu dữ liệu được áp dụng để lập siêu dữ liệu
Siêu dữ liệu gốc	sieuDuLieuIDGoc	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là mã nhận dạng duy nhất được gán cho mỗi tài liệu siêu dữ liệu
Tên chuẩn	tenChuan	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là tên đầy đủ của chuẩn siêu dữ liệu được áp dụng để lập siêu dữ liệu
Thời gian lập	thoiGianLap	Ngày, tháng	Date	Là ngày lập siêu dữ liệu(dd/mm/yyyy)

b) Dữ liệu về đơn vị

Tên bảng dữ liệu: MD_DonVi

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Chức vụ	chucVu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Chức vụ của người đại diện cho cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu đất đai.
Địa chỉ liên hệ	diaChiLienHe	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là địa chỉ liên hệ của đơn vị
Điện thoại	dienThoai	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là số điện thoại liên hệ của đơn vị
Chỉ dẫn liên hệ	chiDanLienHe	Chuỗi ký tự	CharacterString	Các chỉ dẫn bổ sung nhằm giúp cho người có nhu cầu có thể liên hệ với các cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu đất đai.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Email	eMail	Chuỗi ký tự	CharacterString	Địa chỉ thư điện tử
Loại đơn vị	loaiDonVi	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là mã hoặc giá trị trong bảng danh mục về siêu dữ liệu
Mô tả	moTa	Chuỗi ký tự	CharacterString	Vai trò của cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu đất đai.
Người đại diện	nguaiDaiDien	Chuỗi ký tự	CharacterString	Tên của người đại diện cho cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu đất đai
Số giấy phép	soGiayPhep	Chuỗi ký tự	CharacterString	Số giấy phép kinh doanh của đơn vị
Tên đơn vị	tenDonVi	Chuỗi ký tự	CharacterString	Tên của cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu đất đai
Thông tin liên hệ	thongTinLienHe	Chuỗi ký tự	CharacterString	Địa chỉ chi tiết trang web, địa chỉ tỉnh, huyện, xã nơi đặt trụ sở của cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu đất đai

2.2. Nhóm thông tin mô tả hệ quy chiếu tọa độ

Tên bảng dữ liệu: MD_HeToaDo

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Mã đối tượng	maDoiTuongID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Kinh tuyến trục	kinhTuyenTruc	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là kinh tuyến trục được áp dụng để xây dựng dữ liệu đất đai
Mũi chiếu	muiChieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là mũi chiếu được áp dụng để xây dựng dữ liệu đất đai
Tên hệ quy chiếu	tenHeQuyChieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Tên đầy đủ của Hệ quy chiếu tọa độ.
Ngày ban hành	ngayBanHanh	Ngày, tháng	Date	Ngày ban hành áp dụng hệ quy chiếu tọa độ

2.3. Nhóm thông tin mô tả dữ liệu đất đai

a) Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu thuộc tính đất đai

Tên bảng dữ liệu: MD_ThuocTinh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Mã đối tượng	maDoiTuongID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
				chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Định dạng dữ liệu	dinhDangDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là tên định dạng của loại dữ liệu được miêu tả
Mô tả	moTa	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là mô tả bổ sung của tài liệu
Nguồn gốc dữ liệu	nguồnGocDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là nguồn gốc để xây dựng dữ liệu
Mã siêu dữ liệu	sieuDuLieuID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là khóa ngoại liên kết đến dữ liệu thông tin chung về siêu dữ liệu
Số lượng đối tượng	soLuongDoiTuong	Số nguyên	Integer	Là số lượng đối tượng được xây dựng siêu dữ liệu
Thời điểm hình thành	thoiDiemHinhThanh	Ngày, tháng	Date	Là thời điểm xây dựng dữ liệu (dd/mm/yyyy)

b) Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu không gian đất đai

Tên bảng dữ liệu: MD_KhongGian

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Mã đối tượng	maDoiTuongID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Định dạng dữ liệu	dinhDangDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là định dạng dữ liệu được mô tả
Mã Hệ quy chiếu	heQuyChieuID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là khóa ngoại liên kết đến dữ liệu hệ quy chiếu
Kiểu dữ liệu không gian	kieuDuLieuKhongGian	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là kiểu dữ liệu không gian dạng điểm, đường hoặc vùng
Mô tả	moTa	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là thông tin mô tả bổ sung cho dữ liệu không gian
Nguồn gốc dữ liệu	nguồnGocDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là nguồn gốc của dữ liệu được mô tả
Phương pháp đo đạc	phuongPhapDo	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là phương pháp đo đạc cho dữ liệu được mô tả
Mã siêu dữ liệu	sieuDuLieuID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là khóa ngoại liên kết đến dữ liệu thông tin chung về siêu dữ liệu
Số lượng đối tượng	soLuongDoiTuong	Số nguyên	Integer	Là số lượng đối tượng được mô tả

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Thời điểm hình thành	thoiDiemHinhThanh	Ngày, tháng	Date	Là thời điểm hình thành dữ liệu(dd/mm/yyyy)
Tọa độ giới hạn X max	toaDoGioiHanXMax	Số thực	Real	Là giới hạn tọa độ theo trục không gian X
Tọa độ giới hạn X min	toaDoGioiHanXMin	Số thực	Real	Là giới hạn tọa độ theo trục không gian X
Tọa độ giới hạn Y max	toaDoGioiHanYMax	Số thực	Real	Là giới hạn tọa độ theo trục không gian Y
Tọa độ giới hạn Y min	toaDoGioiHanYMin	Số thực	Real	Là giới hạn tọa độ theo trục không gian Y
Tỷ lệ bản đồ	tyLeBanDo	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là tỷ lệ bản đồ được xây dựng dữ liệu

c) Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu phi cấu trúc đất đai

Tên bảng dữ liệu: MD_PhiCauTruc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Định dạng dữ liệu	dinhDangDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là định dạng dữ liệu (ví dụ: PDF,TIF,DOC..)
Mô tả	moTa	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là mô tả bổ sung cho tài liệu
Nguồn gốc dữ liệu	nguyenGocDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là nguồn gốc để xây dựng dữ liệu
Mã siêu dữ liệu	sieuDuLieuID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là khóa ngoại liên kết đến dữ liệu thông tin chung về siêu dữ liệu
Số lượng đối tượng	soLuongDoiTuong	Số nguyên	Integer	Là số lượng đối tượng được mô tả
Thời điểm hình thành	thoiDiemHinhThanh	Ngày, tháng	Date	Là thời điểm hình thành dữ liệu(dd/mm/yyyy)

2.4. Nhóm thông tin mô tả chất lượng dữ liệu

Tên bảng dữ liệu: MD_ChatsLuongDuLieu

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Mô tả bổ sung về kết quả chất lượng, Mô tả phạm vi sản phẩm dữ liệu đất đai được đánh giá chất lượng theo không gian và thời gian
Kết quả đánh giá	ketQuaDanhGia	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là kết quả đánh giá của chất lượng dữ liệu
Loại dữ liệu	loaiDuLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Loại dữ liệu được đánh giá trong bảng danh mục về siêu dữ liệu
Mức độ đánh giá	mucDoDanhGia	Chuỗi ký tự	CharacterString	Đánh giá chất lượng dữ liệu theo danh mục mức đánh giá chất lượng dữ liệu. (ví dụ: 30%)
Mức độ đầy đủ thông tin	muaDoDayDuTT	Chuỗi ký tự	CharacterString	Đánh giá chất lượng dữ liệu theo mức độ đầy đủ của thông tin
Phương pháp đánh giá chất lượng	phuongPhapDGCL	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là Loại phương pháp được sử dụng để đánh giá một chỉ tiêu chất lượng nhất định, ví dụ: theo phương pháp đánh giá mức độ đầy đủ thông tin
Mã siêu dữ liệu	sieuDuLieuID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là khóa ngoại liên kết đến dữ liệu thông tin chung về siêu dữ liệu
Số lượng đánh giá	soLuongDanhGia	Số nguyên	Integer	Số lượng được đánh giá
Thời điểm đánh giá	thoiDiemDanhGia	Ngày, tháng	Date	Là thời điểm đánh giá dữ liệu(dd/mm/yyyy)

2.5. Nhóm thông tin mô tả phương thức chia sẻ dữ liệu đất đai

Tên bảng dữ liệu: MD_PhuongThucChiaSe

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Mã đối tượng	maDoiTuongID		CharacterString	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Chi tiết phân phối	chiTietPhanPhoi		CharacterString	Địa chỉ liên kết trực tuyến hoặc phi trực tuyến

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Định dạng phân phối	đinhDangPhanPhoi	Chuỗi ký tự	CharacterString	Định dạng file phân phối, trao đổi
Ghi chú	ghiChu	Chuỗi ký tự	CharacterString	bổ sung về đường liên kết trực tuyến hoặc Các ghi chú bổ sung về phương pháp lưu trữ (nếu có)
Hình thức phân phối	hinhThucPhanPhoi	Chuỗi ký tự	CharacterString	Cách thức phân phối trực tuyến hoặc phi trực tiến
Loại dữ liệu	loaiDuLieuID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là mã hoặc giá trị của trong bảng danh mục loại dữ liệu
Phiên bản	phienBan	Chuỗi ký tự	CharacterString	Loại phiên bản định dạng lưu trữ dữ liệu đất đai
Mã siêu dữ liệu	sieuDuLieuID	Chuỗi ký tự	CharacterString	Là khóa ngoại liên kết đến dữ liệu thông tin chung về siêu dữ liệu
Tên tài liệu	tenTaiLieu	Chuỗi ký tự	CharacterString	Tên của định dạng lưu trữ dữ liệu đất đai

PHỤ LỤC II

TRÌNH BÀY, HIỂN THỊ DỮ LIỆU KHÔNG GIAN ĐẤT ĐAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Quy tắc trình bày, hiển thị

1.1. Hiển thị nhãn

a) Nhãn của các đối tượng thuộc dữ liệu không gian đất đai được hiển thị theo quy tắc sau:

- Theo hướng Tây - Đông, đầu chữ quay lên hướng Bắc.
- Đối với các đối tượng có thể hiện hình học dạng vùng thì nhãn phải đặt bên trong vùng. Trường hợp khi phóng bản đồ mà đối tượng có thể hiện hình học dạng vùng quá nhỏ không đủ không gian để hiển thị thì không phải hiển thị nhãn.

b) Đối với tên đường, tên sông suối, kênh mương thì vị trí nhãn đặt dọc theo đối tượng, ưu tiên theo hướng Tây - Đông, Bắc - Nam.

1.2. Hiển thị ký hiệu

a) Các đối tượng không gian dạng điểm được hiển thị đúng vị trí bằng ký hiệu, màu sắc theo quy định;

b) Các đối tượng không gian dạng đường được hiển thị ký hiệu với trục trùng với vị trí đối tượng. Áp dụng các kiểu đặc trưng hình dáng bằng kiểu đường, màu sắc theo quy định;

c) Đối với các đối tượng không gian dạng vùng được hiển thị ký hiệu trùng với đối tượng. Áp dụng các đặc trưng hình dáng bằng màu nền, màu viền, kiểu đường viền theo quy định.

1.3. Quy định về màu, bảng mã ký tự, cỡ chữ, kiểu đường

a) Bảng màu

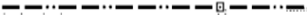
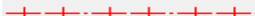
TÊN MÀU	HỆ MÀU RGB	HỆ MÀU CMYK
 Trắng (White)	255,255,255	0,0,0,0
 Đen (Black)	0,0,0	0,0,0,100
 Đỏ (Red)	255,0,0	1,96,91,0
 Xanh lá cây (Green)	0,255,0	93,0,100,0
 Xanh non (LightGreen)	200,255,100	51,0,57,0
 Xanh dương (Blue)	0,0,255	96,93,0,0
 Xanh lơ (LightBlue)	0,255,255	84,0,0,0
 Vàng (Yellow)	255,255,0	3,2,91,0
 Cam (Orange)	255,128,0	1,62,100,0
 Nâu (Brown)	128,0,0	33,94,95,25
 Xám (Gray)	128,128,128	43,31,28,13

TÊN MÀU	HỆ MÀU RGB	HỆ MÀU CMYK
Xám nhạt (LightGray)	192,192,192	23,16,13,2

b) Bảng mã ký tự

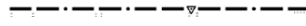
Bảng mã ký tự được áp dụng là UTF8

c) Bảng kiểu đường

Kiểu đường	Tên quy ước
	1
	2
	3
	4
	5
	6
	7
	8
	9
	10
	11
	12
	13
	14
	15
	16
	17

2. Quy định trình bày, hiển thị dữ liệu không gian đất đai

2.1. Quy định trình bày, hiển thị dữ liệu không gian đất đai nền

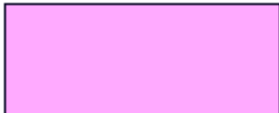
Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
DiemToaDo	dữ liệu dạng điểm (GM_Point)	loaiDiemToaDo	1	Điểm thiên văn		Màu: Đen (0,0,0) Kích thước: 12pt
			2	Điểm tọa độ quốc gia		
			3	Điểm địa chính cơ sở		
			4	Điểm địa chính		
			5	Điểm khống chế		
DiemDoCao	dữ liệu dạng điểm (GM_Point)	loaiDiemToaDo	1	Độ cao quốc gia		Màu: Đen (0,0,0) Kích thước: 12pt
			2	Độ cao kỹ thuật có chôn mốc		
MocBienGioiDiaGioi	dữ liệu dạng điểm (GM_Point)	loaiMocBienGioiDiaGioi	1	Mốc biên giới		Màu: Đen (0,0,0) Kích thước: 8pt
			2	Mốc địa giới hành chính cấp tỉnh		
			3	Mốc địa giới hành chính cấp huyện		
			4	Mốc địa giới hành chính cấp xã		
DuongBienGioi	dữ liệu dạng đường (GM_Line)					Kiểu đường: 10 Màu: Đen (0,0,0) Độ rộng: 12
DuongDiaGioiCapTinh	dữ liệu dạng đường (GM_Line)					Kiểu đường: 11 Màu: Đen (0,0,0) Độ rộng: 8
DuongDiaGioiCapHuyen	dữ liệu dạng đường (GM_Line)					Kiểu đường: 12 Màu: Đen (0,0,0) Độ rộng: 4

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
DuongDiaGioiCapXa	dữ liệu dạng đường (GM_Line)					Kiểu đường: 13 Màu: Đen (0,0,0) Độ rộng: 1.5
DiaPhanCapTinh	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					Kiểu đường viền: none Màu viền: none Màu nền: RGB (255,153,255)
DiaPhanCapHuyen	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					Kiểu đường viền: none Màu viền: none Màu nền: RGB (255,153,255)
DiaPhanCapXa	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					Kiểu đường viền: none Màu viền: none Màu nền: RGB (255,153,255)
DuongThuyHe	dữ liệu dạng đường (GM_Line)	loaiDuongThuyHe	1	Đường mép nước		Kiểu đường: 4 Màu: xanh (0,255,255) Độ rộng: 1
			2	Đường bờ nước		Kiểu đường: 5 Màu: xanh (0,255,255) Độ rộng: 1
			3	Kênh, mương, máng dẫn nước, rãnh thoát nước		
			4	Suối, kênh, mương nửa tỷ lệ (1 nét)		

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
VungThuyHe	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					Kiểu đường viền: none Màu viền: none Màu nền: màu xanh nhạt (217,255,255)
TimDuong	dữ liệu dạng đường (GM_Line)	loaiDuong	1	Đường bộ		Kiểu đường: 7 Màu: đen (0,0,0) Độ rộng: 2
			2	Đường sắt		Kiểu đường: 8 Màu: đen (0,0,0) Độ rộng: 2
MatDuongBo	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					Kiểu đường viền: none Màu viền: none Màu nền: màu cam nhạt (255,170,50)
RanhGioiDuong	dữ liệu dạng đường (GM_Line)					Kiểu đường: 7 Màu: đen (0,0,0) Độ rộng: 1
DuongSat	dữ liệu dạng đường (GM_Line)					Kiểu đường: 15 Màu: đen (0,0,0) Độ rộng: 1

2.2. Quy định trình bày, hiển thị dữ liệu không gian địa chính

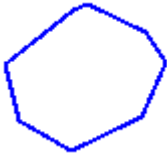
Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
ThuaDat	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	trangThaiDangKy	1	Chưa đăng ký		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu đen (0,0,0) Độ rộng viền: 1

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
						Màu nền: màu trắng (255,255,255) Transparent: 50%
			2	Đã đăng ký, chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu đen (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: màu vàng (255,255,100) Transparent: 50%
			3	Đã đăng ký, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu đen (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: màu vàng (255,170,100) Transparent: 50%
			4	Đã đăng ký, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu đen (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: màu vàng (255,170,255) Transparent: 50%
			5	Đã cấp giấy chứng nhận		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu đen (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: màu đỏ gạch (255,128,140) Transparent: 50%

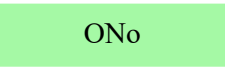
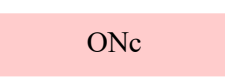
Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
		<i>loaiDat- soHieuToBanDo- soThuTuThua-dienTich</i>		Ký hiệu nhãn: - ODT: loại đất - 18: Số thứ tự thửa đất - 2: Số hiệu bản đồ - 421,1: Diện tích	ODT 18(2)/421,1	Kiểu chữ: Times New Roman Màu: Đen Cỡ chữ: 12
DuongChiGioiHanhLangAnToanBaoVe	dữ liệu dạng đường (GM_Line)					Kiểu đường: 16 Màu: Đỏ(255,0,0) Độ rộng: 1
MocGioiHanhLangAnToanBaoVe	dữ liệu dạng điểm (GM_Point)	loaiHanhLangAnToanBaoVe				
DuongChiGioiQuyHoach	dữ liệu dạng đường (GM_Line)					Kiểu đường: 1 Màu: Đỏ(255,0,0) Độ rộng: 1
MocGioiQuyHoach	dữ liệu dạng điểm (GM_Point)					
TaiSanGanLienVoiDat	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	loaiTaiSanGanLienVoiDat	1	Nhà ở riêng lẻ		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu vàng (204,204,204) Độ rộng viền: 1 Màu nền: none
			2	Nhà chung cư		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu vàng (255,255,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: none
			3	Công trình xây dựng		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu vàng (255,150,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: none

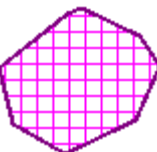
Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
			4	Hạng mục của công trình xây dựng		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu vàng (150,0,255) Độ rộng viền: 1 Màu nền: none

2.3. Quy định trình bày, hiển thị dữ liệu không gian điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
Ranh giới khoanh đất điều tra	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					Kiểu đường viền: 1 Màu viền: (0,0,255) Độ rộng viền: 1 Màu nền: none
Phần diện chính	Dạng điểm (GM_Point)					Màu nền: RGB (255,5,5)
Phần diện phụ	Dạng điểm (GM_Point)					Màu nền: RGB (200,56,204)

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
Phẫu diện thăm dò	Dạng điểm (GM_Point)					Màu nền: RGB (91,155,213)
Điểm điều tra (thoái hóa, ô nhiễm, quan trắc)	Dạng điểm (GM_Point)					Màu nền: RGB (255,255,0)
Bản đồ chất lượng đất	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Chất lượng đất thấp		Chất lượng đất		Màu nền: RGB (217,242,208)
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Chất lượng đất trung bình		Chất lượng đất		Màu nền: RGB (142,217,115)
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Chất lượng đất cao		Chất lượng đất		Màu nền: RGB (59,125,35)
Bản đồ tiềm năng đất đai	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Tiềm năng thấp		Tiềm năng thấp		Màu nền: RGB (251,227,214)
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Tiềm năng trung bình		Tiềm năng trung bình		Màu nền: RGB (242,170,132)
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Tiềm năng cao		Tiềm năng cao		Màu nền: RGB (192,79,21)

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
Bản đồ thoái hóa đất	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Không thoái hóa		Không thoái hóa		Màu nền: RGB (242,207,238)
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Thoái hóa nhẹ		Thoái hóa nhẹ		Màu nền: RGB (229,158,221)
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Thoái hóa trung bình		Thoái hóa trung bình		Màu nền: RGB (216,110,204)
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Thoái hóa nặng		Thoái hóa nặng		Màu nền: RGB (120,32,110)
Bản đồ đất bị ô nhiễm	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Không ô nhiễm		Không ô nhiễm		Màu nền: RGB (165,249,165)
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Cận ô nhiễm		Cận ô nhiễm		Màu nền: RGB (255,204,204)
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Ô nhiễm (Mức độ nguy hại)		Ô nhiễm (Mức độ nguy hại)		Màu nền: RGB (255,147,147)
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Ô nhiễm (Mức độ nguy hại nghiêm trọng)		Ô nhiễm (Mức độ nguy hại nghiêm trọng)		Màu nền: RGB (255,0,0)
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Ô nhiễm (Mức độ nguy hại)		Ô nhiễm (Mức độ nguy hại)		Màu nền: RGB (180,0,0)
Bản đồ kết quả bảo vệ, cải tạo, phục hồi	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Ranh giới khu vực cần bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Kiểu đường viền: 1 Màu viền: (255,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: none

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Ranh giới khoanh đất đã bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Kiểu đường viền: 1 Màu viền: (0,255,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: none
	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Ranh giới khoanh đất chưa bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất				Kiểu đường viền: 1 Màu viền: (160,0,160) Độ rộng viền: 1 Màu nền: none
Khu vực không điều tra	Dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Khu vực không điều tra				Kiểu đường viền: 1 Màu viền: (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: none
Vị trí mẫu đất không ô nhiễm	Dạng điểm (GM_Point)	Vị trí mẫu đất không ô nhiễm				Màu nền: RGB (146,208,80)
Vị trí mẫu đất cận ô nhiễm	Dạng điểm (GM_Point)	Vị trí mẫu đất cận ô nhiễm				Màu nền: RGB (201,201,201)
Vị trí mẫu đất ô nhiễm	Dạng điểm (GM_Point)	Vị trí mẫu đất ô nhiễm				Màu nền: RGB (196,89,17)

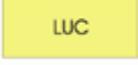
2.4. Quy định trình bày, hiển thị dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
vungQuyHoachSDD	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Loại đất quy hoạch (*)	Nhãn	Ký hiệu nhãn: - Mã HT: loại đất hiện trạng - Mã QH: loại đất quy hoạch sử dụng đất		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu đỏ Độ rộng viền: 1 Màu nền: theo loại đất hiện trạng
vungKeHoachSDD	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	Loại đất kế hoạch (*)	Nhãn	Ký hiệu nhãn: - Mã HT: loại đất hiện trạng - Mã KH: loại đất kế hoạch sử dụng đất		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu đỏ Độ rộng viền: 1 Màu nền: theo loại đất hiện trạng
KhuChucNangCapTinh	dữ liệu dạng đường (GM_Line)					Kiểu đường: 17 Màu: Đen (0,0,0) Độ rộng: 1.5
KhuChucNang	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	loaiKhuChucNang	KVL	Khu vực chuyên trồng lúa		
			KVN	Khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm		
			KPH	Khu vực rừng phòng hộ		
			KDD	Khu vực rừng đặc dụng		
			KSX	Khu vực rừng sản xuất		
			KKN	Khu công nghiệp, cụm công nghiệp		
			KDV	Khu đô thị, thương mại, dịch vụ		
			KDL	Khu du lịch		

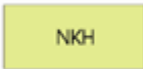
Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
			KON	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn		
Ranh giới khu vực lấn biển	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	khu vực lấn biển				Kiểu đường viền: 8 Màu viền: RGB (112,48,160) Độ rộng viền: 2 Màu nền: RGB (156,195,230)
Ranh giới khu vực bảo vệ nghiêm ngặt	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	khu vực bảo vệ nghiêm ngặt				Kiểu đường viền: 2 Màu viền: RGB (255,0,0) Độ rộng viền: 2 Màu nền: RGB (168,208,141)
<i>Ghi chú:</i> - Việc trình bày, hiển thị dữ liệu không gian về loại đất quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện tương tự theo quy định tại mục 2.5. quy định trình bày, hiển thị dữ liệu không gian thống kê, kiểm kê đất đai. (*) Mã và thông số màu các loại đất hiện trạng của khoanh đất được thể hiện theo quy định về hiển thị dữ liệu không gian hiện trạng sử dụng đất tại mục 2.5. quy định trình bày, hiển thị dữ liệu không gian thống kê, kiểm kê đất đai.						

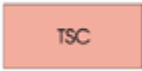
2.5. Quy định trình bày, hiển thị dữ liệu không gian thống kê, kiểm kê đất đai

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
HienTrangSDD	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	loaiDatHienTrang	NNP	Nhóm đất nông nghiệp		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB

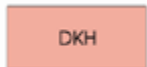
Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
						(255,255,100)
			CHN	Đất trồng cây hàng năm		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255,252,120)
			LUA	Đất trồng lúa		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255,252,130)
			LUC	Đất chuyên trồng lúa		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255,252,140)
			LUK	Đất trồng lúa còn lại		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255,252,150)
			HNK	Đất trồng cây hàng năm khác		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255,240,180)

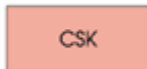
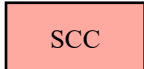
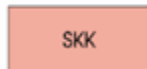
Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
			CLN	Đất trồng cây lâu năm		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255,210,160)
			LNP	Đất lâm nghiệp		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (170,255,50)
			RDD	Đất rừng đặc dụng		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (110,255,100)
			RPH	Đất rừng phòng hộ		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (190,255,30)
			RSX	Đất rừng sản xuất		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (180,255,180)
			RSN	Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1

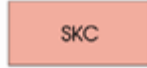
Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
						Màu nền: RGB (180,255,180)
			NTS	Đất nuôi trồng thủy sản		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (170,255,255)
			CNT	Đất chăn nuôi tập trung		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (230,230,130)
			LMU	Đất làm muối		Kiểu đường viền: 1 Màu viền và nét trái: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255,255,254)
			NKH	Đất nông nghiệp khác		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (245,255,180)
			PNN	Nhóm đất phi nông nghiệp		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255,255,100)

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
			OTC	Đất ở		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255,180,255)
			ONT	Đất ở tại nông thôn		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255,208,255)
			ODT	Đất ở tại đô thị		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255,160,255)
			TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255,170,160)
			CQA	Đất quốc phòng, an ninh		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255, 120,120)
			CQP	Đất quốc phòng		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1

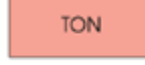
Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
						Màu nền: RGB (255,100,80)
			CAN	Đất an ninh		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255, 80,70)
			DSN	Đất xây dựng công trình sự nghiệp		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255,160,170)
			DVH	Đất xây dựng cơ sở văn hóa		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			DXH	Đất xây dựng cơ sở xã hội		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			DYT	Đất xây dựng cơ sở y tế		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
			DGD	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			DTT	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			DKH	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			DMT	Đất xây dựng cơ sở môi trường		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			DKT	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			DNG	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1

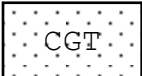
Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
						Màu nền: RGB (255, 170, 160)
			DSK	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0, 0, 0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255, 170, 160)
			CSK	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0, 0, 0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255, 160, 170)
			SCC	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0, 0, 0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255, 170, 160)
			SKK	Đất khu công nghiệp		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0, 0, 0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (250, 170, 160)
			SKN	Đất cụm công nghiệp		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0, 0, 0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (250, 170, 160)

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
			SCT	Đất khu công nghệ thông tin tập trung		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (250, 170,160)
			TMD	Đất thương mại, dịch vụ		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (250, 170,160)
			SKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (250, 170,160)
			SKS	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (205, 170,205)
			CCC	Đất sử dụng vào mục đích công cộng		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			DGT	Đất công trình giao thông		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
						Màu nền: RGB (255, 170,50)
			DTL	Đất công trình thủy lợi		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (170, 255,255)
			DCT	Đất công trình cấp nước, thoát nước		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (170, 255,255)
			DPC	Đất công trình phòng, chống thiên tai		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255, 170,170)
			DDD	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			DRA	Đất công trình xử lý chất thải		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (205, 170,205)

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
			DNL	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			DBV	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			DCH	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			DKV	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			TON	Đất tôn giáo		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0) Độ rộng viên: 1 Màu nền: RGB (255, 170,160)
			TIN	Đất tín ngưỡng		Kiểu đường viên: 1 Màu viên: RGB (0,0,0)

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
						Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255, 170, 160)
			NTD	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0, 0, 0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (210, 210, 210)
			TVC	Đất có mặt nước chuyên dùng		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0, 0, 0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (180, 255, 255)
			MNC	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0, 0, 0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (180, 255, 255)
			SON	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0, 0, 0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (160, 255, 255)
			PNK	Đất phi nông nghiệp khác		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0, 0, 0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
						(255, 170, 160)
			CSD	Nhóm đất chưa sử dụng		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu đen (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: (255, 255, 254)
			CGT	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: màu đen (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: (255, 255, 254)
			BCS	Đất bằng chưa sử dụng		Kiểu đường viền: 1 Màu viền và nét trái: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255, 255, 254)
			DCS	Đất đồi núi chưa sử dụng		Kiểu đường viền: 1 Màu viền và nét trái: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (255, 255, 254)
			NCS	Núi đá không có rừng cây		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (230, 230, 200)

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
			MCS	Đất có mặt nước chưa sử dụng		Kiểu đường viền: 1 Màu viền: RGB (0,0,0) Độ rộng viền: 1 Màu nền: RGB (180,255, 255)

2.6. Quy định trình bày, hiển thị dữ liệu không gian giá đất

Mã đối tượng	Tên kiểu đối tượng	Thuộc tính hiển thị	Giá trị mã	Giá trị nhãn	Hiển thị	Ghi chú (Sử dụng hệ màu RGB)
VungGiaTri	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	tenVung giaDatVung	1	VGT-TenVung	VGT-TenVung	Màu nền: RGB (255,192,0)
ThuaDatChuan	dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)	soHieuToBanDo soHieuThuaDat giaTriThua	2	TC-To-Thua-Gia	TC-To-Thua-Gia	Màu nền: RGB (255,170,255)

PHỤ LỤC III

ĐỊNH DẠNG TRONG TRAO ĐỔI, CHIA SẺ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI VÀ SIÊU DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

I. Quy định về áp dụng GML hoặc GeoJSON trong trao đổi, chia sẻ dữ liệu không gian đất đai

1. Quy định dạng lược đồ ứng dụng

- a) Dạng lược đồ ứng dụng: GML hoặc GeoJSON;
- b) Tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan: ISO 19136:2007; ISO/IEC 21778/2017;
- c) Tên lược đồ ứng dụng GML hoặc GeoJSON: DD-GML 1.0; DD-GeoJSON 1.0;
- d) Bảng mã ký tự để mã hoá: UTF8;
- đ) Phiên bản GML hoặc GeoJSON thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

2. Quy định về tên tệp dữ liệu GML hoặc GeoJSON

- a) Tên tệp dữ liệu GML hoặc GeoJSON cho dữ liệu không gian đất đai các cấp được đặt theo quy tắc: DD-[Mã đơn vị hành chính]-[Loại dữ liệu]-[TenLop].gml hoặc DD-[Mã đơn vị hành chính]-[Loại dữ liệu]-[TenLop].geojson.

- Mã đơn vị hành chính: là mã của đơn vị hành chính các cấp;
- Loại dữ liệu: là mã của loại dữ liệu trong danh mục;
- Tên lớp dữ liệu: Danh mục các lớp thông tin dữ liệu được quy định thống nhất tại Phụ lục I của Thông tư này.

Ví dụ: DD-13633-LM01-ThuaDat.gml (Dữ liệu của phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định).

- b) Tên tệp dữ liệu GML hoặc GeoJSON khi đồng bộ hóa dữ liệu đất đai giữa các cấp được đặt theo quy tắc: DD-BD-[Ngày tạo]-[Mã đơn vị hành chính]-[Loại dữ liệu]-[TenLop].gml hoặc DD-BD-[Ngày tạo]-[Mã đơn vị hành chính]-[Loại dữ liệu]-[TenLop].geojson.

- Ngày tạo: là ngày tạo lập file dữ liệu;
- Mã đơn vị hành chính: là mã của đơn vị hành chính các cấp;

- Tên lớp dữ liệu: Danh mục các lớp thông tin dữ liệu được quy định thống nhất tại Phụ lục I của Thông tư này.

Ví dụ: DD-BD-01012020-13633-LM01-ThuaDat.gml (Dữ liệu đồng bộ của phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định).

II. Quy định về áp dụng XML hoặc JSON trong trao đổi, chia sẻ dữ liệu thuộc tính đất đai

1. Quy định dạng lược đồ ứng dụng

- a) Tên khuôn dạng: XML hoặc JSON;
- b) Tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan: ISO 19115-1:2014; ISO/IEC 21778/2017;
- c) Tên lược đồ ứng dụng XML: DD-XML 1.0 hoặc DD-JSON 1.0;
- d) Bảng mã ký tự để mã hoá: UTF8;
- đ) Phiên bản XML hoặc JSON thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

2. Quy định về tên tệp dữ liệu XML hoặc JSON

a) Tên tệp dữ liệu XML hoặc JSON cho dữ liệu thuộc tính đất đai các cấp được đặt theo quy tắc là: DD-[Mã đơn vị hành chính]-[Loại dữ liệu].xml hoặc DD-[Mã đơn vị hành chính]-[Loại dữ liệu].json.

- Mã đơn vị hành chính: là mã của đơn vị hành chính các cấp;
- Loại dữ liệu: là mã của loại dữ liệu trong danh mục;
- Tên lớp dữ liệu: Danh mục các lớp thông tin dữ liệu được quy định thống nhất tại Phụ lục I của Thông tư này;

Ví dụ: DD-13633-LM01.xml (Dữ liệu của phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định).

b) Tên tệp dữ liệu XML hoặc JSON khi đồng bộ hóa dữ liệu đất đai giữa các cấp được đặt theo quy tắc: DD-BD-[Ngày tạo]-[Mã đơn vị hành chính]-[Loại dữ liệu]-[TenLop].xml hoặc DD-BD-[Ngày tạo]-[Mã đơn vị hành chính]-[Loại dữ liệu]-[TenLop].json.

Ví dụ: DD-BD-01012020-13633-LM01-ThuaDat.xml (Dữ liệu đồng bộ của phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định).

PHỤ LỤC IV
YÊU CẦU VỀ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ, QUY MÔ
TRIỂN KHAI VÀ HIỆU NĂNG PHẦN MỀM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Yêu cầu	Yêu cầu đáp ứng	Mô tả yêu cầu đáp ứng
I	YÊU CẦU VỀ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ		
1	Yêu cầu tương thích với hạ tầng công nghệ thông tin	Triển khai trên Hệ điều hành máy chủ (Hỗ trợ song song IPv4, IPv6; Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi; Tính phổ biến; Nguồn nhân lực kinh nghiệm quản trị, vận hành sẵn có)	Phần mềm để triển khai hoạt động tốt trên Hệ điều hành máy chủ cần đáp ứng các yêu cầu: Hỗ trợ song song IPv4, IPv6; Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi; Tính phổ biến của Hệ điều hành máy chủ mà phần mềm tương thích; Nguồn nhân lực kinh nghiệm quản trị, vận hành sẵn có.
		Triển khai trên Hệ điều hành máy trạm (Hỗ trợ song song IPv4, IPv6; Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi; Tính phổ biến)	Phần mềm để triển khai hoạt động tốt trên Hệ điều hành máy trạm cần đáp ứng các yêu cầu: Hỗ trợ song song IPv4, IPv6; Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi; Tính phổ biến của Hệ điều hành máy trạm mà phần mềm tương thích.
		Triển khai trên Hệ điều hành di động (Tính phổ biến; Hỗ trợ song song IPv4, IPv6; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi)	Các phân hệ của Phần mềm để triển khai hoạt động tốt trên Hệ điều hành di động cần đáp ứng các yêu cầu: Tính phổ biến của Hệ điều hành di động mà phần mềm tương thích; Hỗ trợ song song IPv4, IPv6; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi.
		Triển khai trên Điện toán đám mây (Nền tảng như một dịch vụ (PaaS); Hạ tầng như một dịch vụ (IaaS); Đám mây công cộng (Public Cloud); Đám mây cộng đồng (Community Cloud); Đám mây riêng (Private Cloud); Đám mây lai (Hybrid Cloud))	Yêu cầu phần mềm hỗ trợ triển khai được trên tối thiểu trên 02 đám mây công cộng và đám mây riêng.
		Triển khai Phần mềm máy chủ Web (Hỗ trợ song	Các phân hệ của Phần mềm có thể triển khai hoạt động tốt trên nền tảng

TT	Yêu cầu	Yêu cầu đáp ứng	Mô tả yêu cầu đáp ứng
		song IPv4, IPv6; Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi; Tính phổ biến; Nguồn nhân lực kinh nghiệm quản trị, vận hành sẵn có)	Web và cần đáp ứng các yêu cầu: Hỗ trợ song song IPv4, IPv6; Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi; Tính phổ biến của các trình duyệt Web mà phần mềm tương thích; Nguồn nhân lực kinh nghiệm quản trị, vận hành sẵn có
		Triển khai trên Phần mềm máy chủ ứng dụng (Hỗ trợ song song IPv4, IPv6; Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi; Tính phổ biến; Nguồn nhân lực kinh nghiệm quản trị, vận hành sẵn có)	Phần mềm có thể triển khai và tương thích máy chủ ứng dụng, đáp ứng các yêu cầu: Hỗ trợ song song IPv4, IPv6; Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi; Tính phổ biến; Nguồn nhân lực kinh nghiệm quản trị, vận hành sẵn có.
		Triển khai trên Phần mềm máy chủ CSDL (Hỗ trợ song song IPv4, IPv6; Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi; Tính phổ biến; Nguồn nhân lực kinh nghiệm quản trị, vận hành sẵn có)	Phần mềm có thể triển khai và tương thích máy chủ CSDL, đáp ứng các yêu cầu: Hỗ trợ song song IPv4, IPv6; Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi; Tính phổ biến; Nguồn nhân lực kinh nghiệm quản trị, vận hành sẵn có.
2	Nền tảng phát triển ứng dụng, dịch vụ	Nền tảng quản trị cơ sở dữ liệu (Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng/cộng đồng; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi; Tính phổ biến; Tương thích với nhiều hệ điều hành phổ biến)	Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng hoặc cộng đồng; Có khả năng cập nhật các bản vá lỗi; Tính phổ biến; Tương thích với nhiều hệ điều hành phổ biến.
		Nền tảng GIS (Tương thích với nhiều hệ điều hành phổ biến; Có dịch vụ hỗ trợ từ hãng; Khả năng cập nhật các bản vá lỗi).	Có cam kết, giấy phép từ hãng đối với mã đóng. Có tài liệu chứng minh tuân thủ các chuẩn OGC, ISO hoặc TCVN nếu là mã mở (kèm URL của tài liệu để kiểm tra); Có khả năng cập nhật các bản vá lỗi.
3	Giải pháp truy cập và dịch vụ phân phối dữ liệu	Trình duyệt web (tối thiểu chạy trên các trình duyệt phổ biến như: chrome, firefox, edge, coccoc, safari, ...).	Phần mềm chạy trên các trình duyệt phổ biến như: Chrome, Firefox, Edge, Coccoc, Safari.
		Tiện ích trên thiết bị thông	Có các ứng dụng tiện ích tương thích

TT	Yêu cầu	Yêu cầu đáp ứng	Mô tả yêu cầu đáp ứng
		minh.	với các thiết bị thông minh.
		Kênh giao tiếp khác (Dịch vụ mạng xã hội, SMS, VoIP, Email, Kiosk...).	Bắt buộc áp dụng một trong hai kênh giao tiếp: SMS, Email.
4	Giải pháp chia sẻ, tích hợp	Cung cấp khả năng kết nối với các nền tảng chính phủ điện tử (NDXP, VDXP), nền tảng chính quyền điện tử (LGSP) của các bộ, ngành, địa phương.	Phần mềm có thể kết nối với các nền tảng chính phủ điện tử (NDXP, VDXP), nền tảng chính quyền điện tử (LGSP) của các bộ, ngành, địa phương.
		Đáp ứng các yêu cầu truyền dữ liệu an toàn trên mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước và trên mạng Internet.	Phần mềm phải đáp ứng các yêu cầu truyền dữ liệu an toàn trên mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước và trên mạng Internet.
		Có khả năng tích hợp với bất kỳ hệ thống thông tin được phát triển trên các ngôn ngữ lập trình khác nhau như C#, Java, C++, PHP, Python...	Phần mềm có khả năng tích hợp với bất kỳ hệ thống thông tin được phát triển trên các ngôn ngữ lập trình khác nhau như C#, Java, C++, PHP, Python...
		Các thành phần của nền tảng cho phép hoạt động được trên các máy chủ vật lý và máy chủ ảo, hoạt động được cả trên các chương trình phần mềm mã nguồn mở được cung cấp miễn phí (hệ thống vận hành, hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, máy chủ ứng dụng...).	Các thành phần của nền tảng cho phép hoạt động được trên các máy chủ vật lý và máy chủ ảo, hoạt động được cả trên các chương trình phần mềm mã nguồn mở được cung cấp miễn phí (hệ thống vận hành, hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, máy chủ ứng dụng...). Dẫn chứng các tài liệu từ hãng để chứng minh, kèm theo URL của tài liệu để kiểm tra.
II	YÊU CẦU VỀ PHẠM VI TRIỂN KHAI, SỐ LƯỢNG NGƯỜI DÙNG		
	Đáp ứng quy mô triển khai trên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường ²⁵	Lãnh đạo Bộ; các đơn vị trực thuộc Bộ; người dùng tại các đơn vị 500 người dùng.

²⁵ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

TT	Yêu cầu	Yêu cầu đáp ứng	Mô tả yêu cầu đáp ứng
	phạm vi toàn quốc và các nhóm người dùng khác nhau trong quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường ²⁶ và các đơn vị trực thuộc	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Sở Nông nghiệp và Môi trường ²⁷ và người dùng tại các đơn vị thuộc 900 người dùng.
		Văn phòng đăng ký đất đai	Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai, các đơn vị của Văn phòng đăng ký đất đai; người dùng tại các đơn vị 200 người dùng.
		²⁸ (được bãi bỏ)	(được bãi bỏ tương ứng)
		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; các đơn vị của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; người dùng tại các đơn vị 1500 người dùng.
		Ủy ban nhân dân ²⁹ cấp xã	Lãnh đạo xã/phường; người dùng tại các đơn vị 10000 người dùng.
III	YÊU CẦU VỀ HIỆU NĂNG PHẦN MỀM		
1	Thời gian phản hồi trung bình	Thời gian xử lý và đáp ứng các yêu cầu đăng nhập khi có lượng người sử dụng cao điểm (khoảng 90% thời gian): Trung bình: 15s	Phần mềm đảm bảo truy cập được khi có lượng người sử dụng cao điểm và thời gian xử lý đạt khoảng 90% thời gian phản hồi trung bình trong điều kiện bình thường.
		Thời gian xử lý và đáp ứng các yêu cầu giao dịch thông thường khi có lượng người sử dụng cao điểm (khoảng 90% thời gian): Trung bình: 15s	Phần mềm đảm bảo hoạt động được và đáp ứng các yêu cầu giao dịch thông thường khi có lượng người sử dụng cao điểm và thời gian xử lý đạt khoảng 90% thời gian phản hồi trung bình trong điều kiện bình thường.
		Thời gian xử lý và đáp ứng các yêu cầu giao dịch phức tạp khi có lượng người sử dụng cao điểm (khoảng 90% thời gian); Trung bình: 24s	Phần mềm đảm bảo hoạt động được và đáp ứng các yêu cầu giao dịch phức tạp khi có lượng người sử dụng cao điểm và thời gian xử lý đạt khoảng 90% thời gian phản hồi trung bình trong điều kiện bình thường.
		Thời gian xử lý và đáp ứng các yêu cầu báo cáo khi có	Phần mềm đảm bảo hoạt động được và đáp ứng các yêu cầu báo cáo khi có

²⁶ Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁷ Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁸ Các cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện”, “Phòng Tài nguyên và Môi trường” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

²⁹ Cụm từ “công chức địa chính cấp xã” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

TT	Yêu cầu	Yêu cầu đáp ứng	Mô tả yêu cầu đáp ứng
		lượng người sử dụng cao điểm (khoảng 90% thời gian): Trung bình: 90s	lượng người sử dụng cao điểm và thời gian xử lý đạt khoảng 90% thời gian phản hồi trung bình trong điều kiện bình thường.
2	Thời gian phản hồi chậm nhất	Thời gian xử lý và đáp ứng các yêu cầu đăng nhập khi có lượng người sử dụng cao điểm (khoảng 90% thời gian): Chậm nhất: 30s	Phần mềm đảm bảo hoạt động được và đáp ứng các yêu cầu đăng nhập khi có lượng người sử dụng cao điểm và thời gian xử lý đạt khoảng 90% thời gian phản hồi chậm nhất trong điều kiện bình thường.
		Thời gian xử lý và đáp ứng các yêu cầu giao dịch thông thường khi có lượng người sử dụng cao điểm (khoảng 90% thời gian): Chậm nhất: 30s	Phần mềm đảm bảo hoạt động được và đáp ứng các yêu cầu giao dịch thông thường khi có lượng người sử dụng cao điểm và thời gian xử lý đạt khoảng 90% thời gian phản hồi chậm nhất trong điều kiện bình thường.
		Thời gian xử lý và đáp ứng các yêu cầu giao dịch phức tạp khi có lượng người sử dụng cao điểm (khoảng 90% thời gian): Chậm nhất: 48s	Phần mềm đảm bảo hoạt động được và đáp ứng các yêu cầu giao dịch phức tạp khi có lượng người sử dụng cao điểm và thời gian xử lý đạt khoảng 90% thời gian phản hồi chậm nhất trong điều kiện bình thường.
		Thời gian xử lý và đáp ứng các yêu cầu báo cáo khi có lượng người sử dụng cao điểm (khoảng 90% thời gian): Chậm nhất: 180s	Phần mềm đảm bảo hoạt động được và đáp ứng các yêu cầu báo cáo khi có lượng người sử dụng cao điểm và thời gian xử lý đạt khoảng 90% thời gian phản hồi chậm nhất trong điều kiện bình thường.
3	Truy cập đồng thời	Hệ thống có khả năng đáp ứng số lượng truy cập theo yêu cầu của bộ/tỉnh cụ thể	Phần mềm đảm bảo hoạt động được và đáp ứng các yêu cầu số người sử dụng hoạt động đồng thời và ít nhất bằng 1/5 lần số lượng truy cập đồng thời trong điều kiện bình thường.
4	Số người sử dụng hoạt động đồng thời	Hệ thống có khả năng đáp ứng số người sử dụng hoạt động đồng thời (có thực hiện các tác vụ khác nhau phát sinh yêu cầu gửi đến hệ thống) ít nhất bằng 1/5 lần số lượng truy cập đồng thời (Mức độ hoạt động tương tự người sử dụng đã sử dụng thành thạo hệ thống)	Phần mềm đảm bảo hoạt động được và đáp ứng các yêu cầu số người sử dụng hoạt động đồng thời và ít nhất bằng 1/5 lần số lượng truy cập đồng thời trong điều kiện bình thường.

PHỤ LỤC V
YÊU CẦU VỀ CHỨC NĂNG PHẦN MỀM
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

STT	Yêu cầu	Yêu cầu đáp ứng	Mô tả yêu cầu đáp ứng
I	CHỨC NĂNG QUẢN TRỊ HỆ THỐNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU		
1	Quản lý, giám sát, cấp tài khoản và phân quyền cho các nhóm người dùng; sao lưu, phục hồi dữ liệu; quản lý, thống kê tình hình truy cập hệ thống, tra cứu thông tin đất đai của người dùng	Quản lý, giám sát, cấp tài khoản và phân quyền cho các nhóm người dùng	- Phần mềm có các chức năng để tạo, quản lý tài khoản, phân quyền về việc sử dụng các công cụ phần mềm, cập nhật dữ liệu trong CSDL cho các loại người dùng như sau: Người sử dụng đất; Chuyên viên nghiệp vụ tiếp nhận và trả kết quả xử lý hồ sơ; Chuyên viên nghiệp vụ tại chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; Lãnh đạo chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;³⁰ Lãnh đạo UBND cấp xã;³¹ Chuyên viên thuộc phòng có chức năng khai thác, sử dụng hệ thống thông tin đất đai thuộc UBND cấp xã³²; Lãnh đạo phòng có chức năng khai thác, sử dụng hệ thống thông tin đất đai thuộc UBND cấp xã³³; Chuyên viên nghiệp vụ tại Văn phòng Đăng ký đất đai; Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai; Chuyên viên phòng chức năng thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường³⁴; Lãnh đạo phòng chức năng thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường³⁵; Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường³⁶. - Giám sát: ghi lại các tác nhân của người dùng khi thực hiện nghiệp vụ (ví dụ: người dùng A thực hiện tạo mới đơn đăng ký; biên động tách, gộp thửa....).

³⁰ Cụm từ “công chức địa chính cấp xã” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³¹ Cụm từ “Phòng Tài nguyên và Môi trường” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³² Cụm từ “cấp huyện” được thay thế bởi cụm từ “cấp xã” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³³ Cụm từ “cấp huyện” được thay thế bởi cụm từ “cấp xã” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³⁴ Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³⁵ Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³⁶ Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

		Quản lý, cấp tài khoản và phân quyền cho các đối tượng sử dụng hệ thống	Có công cụ quản trị người dùng (thêm, sửa, xóa, cập nhật...) để quản lý, cấp tài khoản và phân quyền cho các đối tượng sử dụng hệ thống.
		Sao lưu, phục hồi dữ liệu	- Phần mềm có chức năng sao lưu (backup), phục hồi (restore) dữ liệu đang được phần mềm quản lý vận hành. - Phần mềm có chức năng sao lưu, phục hồi đầy đủ các khối dữ liệu (không gian, thuộc tính, hồ sơ quét). - Cho phép sao lưu phục hồi theo chu kỳ.
		Quản lý, thống kê tình hình truy cập hệ thống, tra cứu thông tin đất đai của người dùng	Có chức năng quản lý nhật ký (log) truy cập hệ thống, tra cứu dữ liệu đất đai như số lượng người dùng, thời gian truy cập, loại dữ liệu truy cập...
2	Quản lý, giám sát về kết nối, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin khác	Yêu cầu về quản lý, giám sát về kết nối, tích hợp, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin khác	Có chức năng quản lý, giám sát về kết nối, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin khác.
3	Nội dung, cấu trúc	Nội dung, cấu trúc của cơ sở dữ liệu quốc	Cơ sở dữ liệu đất đai do phần mềm quản lý phải đầy đủ các thành phần và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin

	của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	gia về đất đai được thiết kế theo quy định	của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ³⁷ quy định.
4	Trao đổi, kế thừa các kết quả xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai của các địa phương	Trao đổi dữ liệu với các phần mềm ứng dụng khác qua cấu trúc XML, GML, JSON, GeoJSON Kế thừa, chuyển đổi được kết quả xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đang được vận hành của các địa phương	- Có công cụ trao đổi, phân phối dữ liệu đất đai theo chuẩn định dạng dữ liệu sử dụng trong trao đổi, phân phối dữ liệu đất đai được áp dụng theo ngôn ngữ định dạng XML, GML, JSON, GeoJSON; chuẩn định dạng siêu dữ liệu sử dụng trong trao đổi, phân phối siêu dữ liệu đất đai được áp dụng theo ngôn ngữ định dạng mở rộng XML, JSON. - Dữ liệu sau khi trao đổi qua cấu trúc GML, XML, JSON, GeoJSON phải đảm bảo toàn vẹn về mặt nội dung (bao gồm cả dữ liệu lịch sử biến động của thửa đất). - Có khả năng tùy biến về lựa chọn nhóm dữ liệu, phạm vi hành chính để xuất ra cấu trúc GML, XML, JSON, GeoJSON. - Có công cụ chuyển đổi dữ liệu đất đai đã được xây dựng, vận hành ở địa phương của một trong các phần mềm như: ViLIS 2.0, ELIS, TMV.LIS, SouthLIS, DongNaiLIS, VBDLIS, VNPT-iLIS. - Dữ liệu sau khi chuyển đổi phải đảm bảo tính toàn vẹn về nội dung, số lượng dữ liệu.
II	CHỨC NĂNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, CẬP NHẬT, KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI CỦA TRUNG ƯƠNG		
1	Tin học hóa và quản lý quy trình luân chuyển hồ sơ theo quy định thủ tục hành chính về	Thiết lập, cập nhật, vận hành quy trình luân chuyển hồ sơ theo thủ tục hành chính	Có công cụ để người dùng thiết lập, cập nhật, vận hành quy trình luân chuyển hồ sơ theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, đảm bảo việc cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu địa chính được thực hiện liên tục, thường xuyên ngay trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai.

³⁷ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

	đất đai		
2	Quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai do trung ương quản lý	Quản lý cơ sở dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia	Có giải pháp, công cụ quản lý cơ sở dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia (hiển thị dữ liệu thuộc tính, hiển thị dữ liệu không gian, hiển thị dữ liệu phi cấu trúc, cập nhật dữ liệu, khai thác chia sẻ dữ liệu).
		Quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thống kê đất đai, kiểm kê đất đai cả nước, vùng kinh tế - xã hội; kiểm kê theo chuyên đề	Có giải pháp, công cụ quản lý cơ sở dữ liệu về thống kê đất đai, kiểm kê đất đai cả nước, vùng kinh tế - xã hội; kiểm kê theo chuyên đề (hiển thị dữ liệu thuộc tính, hiển thị dữ liệu không gian, cập nhật dữ liệu, khai thác chia sẻ dữ liệu).
		Quản lý dữ liệu tổng hợp về giá đất	Có giải pháp, công cụ quản lý dữ liệu tổng hợp về giá đất.
		Quản lý cơ sở dữ liệu được đồng bộ, tích hợp từ cơ sở dữ liệu đất đai của các địa phương	- Có giải pháp, công cụ quản lý thông tin đồng bộ, tích hợp từ cơ sở dữ liệu đất đai của các địa phương (hiển thị dữ liệu thuộc tính, hiển thị dữ liệu không gian, cập nhật dữ liệu, khai thác chia sẻ dữ liệu). - Có công cụ tổng hợp số liệu đối với lĩnh vực đất đai theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường³⁸.
		Quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước	Có giải pháp, công cụ quản lý cơ sở dữ liệu về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất cấp vùng kinh tế - xã hội, cả nước (hiển thị dữ liệu thuộc tính, hiển thị dữ liệu không gian, cập nhật dữ liệu, khai thác chia sẻ dữ liệu).

³⁸ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

		Quản lý cơ sở dữ liệu khác liên quan đến đất đai do trung ương quản lý	Có giải pháp, công cụ quản lý dữ liệu khác liên quan đến đất đai do trung ương quản lý.
		Quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung	Có giải pháp, công cụ quản lý danh mục dữ liệu dùng chung đối với lĩnh vực đất đai, mã định danh các cơ quan, mã hồ sơ thủ tục hành chính và việc đồng bộ tình hình xử lý hồ sơ thủ tục hành chính với Cổng dịch vụ công quốc gia.
3	Tổng hợp, báo cáo hỗ trợ ra quyết định từ cơ sở dữ liệu đất đai do trung ương quản lý	Tổng hợp, thống kê hiện trạng dữ liệu đất đai cả nước trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo các tiêu chí khác nhau	Có công cụ để người sử dụng tổng hợp tự động các mẫu biểu, thống kê hiện trạng dữ liệu đất đai cả nước theo tùy biến như theo thời gian, theo đối tượng sử dụng, theo loại đất....
		Tổng hợp, thống kê tình trạng giải quyết thủ tục hành chính, tình hình đăng ký biến động đất đai ở các địa phương, cấp Giấy chứng nhận	Có công cụ tổng hợp, thống kê tình trạng giải quyết thủ tục hành chính, tình hình đăng ký biến động đất đai ở các địa phương, cấp Giấy chứng nhận.
		Tổng hợp, thống kê tình trạng trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý đất đai và cơ quan Thuế	Có công cụ tổng hợp, thống kê tình trạng trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý đất đai và cơ quan Thuế.
		Tổng hợp, thống kê tình trạng trao đổi thông tin giữa cơ quan quản	Có công cụ tổng hợp, thống kê tình trạng trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý đất đai và các Bộ, ngành khác.

		lý đất đai và các Bộ, ngành khác	
		Tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định theo yêu cầu	Có giải pháp và công cụ cho phép tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định theo tùy biến của người sử dụng.
III	CHỨC NĂNG VỀ NGHIỆP VỤ ĐẤT ĐAI TẠI ĐỊA PHƯƠNG		
1	Tin học hóa các quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển hồ sơ theo quy định thủ tục hành chính về đất đai	Thiết lập, cập nhật, vận hành quy trình luân chuyển hồ sơ theo thủ tục hành chính về đất đai tại địa phương	Có công cụ để người dùng thiết lập, cập nhật, vận hành quy trình luân chuyển hồ sơ theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, đảm bảo việc cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu địa chính được thực hiện liên tục, thường xuyên ngay trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai.
2	Quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai do địa phương quản lý	Quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu đất đai phi cấu trúc và siêu dữ liệu đất đai	Có giải pháp và công cụ để quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu đất đai phi cấu trúc và siêu dữ liệu đất đai
2.1	Quản lý dữ liệu không gian	Điều hướng bản đồ	- Có công cụ để người dùng có thể phóng to bản đồ, thu nhỏ bản đồ, di chuyển hiển thị bản đồ không gian. - Các chức năng đảm bảo yêu cầu về mặt kỹ thuật: thời gian, hiển thị đầy đủ thông tin...
		Hiển thị bản đồ theo nhóm các lớp dữ liệu không gian	- Hiển thị các nhóm lớp dữ liệu không gian trên nền web. - Có công cụ để người dùng có thể hiển thị bản đồ theo lớp dữ liệu không gian ảnh vệ tinh (VN2000); hiển thị bản đồ theo lớp dữ liệu không gian đất đai nền; hiển thị bản đồ theo từng dữ liệu địa chính, điều tra, đánh giá, bảo

			vệ, cải tạo, phục hồi đất, dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dữ liệu giá đất, dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai. - Các chức năng đảm bảo yêu cầu về mặt kỹ thuật: bật, tắt các lớp thông tin; thay đổi thứ tự hiển thị các lớp thông tin; chồng xếp các lớp thông tin.
		Các công cụ biên tập bản đồ	- Có các công cụ để biên tập (sửa, xóa, tạo mới, chọn đối tượng, bắt điểm) các đối tượng không gian của bản đồ (đường, điểm, vùng, kí hiệu và các ghi chú dạng chữ). - Có công cụ để người dùng có thể hiển thị bản chú giải bản đồ, hiển thị bảng điều khiển lớp dữ liệu bản đồ, đo đặc kích thước trên bản đồ. - Các chức năng đảm bảo yêu cầu về mặt kỹ thuật: hiển thị đầy đủ thông tin; các công cụ về đo đạc thao tác thuận tiện, chính xác.
		Nhập, xuất và in bản đồ	- Có công cụ hỗ trợ để người dùng có thể nhập, xuất dữ liệu giữa bản đồ địa chính và dữ liệu không gian, in bản đồ từ khung hiển thị, in bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, in phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, in trích lục bản đồ địa chính. - Nhập xuất dữ liệu thửa đất/tờ bản đồ sang DGN file, xuất dữ liệu thửa đất/tờ bản đồ sang Shapefile, xuất dữ liệu thửa đất/tờ bản đồ sang GML, GeoJSON.
		Tra cứu dữ liệu không gian	- Có công cụ để người dùng tra cứu đối tượng không gian thửa đất, lịch sử thửa đất, thửa đất lịch sử theo: số tờ, số thửa, mục đích sử dụng, tên người sử dụng. - Đảm bảo tính tùy biến, cho phép tra cứu theo nhiều tiêu chí khác nhau. - Kết quả tìm kiếm có liên kết thuộc tính và đồ họa, hiển thị một cách trực quan, đầy đủ thông tin.

		Cập nhật trích đo thửa đất	Có công cụ để người dùng cập nhật dữ liệu không gian từ dữ liệu trích đo thửa đất: - Trường hợp dữ liệu trích đo thửa đất theo tọa độ VN2000 thì cập nhật hoặc tạo mới vào dữ liệu không gian địa chính. - Trường hợp có sơ đồ, bản trích đo địa chính theo hệ tọa độ giả định hoặc bản đồ giải thửa dạng giấy thì quét và định vị trên dữ liệu không gian đất đai nền.
		Biên tập sơ đồ thửa đất	Có công cụ để người dùng biên tập sơ đồ thửa đất: - Biên tập sơ đồ thửa đất theo các mẫu quy định. - Sơ đồ thửa đất sau khi biên tập được trình bày đúng theo quy định.
		Chỉnh lý, biên tập dữ liệu không gian	Phần mềm có phân hệ thực hiện việc chỉnh lý, biên tập dữ liệu không gian (có thể xây dựng trên môi trường desktop hoặc trên môi trường web), cho phép người dùng có thể thực hiện biên tập dữ liệu không gian với các thao tác xử lý đồ họa phức tạp, các chức năng chính của nhóm này gồm có: - Lựa chọn đối tượng: chức năng này cho phép người dùng có thể sử dụng Công cụ tìm kiếm đối tượng không gian theo điểm với một khoảng cách cho trước, tìm kiếm đối tượng không gian nằm trong một vùng không gian, tìm kiếm đối tượng không gian theo đường cắt, tìm kiếm dữ liệu không gian theo truy vấn thuộc tính của đối tượng... - Điều hướng và hiển thị bản đồ: chức năng này cho phép người dùng có thể phóng to bản đồ, thu nhỏ bản đồ, di chuyển bản đồ, quản lý lớp bản đồ, tô màu lớp bản đồ, thiết lập tỷ lệ hiển thị của lớp bản đồ. - Tra cứu, tìm kiếm: chức năng này cho phép người dùng có thể tra cứu thông tin chi tiết của đối tượng (identify), xem thông tin chi tiết của đối tượng (identify). - Quản lý lịch sử thao tác: chức năng này cho phép người dùng có thể quay lại thao tác trước (undo), tiến đến thao tác sau (redo). - Biên tập dữ liệu: chức năng này cho phép

			người dùng có thể lựa chọn lớp dữ liệu để biên tập, bắt điểm khi biên tập, biên tập đối tượng dạng điểm, biên tập đối tượng dạng đường, biên tập đối tượng dạng vùng, lựa chọn chính xác đối tượng cần biên tập, di chuyển đối tượng (move), sao chép đối tượng (copy), sử dụng các công cụ dựng hình; chồng xếp trên dữ liệu ảnh vệ tinh, ảnh hàng không; chồng xếp trên bản đồ nền (VN2000). - Kiểm tra dữ liệu: chức năng này cho phép người dùng có thể kiểm tra dữ liệu khi đang thực hiện biên tập dữ liệu không gian. - Các công cụ hỗ trợ: gồm các công cụ hỗ trợ cho việc biên tập dữ liệu không gian địa chính.
2.2	Quản lý dữ liệu thuộc tính đất đai	Các thông tin về dữ liệu thuộc tính đất đai (quy định tại Điều 6 của Thông tư này)	- Quản lý được đầy đủ các thông tin thuộc tính đất đai. - Phần mềm có các công cụ để quản trị các dữ liệu thuộc tính đất đai.
		Cập nhật, chỉnh lý dữ liệu thuộc tính đất đai (quy định tại Điều 6 của Thông tư này)	- Có công cụ để người dùng thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý dữ liệu thuộc tính đất đai. - Đảm bảo được tính liên kết giữa các nhóm dữ liệu trong dữ liệu thuộc tính đất đai, tính liên kết giữa dữ liệu thuộc tính với dữ liệu không gian, dữ liệu đất đai phi cấu trúc.
		Tra cứu dữ liệu thuộc tính đất đai	Có công cụ để người dùng tra cứu, tìm kiếm theo thông tin dữ liệu thuộc tính đất đai theo nhiều điều kiện khác nhau.
		Tra cứu thông tin lịch sử biến động của thửa đất	Có công cụ để người dùng tra cứu lịch sử biến động của thửa đất, thửa đất lịch sử theo các tiêu chí khác nhau.
2.3	Quản lý dữ liệu đất đai phi cấu trúc	Các thông tin về dữ liệu đất đai phi cấu trúc (quy định tại Điều 7 của Thông tư này)	Có công cụ để quản lý đầy đủ dữ liệu đất đai phi cấu trúc (bao gồm các tập tin pdf, tập tin văn bản, tập tin ảnh, tập tin đồ họa và các dạng dữ liệu phi cấu trúc khác về: địa chính; điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thống kê, kiểm kê đất đai; dữ liệu khác liên quan đến đất đai)
		Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Có công cụ để người dùng có thể cập nhật, sửa đổi, bổ sung tệp dữ liệu đất đai phi cấu trúc và

		dữ liệu phi cấu trúc	thông tin mô tả.
		Quản lý thông tin vị trí hồ sơ lưu trữ trong kho	Có công cụ để người dùng có thể quản lý vị trí lưu trữ của bộ hồ sơ nằm ở phòng, kệ, ngăn, hộp nào của kho dữ liệu giấy.
		Tra cứu dữ liệu đất đai phi cấu trúc	Có công cụ để người dùng tra cứu, tìm kiếm theo thông tin đất đai phi cấu trúc theo nhiều điều kiện khác nhau.
2.4	Quản lý Siêu dữ liệu đất đai	Giải pháp và công cụ để tạo lập siêu dữ liệu đất đai	Giải pháp và có công cụ để tạo lập siêu dữ liệu đất đai, gồm các thành phần địa chính; thông kê, kiểm kê đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Giá đất; điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.
		Công cụ cập nhật, tra cứu các thành phần thông tin siêu dữ liệu đất đai	Có công cụ cập nhật, tra cứu các thành phần thông tin siêu dữ liệu đất đai, gồm các thành phần địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.
3	Nghiệp vụ quản lý đất đai của địa phương	Đáp ứng được công tác nghiệp vụ quản lý đất đai của địa phương	Có giải pháp và công cụ đáp ứng để thực hiện được nghiệp vụ quản lý đất đai của địa phương.
3.1	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu	Thực hiện thủ tục đăng ký, lập hồ sơ địa chính	Có công cụ để người dùng thực hiện đăng ký, luân chuyển hồ sơ theo trình tự các bước công việc về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu theo Bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai đã được cấp có thẩm quyền ban hành, đảm bảo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu địa chính được thực hiện liên tục, thường xuyên ngay trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai.
		Biên tập các hồ sơ về thửa đất	Có công cụ để người dùng có thể biên tập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất; phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; trích lục bản đồ địa chính.
		Dự thảo giấy tờ kèm theo	Có công cụ để người sử dụng dự thảo các giấy tờ kèm theo thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
		Biên tập, in Giấy chứng	Có công cụ để người dùng sử dụng để biên tập nội dung Giấy chứng nhận, biên tập sơ đồ thửa

		nhận	đất, biên tập sơ đồ tài sản gắn liền với đất, in Giấy chứng nhận theo quy định.
		Lập, quản lý Sổ địa chính	- Có công cụ để người dùng lập Sổ địa chính từ cơ sở dữ liệu địa chính; quản lý, tra cứu Sổ địa chính theo quy định. - Tích hợp công cụ ký số điện tử.
3.2	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất	Thực hiện các thủ tục đăng ký biến động	Có công cụ để người dùng thực hiện đăng ký, luân chuyển hồ sơ theo quy trình các bước công việc về đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai đã được cấp có thẩm quyền ban hành, đảm bảo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu địa chính được thực hiện liên tục, thường xuyên ngay trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai.
		Cập nhật các thông tin về thuộc tính, không gian, dữ liệu đất đai phi cấu trúc khi có biến động	Có công cụ để người dùng cập nhật, chỉnh lý các thông tin về thuộc tính, không gian, dữ liệu đất đai phi cấu trúc.
		Quản lý lịch sử biến động	- Có công cụ để người dùng quản lý, tra cứu được lịch sử biến động. - Quản lý thông tin lịch sử biến động, thay đổi của dữ liệu địa chính: Nội dung biến động đất đai thông qua thực hiện thủ tục hành chính hoặc những biến động, thay đổi khác được cơ quan có thẩm quyền cho phép cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai thì phải được tổ chức, lưu trữ trong cơ sở dữ liệu và đảm bảo tính toàn vẹn và liên kết giữa các thành phần dữ liệu, liên kết theo lịch sử hình thành của dữ liệu, hồ sơ để phục vụ trích xuất, tra cứu thông tin đầy đủ và thuận tiện theo 2 chiều (tra cứu từ bất kỳ thời điểm biến động, thay đổi nào cũng cho ra kết quả biến động, thay đổi trước thời điểm tra cứu và sau thời điểm tra cứu (nếu có)).
		Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính	Có công cụ để người dùng cập nhật, chỉnh lý Sổ mục kê, Sổ địa chính.
3.3	Quy	Quản lý quy	- Quản lý hồ sơ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh,

	hoạch, kế hoạch sử dụng đất	hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện	cấp huyện; quản lý bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện; quản lý bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. - Có công cụ để người dùng mở xem bản vẽ quy hoạch từ dự án quy hoạch được lựa chọn, tính diện tích quy hoạch theo từng mục đích sử dụng đất theo dự án, so sánh các tỷ lệ về diện tích của các mục đích sử dụng đất trong một dự án, in ấn bản đồ quy hoạch sử dụng đất.
		Chồng xếp bản đồ quy hoạch lên bản đồ địa chính	- Có công cụ để người dùng chồng xếp bản đồ quy hoạch lên bản đồ địa chính. - Cho phép chồng xếp linh hoạt theo từng loại đối tượng, phạm vi địa lý.
		Quản lý, cập nhật về công trình, danh mục dự án có sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện	Có công cụ để người dùng nhập, cập nhật thông tin về công trình, danh mục dự án có sử dụng đất tại cấp huyện, cấp tỉnh.
		Cập nhật nội dung điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Có công cụ để người dùng nhập, cập nhật điều chỉnh theo kỳ quy hoạch và năm kế hoạch.
3.4	Giá đất	Quản lý bộ số liệu bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất	- Có công cụ để người dùng khởi tạo bộ số liệu giá đất, chỉnh sửa thông tin mô tả về bộ số liệu, tìm kiếm, xóa, nhân bản bộ số liệu giá đất, khóa bộ số liệu theo chu kỳ. - Quản lý hệ số điều chỉnh giá đất. - Quản lý theo chu kỳ thời gian.
		Quản lý, cập nhật dữ liệu về giá đất	Có công cụ để người dùng nhập, điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất, thửa đất chuẩn, thửa đất định giá cụ thể, thửa đất trúng đấu giá, ...
		Tra cứu dữ liệu giá đất	Có công cụ để người dùng tra cứu thông tin về giá đất theo các tiêu chí khác nhau.
		Quản lý dữ liệu không gian về giá đất	Có công cụ cho phép người dùng quản lý dữ liệu không gian về giá đất như: vùng giá trị, thửa đất chuẩn, thửa đất cụ thể, ...

3.5	Thống kê, kiểm kê đất đai	Cập nhật, khai thác dữ liệu thống kê các cấp	Có công cụ để người dùng cập nhật, khai thác dữ liệu thống kê các cấp (cấp tỉnh, cấp xã ³⁹).
		Quản lý bản đồ khoanh đất, hiện trạng sử dụng đất	- Có công cụ để người dùng quản lý bản đồ khoanh đất, hiện trạng sử dụng đất. - Có các công cụ để người dùng thực hiện các thao tác về hiển thị, tra cứu trên dữ liệu bản đồ.
		Tính toán giá trị, xuất biểu Thống kê, kiểm kê, tổng hợp các mẫu biểu từ cấp xã lên cấp tỉnh ⁴⁰	- Có công cụ để dùng tính toán giá trị biểu thống kê, kiểm kê. - Có công cụ để người dùng tổng hợp các mẫu biểu từ cấp xã lên cấp tỉnh⁴¹. - Có thể tổng hợp tự động các mẫu biểu. - Xuất ra các mẫu biểu theo đúng quy định.
		Hỗ trợ đối soát dữ liệu	Có công cụ để người dùng đối soát dữ liệu các loại đất với bản đồ kết quả điều tra.
		Quản lý tài liệu phi cấu trúc thống kê, kiểm kê đất đai	Có công cụ để người dùng nhập tài liệu phi cấu trúc thống kê, kiểm kê cấp xã, cấp tỉnh ⁴² .
3.6	Điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Quản lý, cập nhật, khai thác dữ liệu về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Có công cụ để người dùng quản lý, cập nhật, khai thác dữ liệu về điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.
3.7	Các công cụ hỗ trợ nghiệp vụ đất đai khác	Công cụ quản lý Phôi Giấy chứng nhận	- Có công cụ để người dùng quản lý Phôi Giấy chứng nhận. - Đảm bảo quản lý việc sử dụng phôi Giấy chứng nhận theo đúng quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁴³.

³⁹ Cụm từ “cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã” được thay thế bởi cụm từ “cấp tỉnh, cấp xã” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴⁰ Cụm từ “tổng hợp các mẫu biểu từ cấp xã lên cấp huyện và từ cấp huyện lên cấp tỉnh” được thay thế bởi cụm từ “tổng hợp các mẫu biểu từ cấp xã lên cấp tỉnh” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴¹ Cụm từ “tổng hợp các mẫu biểu từ cấp xã lên cấp huyện và từ cấp huyện lên cấp tỉnh” được thay thế bởi cụm từ “tổng hợp các mẫu biểu từ cấp xã lên cấp tỉnh” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴² Cụm từ “Có công cụ để người dùng nhập tài liệu phi cấu trúc thống kê, kiểm kê cấp xã, huyện, tỉnh” được thay thế bởi cụm từ “Có công cụ để người dùng nhập tài liệu phi cấu trúc thống kê, kiểm kê cấp xã, cấp tỉnh” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

4	Tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định	Tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định từ cơ sở dữ liệu đất đai do địa phương quản lý	Có giải pháp và công cụ cho phép tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định theo tùy biến của người sử dụng.
5	Kết nối, đồng bộ, tích hợp dữ liệu đất đai	Kết nối, đồng bộ, tích hợp dữ liệu đất đai của các địa phương lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	- Có chức năng cung cấp dịch vụ sẵn sàng kết nối, đồng bộ, tích hợp dữ liệu đất đai ở địa phương lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định. - Có chức năng tích hợp mã QR lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.
IV	CHỨC NĂNG VỀ TRAO ĐỔI, CHIA SẺ THÔNG TIN DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI		
1	Kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với các Cổng dịch vụ công tại Trung ương	Kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường ⁴⁴	Có chức năng cung cấp dịch vụ sẵn sàng chia sẻ, tiếp nhận thông tin với hệ thống cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường ⁴⁵ .
2	Kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với Hệ thống thông tin giải quyết thủ	Kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai do địa phương quản lý với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của địa phương	Có chức năng cung cấp dịch vụ sẵn sàng chia sẻ, tiếp nhận thông tin với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

⁴³ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴⁴ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴⁵ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

	tục hành chính cấp tỉnh		
3	Kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ quan thuế	Kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ quan Thuế để trao đổi thông tin theo hình thức điện tử khi xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất	Có chức năng cung cấp dịch vụ sẵn sàng chia sẻ, tiếp nhận thông tin với hệ thống cơ quan thuế.
4	Kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định	Có chức năng cung cấp dịch vụ sẵn sàng chia sẻ, tiếp nhận thông tin với thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và giải pháp, công cụ tự động điền các thông tin và biểu mẫu, tờ khai; cập nhật thông tin công dân thay đổi trên Hệ thống khi kết nối với CSDL quốc gia về dân cư.
5	Kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật	Kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật theo quy định	Có chức năng cung cấp dịch vụ sẵn sàng chia sẻ, tiếp nhận thông tin với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật
6	Kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai	Kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra và	Có chức năng cung cấp dịch vụ sẵn sàng chia sẻ, tiếp nhận thông tin với hệ thống cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra và cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

	với cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra và cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định	
7	Kết nối, chia sẻ dữ liệu khi địa phương thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu đất đai của các địa phương lên cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia	Có chức năng cung cấp dịch vụ sẵn sàng chia sẻ, tiếp nhận, đồng bộ dữ liệu đất đai của các địa phương lên cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia theo thời gian thực.
		Kết nối, chia sẻ dữ liệu khi địa phương thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai (thực hiện trên hệ thống) lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	Có chức năng cung cấp dịch vụ sẵn sàng chia sẻ, tiếp nhận dữ liệu khi địa phương thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai (thực hiện trên hệ thống) lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo thời gian thực.
8	Kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai với các cơ sở dữ liệu quốc gia	Kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu đất đai với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các Bộ, ngành khác	Có giải pháp, công cụ dịch vụ sẵn sàng chia sẻ, tiếp nhận thông tin với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và các Bộ, ngành khác.

	gia khác và các cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành		
V	CHỨC NĂNG HỖ TRỢ NGƯỜI DÙNG		
1	Ghi nhận phản hồi của người dùng và trợ giúp trực tuyến từ phần mềm	Phương thức hỗ trợ kỹ thuật	Hỗ trợ trực tuyến trên phần mềm; Hỗ trợ trực tiếp qua thiết bị di động, Email, SMS, MMS; Hỗ trợ trực tiếp.
		Ghi nhận phản hồi của người dùng và hỗ trợ chỉnh sửa lỗi và các yêu cầu phát sinh	Có các chức năng để ghi nhận phản hồi của người dùng và trợ giúp trực tuyến về chỉnh sửa lỗi và các yêu cầu phát sinh trên phần mềm.
2	Cập nhật các bản vá lỗi	Cập nhật bản vá lỗi kỹ thuật tự động	Tự động cập nhật các bản vá lỗi kỹ thuật theo chu kỳ hoặc đột xuất.

PHỤ LỤC VI
YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THÔNG TIN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

TT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả yêu cầu
I	Xác thực	
1	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình phần mềm.	- Có giao diện quản lý tài khoản người sử dụng. - Yêu cầu xác thực người sử dụng khi truy cập quản trị, cấu hình phần mềm. - Yêu cầu xác thực người sử dụng khi truy cập sử dụng phần mềm.
2	Có chức năng cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống.	Thông tin xác thực được lưu trữ có mã hóa trên Phần mềm sử dụng thuật toán hash từ SHA-256, SHA-512, SHA-3 và các thuật toán tương đương
3	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng.	- Có chức năng yêu cầu người dùng đặt mật khẩu mới khi đăng nhập lần đầu sử dụng mật khẩu mặc định. - Có chức năng cho phép thiết lập quy tắc đặt mật khẩu về số ký tự, loại ký tự. - Có chức năng cho phép thiết lập thời gian yêu cầu thay đổi mật khẩu. - Có chức năng cho phép thiết lập thời gian mật khẩu hợp lệ. - Khóa tài khoản và yêu cầu nhập mật khẩu mới khi mật khẩu của tài khoản đó hết hạn thời gian hợp lệ. - Mở khóa tài khoản khi thay đổi mật khẩu thành công đối với trường hợp mật khẩu hết hạn thời gian hợp lệ.
4	Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định	- Có giao diện cho phép thiết lập chính sách về giới hạn số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định. - Có chức năng cảnh báo tới người sử dụng khi vi phạm chính sách. - Có chức năng tự động ngăn cản việc đăng nhập tự động khi vi phạm chính sách trên. - Có chức năng tự động vô hiệu hóa tài khoản nếu vi phạm chính sách trên.
5	Có chức năng cho phép mã hóa	Chức năng bảo đảm mật khẩu được mã hóa trước khi gửi qua môi trường mạng.

TT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả yêu cầu
	thông tin xác thực trước khi gửi qua môi trường mạng	
6	Có chức năng cho phép sử dụng cơ chế xác thực đa nhân tố để xác thực người sử dụng	- Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về xác thực đa nhân tố. - Tích hợp các bước xác thực đa nhân tố khi chính sách đối với trường hợp này được kích hoạt.
II	Kiểm soát truy cập	
1	Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout).	- Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout) để đóng phiên kết nối khi Phần mềm không nhận được yêu cầu từ người dùng. - Hiện thị thông báo, đóng phiên kết nối đã hết hạn thời gian timeout và yêu cầu đăng nhập lại.
2	Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa.	- Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa. - Có chức năng thực thi chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa ở trên.
3	Có chức năng cho phép phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của Phần mềm với người sử dụng/nhóm người sử dụng có chức năng, yêu cầu nghiệp vụ khác nhau.	- Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về phân quyền tài khoản theo từng nhóm tài khoản. - Phân loại nhóm tài khoản theo ít nhất 03 nhóm, gồm: tài khoản người sử dụng thông thường; tài khoản quản trị mức sử dụng; tài khoản quản trị mức phát triển, vận hành. - Có chức năng thực thi chính sách phân quyền và cấp quyền tối thiểu truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau ở trên.
4	Có chức năng cho phép thiết lập quyền tối thiểu (quyền truy cập, quản trị) cho tài khoản quản trị ứng dụng theo quyền hạn.	- Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập quyền cho các tài khoản. - Có chức năng thực thi chính sách phân quyền cho các tài khoản ở trên.
III	Nhật ký hệ thống	
1	Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin.	- Phần mềm cung cấp chức năng ghi nhật ký hệ thống. - Nhật ký hệ thống được phân loại theo ít nhất 05 nhóm, gồm: nhật ký truy cập Phần mềm; nhật ký đăng nhập khi quản trị Phần mềm; nhật ký các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động;

TT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả yêu cầu
		nhật ký quản lý tài khoản; nhật ký thay đổi cấu hình Phần mềm.
2	Có chức năng cho phép quản lý và lưu trữ nhật ký hệ thống trên hệ thống quản lý tập trung.	- Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về nhật ký hệ thống. - Cho phép quản trị viên cấu hình khoảng thời gian lưu trữ nhật ký qua giao diện trên. - Lưu trữ nhật ký với ít nhất 05 thông tin, gồm: thời điểm sinh nhật ký; phân nhóm nhật ký; mô tả thao tác/lỗi; đối tượng thực hiện thao tác/sinh lỗi; mức độ quan trọng.
IV	An toàn ứng dụng và mã nguồn	
1	Có chức năng cho phép kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, dữ liệu đầu vào trước khi xử lý.	Có chức năng thực thi việc kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, dữ liệu đầu vào trước khi xử lý.
2	Có chức năng cho phép bảo vệ ứng dụng chống lại những dạng tấn công phổ biến: SQL Injection, OS command injection, RFI, LFI, Xpath injection, XSS, CSRF	Phần mềm được kiểm tra, đánh giá, kiểm thử xâm nhập theo tiêu chuẩn OWASP và không tồn tại điểm yếu cho phép kẻ tấn công khai thác thông qua các dạng tấn công: SQL Injection, OS command injection, RFI, LFI, Xpath Injection, XSS, CSRF.
3	Có chức năng cho phép kiểm soát lỗi, thông báo lỗi từ ứng dụng.	- Có chức năng kiểm soát lỗi, chỉ hiển thị các thông báo lỗi được kiểm soát đến người dùng và không hiển thị các lỗi bên trong hệ thống. - Có chức năng hiển thị thông báo lỗi đến người sử dụng.
4	Có chức năng cho phép bảo đảm không lưu trữ thông tin xác thực, thông tin bí mật trên mã nguồn ứng dụng.	Thông tin xác thực, bí mật không được đưa trực tiếp vào mã nguồn ứng dụng mà phải được thiết lập thông qua giao diện cấu hình hệ thống.
V	Bảo mật thông tin liên lạc	
	Có chức năng cho phép mã hóa	Có chức năng cho phép mã hóa dữ liệu trước khi truyền đưa, trao đổi qua môi trường mạng sử

TT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả yêu cầu
	thông tin, dữ liệu trước khi truyền đưa, trao đổi qua môi trường mạng (đối với các ứng dụng yêu cầu sử dụng chữ ký số).	dụng chữ ký số.
VI	Sao lưu dự phòng	
1	Có chức năng cho phép tự động sao lưu dự phòng.	- Có giao diện cho phép quản trị viên thiết lập chính sách về sao lưu dự phòng cơ sở dữ liệu và cấu hình hệ thống. - Có chức năng cho phép thực hiện việc sao lưu dự phòng theo chính sách ở trên.
2	Có chức năng cho phép phép gán nhãn loại dữ liệu được lưu trữ theo quy tắc được thiết lập.	- Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về phân loại dữ liệu được lưu trữ theo từng nhóm dữ liệu. - Có chức năng cho phép lưu trữ dữ liệu theo tên định dạng đối với từng loại dữ liệu tại mục trên.